

Tiết thứ 1

PHẦN 1: LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI
CHƯƠNG 1. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY
BÀI 1. SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI VÀ BẦY NGƯỜI NGUYÊN THỦY

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức: Yêu cầu học sinh:

Trình bày được những đặc điểm và đời sống vật chất của người tối cổ, người tinh khôn.
 Phân tích được lao động chính là nhân tố quan trọng trong quá trình chuyển hóa từ vượn thành người.

2. Tư tưởng

Giáo dục lòng yêu lao động vì lao động không những nâng cao đời sống của con người mà còn hoàn thiện bản thân con người.

3. Kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng sử dụng SGK - kỹ năng phân tích, đánh giá và tổng hợp về đặc điểm tiến hóa của loài người trong quá trình hoàn thiện mình đồng thời thấy sự sáng tạo và phát triển không ngừng của xã hội loài người.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* **Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực tái hiện sự kiện.
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến nội dung chuyên đề.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN, HỌC SINH

1. Giáo viên: hình ảnh sự tiến hóa loài người, công cụ lao động bằng đá

2. Học sinh: chuẩn bị bài mới, tư liệu liên quan đến bài học

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Phương pháp thuyết trình, giảng giải, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Tạo tình huống

a. Mục tiêu: Giúp học sinh định hướng mục đích học tập, kích thích hứng thú của các em để bài học diễn ra sôi nổi hơn.

b. Phương thức tiến hành: Gv đưa ra hình ảnh sự tiến hóa của loài người và nêu câu hỏi: Hình ảnh này nói lên điều gì? Hs dựa vào hiểu biết và kiến thức đã học trả lời.

c. Dự kiến sản phẩm: Hs trả lời được đây là hình ảnh tiến hóa của con người qua các giai đoạn lịch sử, nguồn gốc và tổ tiên của loài người. Gv trên cơ sở đó dẫn dắt vào bài: Xã hội loài người và loài người xuất hiện như thế nào? Để hiểu điều đó, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
HOẠT ĐỘNG I: Tìm hiểu sự xuất hiện loài người và đời sống bầy người nguyên thủy Làm việc cá nhân, nhóm	1. Sự xuất hiện loài người và đời sống bầy người nguyên thủy

Trước hết GV kể câu chuyện về nguồn gốc của dân tộc Việt Nam và chuyện Thượng đế sáng tạo ra loài người, sau đó nêu câu hỏi: *Loài người từ đâu mà ra? Câu chuyện kể trên có ý nghĩa gì?*

HS qua hiểu biết, qua câu chuyện GV kể và đọc SGK trả lời câu hỏi. GV nhận xét bổ sung và chốt ý.

Gv chia lớp thành các nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ:

+ *Nhóm 1,2: Thời gian tìm được dấu tích người tối cổ? Địa điểm? Tiến hóa trong cơ cấu tạo cơ thể?*

+ *Nhóm 3,4: Đời sống vật chất và quan hệ xã hội của Người tối cổ*

Hs từng nhóm đọc SGK, tìm ý trả lời và thảo luận thống nhất ý kiến. Đại diện của nhóm trình bày kết quả của mình.

GV dùng ảnh và biểu đồ để giải thích giúp HS hiểu và nắm chắc hơn: Ảnh về Vượn cổ, Người tối cổ, ảnh về các công cụ đá, biểu đồ thời gian của Người tối cổ. GV chỉ trên bản đồ địa điểm tìm thấy dấu tích của Vượn cổ, Người tối cổ.

HOẠT ĐỘNG G II : Tìm hiểu Người tinh khôn và óc sáng tạo

Làm việc theo nhóm

GV chia lớp thành 3 nhóm, nêu câu hỏi cho từng nhóm:

+ *Nhóm 1,2: Thời đại Người tinh khôn bắt đầu xuất hiện vào thời gian nào? Bước hoàn thiện về hình dáng và cấu tạo cơ thể được biểu hiện như thế nào?*

+ *Nhóm 3,4: Sự sáng tạo của Người tinh khôn trong việc chế tạo công cụ lao động bằng đá.*

+ *Nhóm 5,6: Những tiến bộ khác trong cuộc sống lao động và vật chất.*

HS đọc sách giáo khoa, thảo luận tìm ý trả lời. Sau khi đại diện nhóm trình bày kết quả thống nhất của nhóm. HS nhóm khác bổ sung. Cuối cùng GV nhận xét và mở rộng, hướng dẫn hs ghi bài.

- Vượn cổ (cách đây 6 triệu năm)---->

Người tối cổ (cách đây 4 triệu năm).

- Đặc điểm:

+ Đi, đứng : 2 chân

+ Bàn tay khéo léo

+ Cơ thể biến đổi

====> Bước nhảy vọt thứ nhất

- Đời sống vật chất :

+ Chế tạo công cụ đá (đồ đá cũ).

+ Làm ra lửa.

+ Tìm kiếm thức ăn: săn bắt - hái lượm

- Quan hệ xã hội: bầy người nguyên thủy.

2. Người tinh khôn và óc sáng tạo

- Người vượn ----> Người tinh khôn (Khoảng 4 vạn năm trước đây) .

- Đặc điểm: Hình dáng và cấu tạo cơ thể hoàn thiện như người ngày nay

+ Xương cốt nhỏ, tay khéo léo

+ V hộp sọ, não phát triển

+ Xuất hiện những màu da khác nhau

====> Bước nhảy vọt thứ 2

- Địa điểm tìm thấy di cốt: khắp các châu lục.

- Đời sống vật chất:

<p><u>HOẠT ĐỘNG I II: tìm hiểu cuộc cách mạng thời đá mới</u></p> <p>Làm việc cả lớp và cá nhân</p> <p>GV đặt câu hỏi: <i>Sang thời đại đá mới cuộc sống vật chất của con người có biến đổi như thế nào?</i></p> <p>HS đọc sách giáo khoa trả lời, HS khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét và chốt ý, hs ghi bài vào vở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Hậu kỳ đá cũ. ghè 2 mặt + Chế tạo cung tên và lao + Tìm kiếm thức ăn: Săn bắn, hái lượm + Dựng lều ngoài trời - óc sáng tạo là sự sáng tạo của người tinh khôn trong công việc cải tiến công cụ đồ đá và biết chế tác thêm nhiều công cụ mới. * Động lực của quá trình chuyển biến từ vượn thành người - Do vai trò của quy luật tiến hóa - Vai trò của lao động đã tạo ra con người và xã hội loài người. <p>3. Cuộc cách mạng thời đá mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Cách đây 1 vạn năm - Kỹ thuật chế tác công cụ : Ghè --->mài, cưa, khoan, đục - Cuộc sống con người đã có những thay đổi lớn lao, người ta biết: <ul style="list-style-type: none"> + Trồng trọt nguyên thủy, chăn nuôi, làm thủ công: làm gốm, đan lát, dệt... + Làm sạch tấm da thú che thân. + Làm nhạc cụ. ☐ Năng suất lao động tăng, bớt lệ thuộc vào thiên nhiên.
---	--

3. Hoạt động luyện tập

- Giúp hs nắm vững kiến thức của bài

- GV kiểm tra hoạt động nhận thức của HS với việc yêu cầu HS trả lời câu hỏi:
 - + Nguồn gốc của loài người, nguyên nhân quyết định đến quá trình tiến hóa.
 - + Thế nào là Người tối cổ? Cuộc sống vật chất và xã hội của Người tối cổ?
 - + Những tiến bộ về kỹ thuật khi Người tinh khôn xuất hiện?

- Hs dựa vào kiến thức vừa học trả lời nhanh.

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng

- Giúp hs hệ thống lại kiến thức đã học ở cấp 2, có cái nhìn khách quan và khoa học hơn về nguồn gốc con người.

- Gv yêu cầu hs chứng minh quá trình xuất hiện loài người(thời gian, địa điểm, bằng chứng khoa học...) trên đất nước Việt Nam.
- Hs dựa vào kiến thức đã học nêu được dấu vết của quá trình đó.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Nắm được bài cũ. Đọc trước bài mới và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa
- + Thế nào là thị tộc, bộ lạc, mối quan hệ trong TT, BL.
- + Quá trình tư hữu diễn ra như thế nào
- + Sự thâm tư liệu, tranh ảnh cuộc sống vật chất của người nguyên thủy
- Bài tập:
- Lập bảng so sánh

Nội dung	Thời kì đá cũ	Thời kì đá mới
Thời gian		
Chủ nhân		
Kỹ thuật chế tạo công cụ đá		
Đời sống lao động		

Tiết thứ 2*Ngày soạn: / /2018***BÀI 2. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY****I. MỤC TIÊU BÀI HỌC****1. Kiến thức: Yêu cầu HS:**

- Trình bày được đặc điểm tổ chức thị tộc, bộ lạc, mối quan hệ trong tổ chức xã hội đầu tiên của loài người.
- Nêu được mốc thời gian quan trọng của quá trình xuất hiện kim loại và hệ quả xã hội của công cụ kim loại.
- Phân tích và giải thích được hiệu quả kinh tế và hệ quả xã hội của thời đại kim khí đối với xã hội nguyên thủy

2. Tư tưởng

- Nuôi dưỡng giấc mơ chính đáng - xây dựng một thời đại Đại Đồng trong văn minh.
- HS biết quya trọng những giá trị vật chất, tinh thần xung quanh mình

3. Kỹ năng

Rèn cho HS kỹ năng phân tích và đánh giá tổ chức xã hội thị tộc, bộ lạc. Kỹ năng phân tích và tổng hợp về quá trình ra đời của kim loại - nguyên nhân - hệ quả của chế độ tư hữu ra đời.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* **Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực tái hiện sự kiện về các phát minh khoa học, kỹ thuật.

- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến nội dung chuyên đề.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY - HỌC

- Tranh ảnh thị tộc, bộ lạc, cuộc sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy

- Mẫu truyện ngắn về sinh hoạt của thị tộc, bộ lạc.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

Phương pháp thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Tạo tình huống

a. Mục tiêu: giúp hs định hướng nhiệm vụ học tập

b. Phương thức tiến hành:

Gv cho hs xem bức tranh về đời sống của con người thời kì nguyên thủy, yêu cầu hs quan sát và trả lời câu hỏi:

- Quan sát bức tranh em có nhận xét gì về cuộc sống con người thời kì nguyên thủy?

Hs suy nghĩ trả lời.

c. Dự kiến sản phẩm

- Hs nhận xét được đời sống: sơ khai, lạc hậu, mọi người cùng nhau sinh hoạt.....

- Gv dẫn dắt: Bài một cho chúng ta hiểu quá trình tiến hóa và tự hoàn thiện của con người. Sự hoàn thiện về vóc dáng và cấu tạo cơ thể. Sự tiến bộ trong cuộc sống vật chất. Đời sống của con người tốt hơn - đủ hơn - đẹp hơn - vui hơn. Và trong sự phát triển ấy ta thấy sự hợp quần của bầy người nguyên thủy - một tổ chức xã hội quá độ. Tổ chức ấy còn mang tính giản đơn, hoang sơ, còn đầy dấu ấn bầy đàn cùng sự tự hoàn thiện của con người. Bầy đàn phát triển tạo nên sự gắn kết và định hình của một tổ chức xã hội loài người khác hẳn với tổ chức bầy, đàn. Để hiểu tổ chức thực chất, định hình đầu tiên của loài người đó, ta tìm hiểu bài hôm nay.

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU - PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>HOẠT ĐỘNG I:</u> Tìm hiểu thị tộc, bộ lạc Cả lớp và cá nhân</p> <p>Trước hết GV gọi HS nhớ lại những tiến bộ, sự hoàn thiện của con người trong thời đại Người tinh khôn.</p> <p>GV nêu câu hỏi: <i>Thế nào là thị tộc? Mối quan hệ trong thị tộc? Đời sống vật chất, tinh thần?</i></p> <p>HS nghe và đọc sách giáo khoa trả lời.</p> <p>HS khác bổ sung.</p> <p>Cuối cùng GV nhận xét và chốt ý.</p>	<p>1. Thị tộc - bộ lạc</p> <p>a. Thị tộc</p> <p>- Thị tộc là nhóm người gồm 10 gia đình và có chung dòng máu.</p> <p>- Quan hệ trong thị tộc: công bằng, bình đẳng, cùng làm cùng hưởng..</p> <p>- Đời sống vật chất:</p> <p>+ công cụ bằng đá mài, xương và sừng</p> <p>+ kinh tế chủ yếu nhờ trồng trọt và chăn nuôi, kết hợp săn bắn, hái lượm, biết làm đồ gốm, dệt vải, làm nhà ở...</p> <p>- Đời sống tinh thần: ngôn ngữ, tôn giáo, nghệ thuật nguyên phát triển: hội họa, điêu khắc, thờ cúng tổ tiên...</p>

GV: Ta biết đặc điểm của thị tộc. Dựa trên hiểu biết đó, hãy:

- Định nghĩa thế nào là bộ lạc?
- Nêu điểm giống và điểm khác giữa bộ lạc và thị tộc?

HS đọc SGK và trả lời. HS khác bổ sung. GV nhận xét và chốt ý, hướng dẫn hs ghi bài.

HOẠT ĐỘNG II: Tìm hiểu buổi đầu của thời đại kim khí

Theo nhóm

GV chia nhóm để tìm hiểu quá trình tìm thấy kim loại - sử dụng nó như thế nào và hiệu quả của nó ra sao

Nhóm 1,2: Tìm mốc thời gian con người tìm thấy kim loại? Vì sao lại cách xa nhau như thế?

Nhóm 3,4: Sự xuất hiện công cụ bằng kim loại có ý nghĩa như thế nào đối với sản xuất?

HS đọc SGK, trao đổi thống nhất ý kiến. Đại diện nhóm trình bày. Các nhóm khác góp ý.

GV kết hợp cho HS xem kênh hình về sự phát triển của sản xuất nông nghiệp: lưỡi cuốc, cày bằng sắt...thủ công nghiệp: luyện kim, làm đồ gốm...

HOẠT ĐỘNG III: Tìm hiểu sự xuất hiện tư hữu và xã hội có giai cấp

Cả lớp và cá nhân

GV nêu câu hỏi: *Việc chiếm sản phẩm thừa của một số người có chức phận đã tác động đến xã hội nguyên thủy như thế nào?*

HS đọc SGK trả lời, các HS khác góp ý rồi GV nhận xét và chốt ý, hướng dẫn hs ghi bài.

b. Bộ lạc

- Bộ lạc là tập hợp một số thị tộc sống cạnh nhau và có cùng một nguồn gốc tổ tiên.
- Quan hệ giữa các thị tộc trong bộ lạc là gắn bó, giúp đỡ nhau.

2. Buổi đầu của thời đại kim khí

a. Quá trình tìm và sử dụng kim loại

Con người tìm và sử dụng kim loại:

- + Khoảng 5.500 năm trước đây phát hiện đồng đỏ ở Tây Á, Ai Cập
- + Khoảng 4.000 năm trước đây phát hiện đồng thau ở nhiều nơi trên thế giới (Việt Nam)
- + Khoảng 3.000 năm trước đây con người đã biết sử dụng đồ sắt

b. Hệ quả

- Sự tiến bộ của kỹ thuật chế tác công cụ: luyện kim, đúc đồng, sắt: loại hình công cụ mới lưỡi cuốc, cày bằng sắt
- Sản xuất phát triển: nông nghiệp dùng cày
- + Năng suất lao động tăng
- + Khai thác thêm đất đai trồng trọt
- + Thêm nhiều ngành nghề thủ công nghiệp: luyện kim, đúc đồng, sắt...
- + Làm ra một lượng sản phẩm thừa thường xuyên.

3. Sự xuất hiện tư hữu và xã hội có giai cấp

- Người lợi dụng chức quyền chiếm của chung □ tư hữu xuất hiện
- Gia đình phụ hệ thay gia đình mẫu hệ.
- Xuất hiện kẻ giàu, người nghèo. Xã hội nguyên thủy dần chuyển sang xã hội có giai cấp
- Nguyên nhân: do sự phát triển của sản xuất, làm xuất hiện của cải dư thừa thường xuyên.

3. Hoạt động luyện tập

- Giúp hs củng cố lại kiến thức vừa học.
- Gv nêu câu hỏi:

- 1. Thế nào là thị tộc, bộ lạc?
- 2. Những biến đổi lớn lao của đời sống sản xuất - quan hệ xã hội của thời đại kim khí?
- Hs thảo luận trả lời nhanh.
- 4. Hoạt động vận dụng và mở rộng**
- Trả lời các câu hỏi:
 1. So sánh điểm giống - khác nhau của thị tộc và bộ lạc.
 2. Do đâu mà tư hữu xuất hiện? Điều này đã dẫn tới sự thay đổi trong xã hội như thế nào?
 3. Liên hệ sự ra đời nhà nước ở Việt Nam.
- Hs thảo luận trả lời, liên hệ được với Việt Nam ngoài những điều kiện đó còn có yêu cầu trị thủy, chống ngoại xâm dẫn đến sự ra đời nhà nước.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Học bài cũ, làm bài tập.
- Đọc bài 3: Các quốc gia cổ đại phương Đông.
 - + Điều kiện tự nhiên, cuộc sống của cư dân
 - + Tìm hiểu các giai cấp trong xã hội cổ đại
 - + Chế độ chuyên chế cổ đại là gì
 - + Ý nghĩa của bức tranh hình 1 trang 11, hình 2 trang 12.
 - + Tư liệu về cuộc sông của tầng lớp quý tộc, nông dân công xã, nô lệ

Tiết thứ 3,4

Ngày soạn: / /2018

CHƯƠNG 2: XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Bài 3: CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Yêu cầu học sinh :

- Trình bày được điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Đông; nêu được các ngành kinh tế chủ yếu.
- Phân tích được những khó khăn và thuận lợi của ĐKTN mang lại cho các quốc gia cổ đại phương Đông.
- Nêu được cơ cấu và đặc điểm các tầng lớp trong xã hội cổ đại phương Đông.
- Nêu được khái niệm: chế độ chuyên chế cổ đại
- Trình bày và phân tích được những đóng góp của cư dân phương Đông cổ đại đối với văn minh nhân loại.

2. Về tư tưởng, tình cảm

- Thông qua bài học bồi dưỡng lòng tự hào về truyền thống lịch sử của các dân tộc phương Đông, trong đó có Việt Nam.

3. Về kỹ năng

- Biết sử dụng bản đồ để phân tích những thuận lợi, khó khăn và vai trò của các điều kiện địa lý ở các quốc gia cổ đại phương Đông tác động đến sự phát triển kinh tế và chế độ chính trị.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* **Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến nội dung chuyên đề.

- Năng lực so sánh, phân tích.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN- HỌC SINH:

1. GV: giáo án, bản đồ các quốc gia cổ đại, bản đồ thế giới hiện nay, máy tính....

2. HS: tư liệu, tranh ảnh về văn hóa cổ đại phương Đông...

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, cá nhân, phân tích, nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: tạo ra tình huống có vấn đề, nhằm khơi gợi trí tò mò, khả năng tư duy của hs.

b. Phương thức tiến hành:

- Gv cho hs xem hình ảnh về các công cụ bằng kim loại rồi nêu câu hỏi;

+ Công cụ bằng sắt xuất hiện từ khi nào?

+ Hệ quả của sự xuất hiện đồ sắt?

- Hs nhớ lại kiến thức của bài trước để trả lời.

c. Dự kiến sản phẩm:

Hs trả lời được công cụ bằng sắt xuất hiện từ 3000 năm trước, đem lại hệ quả làm tăng năng suất, sản phẩm thừa thường xuyên, tư hữu, giai cấp và nhà nước.....

- GV nhận xét câu trả lời của HS, khái quát bài cũ và dẫn dắt HS vào bài mới và nêu nhiệm vụ nhận thức cho HS như sau: Trên lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á và châu Phi từ thiên niên kỷ IV TCN, cư dân phương Đông đã biết tới nghề luyện kim, làm nông nghiệp và chăn nuôi gia súc. Họ đã xây dựng các quốc gia đầu tiên của mình, (trước khi có đồ sắt ra đời) đó là xã hội có giai cấp đầu tiên mà trong đó thiểu số quý tộc thống trị đa số nông dân công xã và nô lệ. Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước ở các quốc gia cổ đại phương Đông không giống nhau, nhưng thể chế chung là chế độ quân chủ chuyên chế, mà trong đó vua là người nắm mọi quyền hành và được cha truyền, con nối.

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>HOẠT ĐỘNG 1:</u> Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và sự phát triển của các ngành kinh tế Làm việc cá nhân, cả lớp</p> <p>GV treo bản đồ "Các quốc gia cổ đại" trên bảng, giới thiệu vị trí các quốc gia cổ đại phương Đông cho HS.</p> <p>GV: Với vị trí địa lý đó, các quốc gia cổ đại phương Đông có những thuận lợi và khó khăn gì?</p> <p>GV gọi một HS trả lời, các HS khác có thể bổ sung cho bạn.</p>	<p>1. Điều kiện tự nhiên và sự phát triển của các ngành kinh tế</p> <p>a. Điều kiện tự nhiên:</p> <p>Cư trú ở lưu vực các con sông.</p> <p>- Thuận lợi: Đất đai phù sa: màu mỡ, tưới xấp, gần nguồn nước tưới==> dễ canh tác và sinh sống</p> <p>- Khó khăn: Dễ bị lũ lụt, gây mất mùa, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.</p> <p>- Do thủy lợi,... người ta đã sống quần tụ thành những trung tâm quần cư lớn và</p>

<p>GV nhận xét và chốt ý.</p> <p>GV: Nền kinh tế chính của các quốc gia cổ đại phương Đông?</p> <p>GV gọi HS trả lời, các HS khác bổ sung. GV nhận xét, chốt ý, hs ghi bài vào vở.</p> <p><u>HOẠT ĐỘNG G II : Sự hình thành các quốc gia cổ đại</u></p> <p>Hoạt động: cá nhân- cặp đôi</p> <p>GV: Cơ sở hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông? Kể tên và thời gian hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông? Em có nhận xét gì về thời gian hình thành đó?</p> <p>HS đọc SGK và thảo luận, sau đó gọi một HS trả lời, các HS khác bổ sung cho bạn.</p> <p>GV có thể chỉ trên bản đồ quốc gia cổ đại Ai Cập hình thành như thế nào, địa bàn của các quốc gia cổ ngày nay là những nước nào trên Bản đồ thế giới, và liên hệ ở Việt Nam trên lưu vực sông Hồng, sông Cả,... đã sớm xuất hiện nhà nước cổ đại (phần này sẽ học ở phần lịch sử Việt Nam).</p> <p><u>HOẠT ĐỘNG G III : Tìm hiểu Xã hội cổ đại phương Đông</u></p> <p>Hoạt động: cá nhân- theo bàn</p> <p>GV cho HS xem biểu đồ hình chóp về cơ cấu dân cư của xã hội cổ đại phương Đông</p> <p>GV? <i>Trong xã hội cổ đại phương Đông có những tầng lớp nào? Em hãy nêu đặc điểm của từng tầng lớp đó?</i></p> <p>HS quan sát biểu đồ, suy nghĩ, thảo luận và trả lời.</p> <p>Đại diện HS từng nhóm trả lời</p> <p>HS dựa vào SGK, kết hợp sơ đồ nắm vai trò vị trí của từng giai cấp trong xã hội</p> <p>GV kết hợp cho HS xem hình ảnh về cuộc sống giàu sang của quý tộc, lao động cực nhọc của nô lệ và kể những câu chuyện về họ.</p>	<p>gắn bó với nhau trong tổ chức công xã.</p> <p>b. Sự phát triển của các ngành kinh tế</p> <p>- Nghề nông nghiệp tưới nước là gốc, ngoài ra còn chăn nuôi là làm thủ công nghiệp.</p> <p>2. Sự hình thành các quốc gia cổ đại</p> <p>- Cơ sở hình thành:</p> <p>+ Do nhu cầu của công tác trị thủy--->tổ chức công xã</p> <p>+ Sự phát triển của sản xuất dẫn tới sự phân hóa giai cấp--->từ đó nhà nước ra đời.</p> <p>- Các quốc gia cổ đại đầu tiên xuất hiện</p> <p>+ Ở Ai Cập 3200 năm TCN hình thành nhà nước thống nhất.</p> <p>+ Lưỡng Hà TNK IV TCN hình thành các nước nhỏ của người Su-me.</p> <p>+ Ấn Độ TNK III TCN hình thành các quốc gia cổ ở lưu vực sông Ấn.</p> <p>+ Trung Quốc giữa TNK III TCN hình thành vương triều nhà Hạ.</p> <p>==> hình thành từ rất sớm</p> <p>3. Xã hội cổ đại phương Đông</p> <p>- Nông dân công xã: Chiếm số đông trong xã hội</p> <p>+ Nhận ruộng để sản xuất</p> <p>+ Nộp thuế và làm các nghĩa vụ khác</p> <p>==> Lực lượng lao động chính</p> <p>- Quý tộc: Gồm các quan lại ở địa phương, các thủ lĩnh quân sự và những người phụ trách lễ nghi tôn giáo</p> <p>+ Giàu có</p> <p>+ Có địa vị xã hội: Được thu thuế</p> <p>- Nô lệ:</p> <p>+ Chủ yếu là tù binh và thành viên công</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG G IV: Tìm hiểu chế độ chuyên chế cổ đại

Hoạt động :Cá nhân

GV: Thế nào là chế độ chuyên chế cổ đại? Thế nào là vua chuyên chế? Vua dựa vào đâu để trở thành chuyên chế?

HS nghiên cứu SGK, suy nghĩ trả lời, các HS khác bổ sung cho bạn.

HOẠT ĐỘNG V: Tìm hiểu những thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông

Hoạt động: Nhóm

GV chia HS cả lớp làm 4 nhóm, nêu nhiệm vụ cho mỗi nhóm

- *Nhóm 1: Cách tính lịch của cư dân phương Đông? Tại sao hai ngành lịch và thiên văn lại ra đời sớm nhất ở phương Đông?*
- *Nhóm 2: Vì sao chữ viết ra đời? Tác dụng của chữ viết?*
- *Nhóm 3: Nguyên nhân ra đời của toán học? Những thành tựu của toán học phương Đông và tác dụng của nó?*
- *Nhóm 4: Hãy giới thiệu những công trình kiến trúc cổ đại phương Đông? Những công trình nào còn tồn tại đến ngày nay?*

GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày và thành viên của các nhóm khác có thể bổ sung cho bạn, sau đó GV nhận xét và chốt ý

GV cho HS xem tranh ảnh nói về cách viết chữ tượng hình của cư dân phương Đông xưa và hiện nay trên thế giới vẫn còn một số quốc gia viết chữ tượng hình như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

- GV nhận xét: GV cho HS giới thiệu về các kỳ quan này qua tranh ảnh, đĩa VCD,...

- Nếu còn thời gian GV có thể đi sâu vào giới thiệu cho HS về kiến trúc xây dựng Kim tự tháp, hoặc sự hùng vĩ của Vạn lý trường thành,...

xã bị mắc nợ hoặc bị phạm tội.

+ Phải làm việc nặng nhọc và hầu hạ quý tộc. Cùng với nông dân công xã họ là tầng lớp bị bóc lột trong xã hội.

4. Chế độ chuyên chế cổ đại

- Chế độ nhà nước do vua đứng đầu, có quyền lực tối cao gọi là chế độ chuyên chế cổ đại.

- Dưới vua là một bộ máy quan liêu giúp việc thừa hành: thu thuế, trông coi xây dựng, chỉ huy quân đội...

- Quyền lực của vua: nắm cả pháp quyền và thần quyền, có tên gọi khác nhau ở mỗi nước: Pha-ra-on(Ai Cập), En-xi(L Hà)

5. Văn hóa cổ đại phương Đông

a. Sự ra đời của lịch pháp và thiên văn học

- Thiên văn học và lịch là 2 ngành khoa học ra đời sớm nhất, gắn liền với nhu cầu sản xuất nông nghiệp

- Nông lịch: 1 năm có 365 ngày được chia thành 12 tháng, tuần, ngày, mùa

- Biết đo thời gian bằng ánh sáng mặt trời: ngày có 24 giờ.

- Việc tính lịch chỉ đúng tương đối, nhưng nông lịch thì có ngay tác dụng đối với việc gieo trồng.

b. Chữ viết

- Nguyên nhân ra đời của chữ viết: Do nhu cầu trao đổi, lưu giữ kinh nghiệm mà chữ viết sớm hình thành từ thiên niên kỷ IV TCN.

- Ban đầu là chữ tượng hình, sau đó là tượng ý, tượng thanh, đây là phát minh lớn của loài người.

- Nguyên liệu viết chữ: giấy pa-pi-rút, đất sét, xương thú, mai rùa...

- Tác dụng của chữ viết: Đây là phát minh quan trọng nhất, nhờ nó mà chúng ta hiểu được phần nào lịch sử thế giới cổ đại.

c. Toán học

	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân ra đời: Do nhu cầu tính lại ruộng đất, nhu cầu xây dựng tính toán,... mà toán học ra đời. - Thành tựu Các công thức sơ đẳng về hình học: tính được diện tích hình tròn, tam giác..., các bài toán đơn giản về số học cộng, trừ, nhân, chia,.. phát minh ra số 0 của cư dân Ấn Độ, $\pi = 3,16$ - Tác dụng: là những phát minh quan trọng, có ảnh hưởng đến văn minh nhân loại. <p>d. Kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do uy quyền của các nhà vua mà hàng loạt các công trình kiến trúc đã ra đời: Kim tự tháp Ai Cập, vườn treo Ba-bi-lon, Vạn lý trường thành,... - Các công trình này thường đồ sộ thể hiện cho uy quyền của vua chuyên chế. - Ngày nay còn tồn tại một số công trình như Kim tự tháp Ai Cập, Vạn lý trường thành, cổng I-sơ-ta thành BA-bi-lon,... - Những công trình này là những kì tích về sức lao động và tài năng sáng tạo của con người.
--	--

3. Hoạt động luyện tập: Kiểm tra hoạt động nhận thức của HS, yêu cầu HS nắm được những kiến thức cơ bản của bài học:

- Điều kiện tự nhiên, nền kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Đông?
- Thể chế chính trị và các tầng lớp chính trong xã hội, vai trò của nông dân công xã?

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng:

GV có thể cho HS vận dụng liên hệ Việt Nam thời kỳ này: nhà nước Văn Lang- Âu Lạc ra đời như thế nào? Các ngành kinh tế chủ yếu....

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Giao bài tập về nhà cho HS và yêu cầu HS đọc trước SGK mục 4,5 của bài 3
- Tìm hiểu lịch, chữ viết, toán học, kiến trúc: Kim tự tháp, Vườn treo Ba-bi-lon, Cổng thành I-sơ-la, Vạn lý trường thành của phương Đông cổ đại.

Tiết thứ 5,6

Ngày soạn: / /2018

BÀI 4. CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY - HY LẠP VÀ RÔ-MA

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Yêu cầu học sinh:

- Trình bày được điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Tây; nêu được các ngành kinh tế chủ yếu.
- Phân tích được những khó khăn và thuận lợi của ĐKTN mang lại cho các quốc gia cổ đại phương Tây.

- Nêu được cơ cấu và đặc điểm các tầng lớp trong xã hội cổ đại phương Tây.
- Nêu được khái niệm: chế độ dân chủ cổ đại
- Trình bày và phân tích được những đóng góp của cư dân phương Tây cổ đại đối với văn minh nhân loại.
- So sánh với nhà nước phương Đông cổ đại về ĐKTN, kinh tế, chính trị...

2. Về tư tưởng: Giáo dục cho HS thấy được mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp mà tiêu biểu là những cuộc đấu tranh của nô lệ và dân nghèo trong xã hội chiếm nô. Từ đó giúp các em thấy được vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

3. Về kỹ năng

- Rèn luyện cho HS kỹ năng sử dụng bản đồ để phân tích được những thuận lợi, khó khăn và vai trò của điều kiện địa lý đối với sự phát triển mọi mặt của các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải.
- Biết khai thác nội dung tranh ảnh.

4. Định hướng năng lực hình thành

* **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* **Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực tái hiện sự kiện.
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY - HỌC

- Bản đồ các quốc gia cổ đại.
- Tranh ảnh về một số công trình nghệ thuật thế giới cổ đại.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: thuyết trình, giảng giải, phân tích, so sánh, nhận xét, rút ra bài học, hoạt động nhóm, dự án

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Tạo tình huống:

a, Mục tiêu: hs nhận thức được nhiệm vụ học tập, trên cơ sở kiến thức đã học để hình thành kiến thức mới.

b, Phương thức tiến hành

- Gv cho hs làm nhanh câu hỏi trắc nghiệm:

Hãy điền vào chỗ trống:

- Các quốc gia cổ đại phương Đông hình thành ở
- Thời gian hình thành Nhà nước ở các quốc gia cổ đại phương Đông
- Đặc điểm kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Đông
- Giai cấp chính trong xã hội
- Thể chế chính trị

(Câu hỏi in ra giấy A4 kiểm tra cùng một lúc nhiều HS).

Hs suy nghĩ nhớ lại kiến thức đã học để trình bày.

C, Dự kiến sản phẩm:

GV khái quát nội dung phần kiểm tra bài cũ dẫn dắt HS vào bài mới và nêu nhiệm vụ nhận thức về bài mới cho HS như sau:

Hy Lạp và Rô-ma bao gồm nhiều đảo và bán đảo nhỏ, nằm trên bờ bắc Địa Trung Hải. Địa Trung Hải giống như một cái hồ lớn, tạo nên sự giao thông thuận lợi giữa các nước với nhau, do đó từ rất sớm đã có những hoạt động hàng hải, ngư nghiệp và thương nghiệp biển. Trên cơ sở đó, Hy Lạp và Rô-ma đã phát triển rất cao về kinh tế và xã hội làm cơ sở cho một nền văn

Trang 13

<p>GV đặt câu hỏi để HS suy nghĩ tiếp: <i>Có phải ai cũng có quyền công dân hay không? Vậy bản chất của nền dân chủ ở đây là gì?</i></p> <p>HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung phân tích và chốt ý.</p> <p>- GV có thể cho HS tự đọc thêm SGK để hiểu thêm về kinh tế của các thị quốc, mối quan hệ giữa các thị quốc.</p> <p>Ngoài ra gợi ý cho HS xem tượng Pê-ri-clet: Ông là ai? Là người như thế nào? Tại sao người ta lại tạc tượng ông?</p> <p><u>HOẠT ĐỘNG III; Tìm hiểu những văn hóa cổ đại Hy Lạp và Rô-ma</u></p> <p><u>Là m việc theo nhóm</u></p> <p>GV cho HS bài học sưu tầm về văn hóa cổ đại Hy Lạp, Rô-ma ở nhà trước, tiết này HS trình bày theo nhóm theo yêu cầu đặt ra của GV.</p> <p>GV đặt câu hỏi nhóm 1: <i>Những hiểu biết của cư dân Địa Trung Hải về lịch sử và chữ viết? So với cư dân cổ đại phương Đông có gì tiến bộ hơn? Ý nghĩa của việc phát minh ra chữ viết?</i></p> <p>Đại diện nhóm 1 lên trình bày, các nhóm khác bổ sung, sau đó GV chốt lại và cho điểm (điều này sẽ động viên được HS). GV nên có các câu hỏi gợi mở cho các nhóm thảo luận và trả lời như: Quan niệm của cư dân Địa Trung Hải về trái đất, mặt trời? Cách tính lịch so với cư dân cổ đại phương Đông? Chữ viết của cư dân Địa Trung Hải có dễ đọc, dễ viết hơn phương Đông không? Những chữ trên Khải hoàn môn Trai-an có gì giống với chúng ta đang sử dụng bây giờ? GV minh họa thêm bằng hình ảnh để HS khắc sâu kiến thức</p> <p><u>GV đặt câu hỏi nhóm 2: <i>Hãy trình bày những hiểu biết của nhóm em về các lĩnh vực khoa học của cư dân cổ đại Địa Trung Hải? Tại sao nói: "Khoa học đã có từ lâu nhưng đến Hy Lạp, Rô-ma khoa học mới thực sự trở thành khoa học"</i>?</u></p> <p>Cho đại diện nhóm 2 lên trình bày về các lĩnh vực toán, lý, sử, địa về các định lý Ta-lét, Pi-ta-go hay Ac-si-met (câu chuyện về nhà bác học Ac-si-met), có thể ghi lên bảng giới thiệu cho cả lớp một định lý. Các nhóm khác bổ sung cho nhóm bạn.</p> <p>GV nhận xét, chốt ý và cho điểm nhóm trình</p>	<p>quy mô lớn bày.</p>
---	------------------------

- + Thương nghiệp: thương mại đường biển, nhiều hải cảng, có thuyền lớn, có buồm và nhiều mái chèo....
- + Kinh tế hàng hóa- tiền tệ: sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, lưu thông tiền tệ
- Chính trị
- + Tính chất dân chủ của thị quốc: Quyền lực không nằm trong tay quý tộc mà nằm trong tay Đại hội công dân, Hội đồng 500,... mọi công dân đều được phát biểu và biểu quyết những công việc lớn của quốc gia.
- + “Cộng hòa quý tộc Rô –ma”: biểu hiện là không có vua, đại hội công dân bầu ra hai Chấp chính qua để điều hành đất nước, nhưng Viện nguyên lão có quyền lực tối cao.
- Bản chất của nền dân chủ cổ đại ở Hy Lạp, Rô-ma: Đó là nền dân chủ chủ nô, dựa vào sự bóc lột thậm tệ của chủ nô đối với nô lệ.

3. Văn hóa cổ đại Hy Lạp và Rô-ma

a. Lịch và chữ viết

- Lịch: cư dân cổ đại Địa Trung Hải đã tính được lịch một năm có 365 ngày và 1/4 nên họ định ra một tháng lần lượt có 30 và 31 ngày, riêng tháng hai có 28 ngày. Dù chưa biết thật chính xác nhưng cũng rất gần với hiểu biết ngày nay.
- Chữ viết: Phát minh ra hệ thống chữ cái A, B, C,... lúc đầu có 20 chữ, sau thêm 6 chữ nữa để trở thành hệ thống chữ cái hoàn chỉnh như ngày nay.
- Ý nghĩa của việc phát minh ra chữ viết: Đây là cống hiến lớn lao của cư dân Địa Trung Hải cho nền văn minh nhân loại.

<p>- GV đặt câu hỏi nhóm 3: <i>Những thành tựu về văn học, nghệ thuật của cư dân cổ đại Địa Trung Hải?</i></p> <p>Nhóm 3 lên trình bày và các nhóm khác bổ sung. GV có thể kể cụ thể cho HS nghe một câu chuyện và cho HS nhận xét về nội dung? (mang tính nhân đạo, đề cao cái thiện, cái đẹp, phản ánh các quan hệ trong xã hội,...).</p> <p>Gv cho các em giới thiệu về các tác phẩm nghệ thuật mà các em sưu tầm được, miêu tả đền Pác-tê- nông, đấu trường ở Rô-ma trong SGK, ngoài ra cho HS quan sát tranh: tượng lực sĩ ném đĩa, tranh tượng nữ thần A- thê- na,...</p> <p>GV minh họa thêm bằng hình ảnh để HS khắc sâu kiến thức</p> <p>GV đặt câu hỏi nhóm 4: <i>Hãy nhận xét về nghệ thuật của Hy Lạp, Rô-ma?</i></p> <p>GV gọi HS trả lời và các nhóm bổ sung cho nhau, sau đó GV chốt ý.</p> <p>GV minh họa thêm bằng hình ảnh để HS khắc sâu kiến thức</p>	<p>b. Sự ra đời của khoa học</p> <p>Chủ yếu các lĩnh vực: toán, lý, sử, địa.</p> <p>- Khoa học đến thời Hy Lạp, Rô-ma mới thực sự trở thành khoa học vì có độ chính xác của khoa học, đạt tới trình độ khái quát thành định lý, lý thuyết và nó được thực hiện bởi các nhà khoa học có tên tuổi, đặt nền móng cho ngành khoa học đó.</p> <p>c. Văn học</p> <p>- Chủ yếu là kịch (kịch kèm theo hát).</p> <p>- Một số nhà viết kịch tiêu biểu như Sô phốc, Ê-sin,...</p> <p>- Giá trị của các vở kịch: Ca ngợi cái đẹp, cái thiện và có tính nhân đạo sâu sắc.</p> <p>d. Nghệ thuật</p> <p>- Nghệ thuật tạc tượng thần và xây đền thờ thần đạt đến đỉnh cao.</p> <p>+ Tượng Nữ thần Milo, tượng Nữ thần A tê na, tượng thần mặt trời...</p> <p>+ Đền Pác tê nông, đấu trường Rô ma...</p>
---	---

3. Hoạt động luyện tập: GV kiểm tra hoạt động nhận thức của HS, yêu cầu HS nhắc lại đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế, thể chế chính trị của các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải thông qua bảng so sánh.

	Các quốc gia Phương Đông	Các quốc gia Hi Lạp, Rô ma
Điều kiện tự nhiên		
Sự phát triển kinh tế		
Thể chế chính trị		
Văn hóa		

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng:

Những thành tựu văn hóa cổ đại phương Tây đến bây giờ vẫn còn tác dụng đối với nhân loại?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC: Trung quốc phong kiến:

- Thống kê các triều đại phong kiến ở Trung Quốc (tên triều đại, thời gian tồn tại)

- Sự thành lập nhà Tần, Hán, Đường và sự phát triển chế độ chính trị, kinh tế, chính sách đối ngoại.
- Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Tần Hán, Minh – Thanh. Tìm hiểu các thành tựu văn hóa Trung Quốc

Tiết thứ 7,8

Ngày soạn: / /2018

**CHƯƠNG 3. TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN
BÀI 5. TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Yêu cầu học sinh:

- Trình bày được sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc và các quan hệ trong xã hội.
- Trình bày và vẽ được bộ máy chính quyền phong kiến được hình thành, củng cố từ thời Tần - Hán cho đến thời Minh - Thanh. Nhận xét chính sách xâm lược chiếm đất đai của các hoàng đế Trung Hoa.
- Trình bày được và nhận xét về văn hóa Trung Quốc thời phong kiến. Nêu những tác động của văn hóa Trung Quốc đến nền văn hóa Việt Nam.

2. Về tư tưởng, tình cảm: Giúp HS thấy được tính chất phi nghĩa của các cuộc xâm lược của các triều đại phong kiến Trung Quốc.

3. Về kỹ năng

- Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, giúp HS biết phân tích và rút ra kết luận.
- Biết vẽ sơ đồ hoặc tự vẽ được lược đồ để hiểu được bài giảng.
- Nắm vững các khái niệm cơ bản.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH: - Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Tần Hán. Lược đồ Trung quốc thời Tần, Hán. Tư liệu về Tần Thủy Hoàng, Hán lưu Bang

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh và tài liệu tham khảo,

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV cho học sinh quan sát lại lược đồ Trung quốc thời phong kiến và nêu câu hỏi: Nêu những hiểu biết của em về đất nước Trung quốc (có thể xưa hoặc nay), có thể kể tên một vài tác phẩm văn học hay bộ phim về lịch sử Trung quốc? HS suy nghĩ và trả lời. GV nhận xét

c. Dự kiến sản phẩm:

Trên cơ sở thuộc mô hình các quốc gia cổ đại phương Đông, Trung Quốc vào những thế kỷ cuối công nguyên do sự phát triển của sản xuất, xã hội phân hóa giai cấp nên chế độ phong kiến ở đây đã hình thành sớm. Nhà Tần đã khởi đầu xây dựng chính quyền phong kiến, hoàng đế có quyền tuyệt đối. Kinh tế phong kiến Trung Quốc chủ yếu là nông nghiệp phát triển thăng trầm theo sự hưng thịnh của chính trị. Để hiểu được quá trình hình thành phong kiến ra sao? Phát triển qua các triều đại như thế nào? Sự hưng thịnh về kinh tế gắn với chính trị như thế nào? Tại sao có các cuộc khởi nghĩa nông dân vào cuối các thời đại? Và nhân dân Trung quốc đã đạt được những thành tựu văn hóa rực rỡ ra sao? Bài học hôm nay sẽ giúp các em nắm bắt được những vấn đề trên.

2. Hình thành kiến thức mới.

Tiết 1

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>HOẠT ĐỘNG I: Tìm hiểu chế độ phong kiến thời Tần- Hán.</u></p> <p><u>Bước 1: Hoạt động cá nhân</u></p> <p>- Trước hết GV gọi lại cho HS nhớ lại kiến thức đã học ở bài các quốc gia cổ đại phương Đông, về các giai cấp cơ bản trong xã hội, sau đó đặt câu hỏi:</p> <p>+ <i>Việc sử dụng công cụ bằng sắt ở Trung Quốc vào thế kỷ thứ V TCN có tác dụng gì?</i></p> <p>Cho HS cả lớp xem sơ đồ treo trên bảng và gọi một HS trả lời, các HS khác bổ sung cho bạn.</p> <p>HS dựa vào những kiến thức đã học ở những bài trước và dựa vào sơ đồ để trả lời.</p> <p>GV củng cố và giải thích thêm cho HS rõ</p> <p>+ Trong xã hội Trung Quốc, từ khi đồ sắt xuất hiện, xã hội đã có sự phân hóa, hình thành hai giai cấp mới địa chủ và nông dân lĩnh canh từ đây hình thành quan hệ sản xuất phong kiến, đó là quan hệ bóc lột giữa địa chủ là nông dân lĩnh canh thay thế cho quan hệ bóc lột quý tộc và nông dân công xã.</p> <p><u>Bước 2</u></p> <p>GV? <i>Nhà Tần - Hán được hình thành như thế nào? Tại sao nhà Tần lại thống nhất được Trung Quốc?</i></p> <p>Cho HS đọc SGK, gọi một HS trả lời và các em khác bổ sung.</p> <p>GV củng cố và chốt ý: Đến năm 221 - TCN, đã</p>	<p>1. Chế độ phong kiến thời Tần - Hán</p> <p>a. Sự thành lập xã hội cổ đại Trung Quốc</p> <p>- Trong xã hội Trung Quốc, từ khi đồ sắt xuất hiện, xã hội đã có sự phân hóa, hình thành hai giai cấp mới địa chủ và nông dân lĩnh canh</p> <p>b. Sự hình thành nhà Tần - Hán:</p> <p>- Năm 221 - TCN, nhà Tần đã thống nhất Trung Quốc, vua Tần tự xưng là Tần Thủy Hoàng.</p> <p>- Lưu Bang lập ra nhà Hán 206 - 220 TCN.</p> <p>Đến đây chế độ phong kiến Trung Quốc đã được xác lập.</p> <p>c. Tổ chức bộ máy nhà nước thời</p>

thống nhất Trung Quốc, vua Tần tự xưng là Tần Thủy Hoàng, chế độ phong kiến Trung Quốc hình

thành. Nhà Tần tồn tại được 15 năm sau đó bị cuộc khởi nghĩa của Trần Thắng và Ngô Quảng làm cho sụp đổ.

- Lưu Bang lập ra nhà Hán 206TCN - 220. Đến đây chế độ phong kiến Trung Quốc đã được xác lập.

Bước 3.

GV cho HS đọc SGK và vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến và trả lời câu hỏi: Tổ chức bộ máy phong kiến thời Tần - Hán ở Trung ương và địa phương như thế nào?

GV? Hãy kể tên các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta chống lại sự xâm lược của nhà Tần, nhà Hán? (gợi ý: VD cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta chống quân Tần TCN, cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng chống quân Hán năm 40,...).

HOẠT ĐỘNG II: Tìm hiểu sự phát triển về KT- CT của TQ dưới thời nhà Đường

Bước 1: Hoạt động theo từng nhóm

- GV nêu câu hỏi cho từng nhóm:

+ *Nhóm 1: Nhà Đường được thành lập như thế nào? Kinh tế thời Đường so với các triều đại trước? Nội dung của chính sách Quân điền?*

+ *Nhóm 2: Bộ máy nhà nước thời Đường có gì khác so với các triều đại trước?*

+ *Nhóm 3: Vì sao lại nổ ra các cuộc khởi nghĩa nông dân vào cuối triều đại nhà Đường?*

HS từng nhóm đọc SGK, tìm ý trả lời và thảo luận với nhau.

Sau đó đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm khác nghe và bổ sung.

Bước 2. Cuối cùng GV nhận xét và chốt ý kết hợp cho HS xem các hình ảnh minh họa

Tần - Hán:

* Bộ máy nhà nước:

- Ở TW: Hoàng đế có quyền tuyệt đối, bên dưới có thừa tướng, thái úy cùng các quan văn, võ.

- Ở địa phương: Quan thái thú và Huyện lệnh

* Tuyển dụng quan lại chủ yếu là hình thức tiến cử.

* Chính sách xâm lược của nhà Tần - Hán: xâm lược các vùng xung quanh, xâm lược Triều Tiên và đất đai của người Việt cổ.

2. Sự phát triển chế độ phong kiến dưới thời Đường

a. Về kinh tế:

+ Nông nghiệp: chính sách quân điền, áp dụng kỹ thuật canh tác mới, chọn giống,... dẫn tới năng suất tăng.

+ Thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển thịnh đạt: có các xưởng thủ công (tác phường) luyện sắt, đóng thuyền.

+ Hình thành “con đường tơ lụa” buôn bán với bên ngoài

Kinh tế thời Đường phát triển cao hơn so với các triều đại trước.

b. Về chính trị:

- Từng bước hoàn thiện chính quyền từ TW xuống địa phương, có chức Tiết độ sứ.

- Tuyển dụng quan lại bằng thi cử (bên cạnh cử con em thân tín xuống các địa phương).

- Mâu thuẫn xã hội dẫn đến khởi nghĩa nông dân thế kỷ X khiến cho nhà

Đường súp đồ.

Tiết 2

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu tình hình Trung Quốc dưới triều đại nhà Minh.</p> <p>Bước 1: GV trình bày sự thành lập của triều đại nhà Minh ở Trung Quốc: Do Chu Nguyên Chương sáng lập (1368), kinh đô đóng tại Nam Kinh 1403: Bắc Kinh. Tồn tại: 1368 - 1644.</p> <p>Bước 2: Cá nhân- cặp đôi</p> <p>GV? <i>Tình hình kinh tế Trung Quốc dưới thời nhà Minh có điểm khác biệt gì so với trước? Biểu hiện?</i></p> <p>HS: Theo dõi SGK, thảo luận cặp đôi, HS khác nghe bổ sung.</p> <p>GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận: Bắc Kinh, Nam Kinh không chỉ là trung tâm chính trị mà còn là trung tâm kinh tế lớn.</p> <p>GV? Em hãy nêu sự khác biệt trong QHSX thời nhà Minh so với thời kỳ trước?</p> <p>HS suy nghĩ trả lời.</p> <p>GV nhận xét, kết luận: Thời kỳ trước là quan hệ giữa địa chủ với nông dân lĩnh canh thông qua tô thuế, lao dịch ---> QHSX phong kiến.</p> <p>Thời Minh: Quan hệ giữa chủ xưởng và thợ làm thuê thông qua sản phẩm hoặc ngày công lao động---> QHSX TBCN.</p> <p>GV? <i>Bộ máy nhà nước thời Minh so với Tần-Hán, Đường có gì khác biệt?</i></p> <p>HS nghiên cứu SGK, nhớ lại kiến thức đã học để trả lời.</p> <p>GV nhận xét, kết luận bằng sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước Trung Quốc thời Minh trên màn hình PP.</p> <p>GV? <i>Em hãy quan sát sơ đồ tổ chức bộ máy</i></p>	<p>3. Trung Quốc thời Minh – Thanh.</p> <p><i>a. Trung Quốc thời Minh (1368 – 1644)</i></p> <p>* Kinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiều biện pháp nhằm khôi phục và phát triển kinh tế. - Đầu thế kỷ XVI, xuất hiện mầm mống nền kinh tế TBCN. + TCN : Các xưởng thủ công lớn. Quan hệ chủ - thợ làm thuê + NN: Bao mua sản phẩm + TN: Xuất hiện những nhà buôn lớn. Thành thị được mở rộng, đông đúc. <p>* Chính trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền. - Tăng cường phong tước, ban cấp đất đai cho con cháu hoàng tộc, công thần.

nhà nước Trung Quốc thời Minh và rút ra nhận xét?

HS suy nghĩ, trả lời.

GV nhận xét, bổ sung và kết luận.

Gv trình bày thêm vài nét về tình hình chính trị của nhà Minh.

- GV: Nhà minh đã tiến hành xâm lược và thống trị Đại Việt, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đã lật đổ sự thống trị của triều đại nhà Minh (1427).

GV? Tình hình xã hội Trung Quốc dưới thời nhà Minh như thế nào?

- HS theo dõi SGK, suy nghĩ trả lời. Học sinh khác nghe bổ sung.

- GV nhận xét, kết luận.

- Do mâu thuẫn xã hội sâu sắc nên có rất nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân chống nhà Minh diễn ra. Cuộc nổi dậy của Lý Tự Thành đã làm cho triều Minh sụp đổ (năm 1644).

Hoạt động 2: Tìm hiểu chính sách cai trị của nhà Thanh ở Trung Quốc.

GV chuyển ý: Giữa lúc đó, một bộ tộc người Mãn Thanh ở Đông Bắc Trung Quốc đã đánh bại cuộc nổi dậy của Lý Tự Thành và lập ra triều đại nhà Thanh (1644- 1911).

GV? Chính sách cai trị của triều đại nhà Thanh? Hậu quả?

- HS nghiên cứu SGK, suy nghĩ trả lời. HS khác nghe bổ sung.

- GV nhận xét, kết luận.

Nhà Thanh tiếp tục tham vọng bành trướng lãnh thổ. Năm 1788 vua Thanh sai Tôn Sĩ Nghị dẫn 29 vạn quân sang xâm lược Thăng Long. Kết quả là vào Tết Kỷ Dậu năm 1789, 29 vạn quân Thanh đã đại bại dưới nghĩa quân của vị anh hùng dân

- Mở rộng bành trướng ra bên ngoài.

**** Xã hội:***

- Giai đoạn đầu và giữa: đời sống nhân dân được cải thiện.

- Cuối triều đại: + Nạn chiếm ruộng đất.

+ Suu cao, tô dịch nặng nề

--> Đời sống nhân dân cực khổ ---> mâu thuẫn xã hội sâu sắc.

=> Khởi nghĩa nông dân.

b. Trung Quốc thời Nhà Thanh (1644 – 1911)

* Đối nội: - Áp bức dân tộc.

- Mua chuộc địa chủ người Hán.

* Đối ngoại:

- Tiếp tục chính sách bành trướng lãnh thổ

- Thi hành chính sách “bế quan tỏa cảng”.

tộc áo vải Quang Trung- Nguyễn Huệ.

Hoạt động 3: Tìm hiểu những thành tựu quan trọng của văn hóa Trung Quốc thời phong kiến.

Bước 1:

GV phát phiếu học tập cho HS

GV? *Theo dõi phần trình bày của các nhóm và hoàn thành bảng thống kê những thành tựu quan trọng của văn hóa Trung Quốc thời phong kiến?*

GV nêu lại yêu cầu cho HS các nhóm (Trên màn hình PP).

Nhóm 1: Trình bày những thành tựu của văn hóa Trung Quốc thời phong kiến trên lĩnh vực tư tưởng?

Nhóm 2: Trình bày những thành tựu của văn hóa Trung Quốc thời phong kiến trên lĩnh vực sử học?

Nhóm 3: Trình bày những thành tựu của văn hóa Trung Quốc thời phong kiến trên lĩnh vực văn học?

Nhóm 4: Trình bày những thành tựu của văn hóa Trung Quốc thời phong kiến trên lĩnh vực khoa học – kĩ thuật?

- Đại diện các nhóm lên trình bày. HS nhóm khác nghe, nhận xét và bổ sung, hoàn thành phiếu học tập theo từng nội dung.

- GV nhận xét, kết luận bằng bảng thông kê văn hóa Trung Quốc thời phong kiến (trên màn hình PP).

- GV phát triển, mở rộng thêm những các nội dung về văn hóa. Có liên hệ đến nước ta.

Đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề tranh chấp hải đảo hiện nay giữa Việt Nam và Trung Quốc.

GV cho HS xem 1 đoạn video giới thiệu về Vạn

=> Nhà Thanh sụp đổ năm 1911

4. Văn hóa Trung Quốc thời phong kiến

a. Tư tưởng:

- Nho giáo: + Người khởi xướng: Khổng Tử

+ Thời Tống: Nho giáo phát triển.

+ Là công cụ của giai cấp thống trị.

+ Về sau, Nho giáo trở nên lỗi thời, lạc hậu và kìm hãm sự phát triển của xã hội

- Phật giáo: Thịnh hành dưới thời Đường:

+ Các nhà sư TQ đã sang Ấn Độ để tìm hiểu giáo lý.

+ Số lượng nhà sư tăng, chùa chiền mọc nhiều nơi.

b. Sử học:

- Thời Tần – Hán: Trở thành lĩnh vực khoa học độc lập: Bộ sử kí của Tư Mã Thiên.

- Thời Đường: thành lập Quốc sử quán.

- Thời Minh- Thanh: có những tác phẩm nổi tiếng

c. Văn học:

- Thời Đường: Thơ phát triển đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật.

- Thời Minh – Thanh: Tiểu thuyết.

<p>lý trường thành.</p> <p>Bước 2:</p> <p>GV? Em hãy nhận xét về văn hóa Trung Quốc thời phong kiến? Ảnh hưởng của nó đến nền văn hóa Việt Nam?</p> <p>HS suy nghĩ trả lời. HS khác nghe bổ sung.</p> <p>- GV kết luận: Văn hóa Trung Quốc thời phong kiến đạt được những thành tựu rực rỡ và có ảnh hưởng sâu rộng đến nền văn hóa thế giới và Việt Nam.</p>	<p>d. Khoa học – kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt nhiều thành tựu trong toán học, thiên văn học, y dược... - Kỹ thuật: giấy, kỹ thuật in, la bàn, thuốc súng <p>--> cống hiến to lớn đối với văn minh nhân loại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến trúc: Vạn lý trường thành, các cung điện, các tượng Phật, đồ gốm... <p> đạt được những thành tựu rực rỡ và có ảnh hưởng sâu rộng đến nền văn hóa thế giới và Việt Nam.</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập: GV đưa ra sơ đồ khái quát quá trình phát triển của chế độ phong kiến Trung Quốc, yêu cầu HS: Quan sát sơ đồ và rút ra nhận xét về chế độ phong kiến Trung Quốc? (GV có thể sử dụng hệ thống các câu hỏi gợi mở).

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng: đã lồng ghép trong bài học

5. Dặn dò và giao bài tập:

* Về nhà các em làm bài tập sau:

- Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Tần – Hán?
- Tại sao nói: Chế độ phong kiến Trung Quốc dưới thời nhà Đường đạt đến sự thịnh trị?
- Chứng minh: Đến đầu thế kỷ XVI, mầm mống nền kinh tế TBCN ở Trung Quốc thời Minh đã xuất hiện?
- Ảnh hưởng của chính sách áp bức dân tộc của triều Thanh đối với sự phát triển của lịch sử Trung Quốc như thế nào?
- Nêu những thành tựu văn hóa chủ yếu của Trung Quốc thời phong kiến? Ảnh hưởng của nền văn hóa đó đối với nước ta như thế nào?

* Chuẩn bị bài mới

Bài 6: Các quốc gia Ấn và văn hóa truyền thống Ấn Độ.

- Sự hình lập Vương triều Giúp-ta

-
- Sự phát triển văn hóa truyền thống Ấn Độ: Tìm hiểu về
- + Tôn giáo: Đạo Phật và Ấn Độ giáo
- + Kiến trúc: các công trình kiến trúc nổi tiếng
- + Chữ viết.
- Những ảnh hưởng của văn hóa truyền thống Ấn Độ ra bên ngoài.

Tiết thứ 9

Ngày soạn: / /2018

CHƯƠNG 4. ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

BÀI 6. CÁC QUỐC GIA ẤN VÀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG ẤN ĐỘ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Yêu cầu học sinh:

- Trình bày được sự hình thành vương triều Gúp – ta ở Ấn Độ
- Trình bày được nội dung của văn hóa truyền thống Ấn Độ
- Phân tích và nhận xét được sự ảnh hưởng của văn hóa TT Ấn Độ với các nước trong khu vực và Việt Nam.

2. Về tư tưởng

- Văn hóa Ấn Độ có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam, tạo nên mối quan hệ kinh tế và văn hóa mật thiết giữa hai nước.

3. Về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp.

4. Định hướng các năng lực hình thành

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh và tài liệu tham khảo về văn hóa truyền thống Ấn Độ.

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV cho HS quan sát lược đồ Ấn Độ cổ đại và đặt câu hỏi? Em hãy nêu những hiểu biết về đất nước Ấn Độ? Nền văn hóa Ấn Độ có điểm gì đặc sắc? HS suy nghĩ trả lời. GV nhận xét và dẫn dắt bài mới.

c. Dự kiến sản phẩm:

- Ấn Độ là một trong những quốc gia cổ đại phương Đông có nền văn minh lâu đời khoảng 3000 năm đến 1500 năm TCN là khởi đầu cho nền văn minh đông Hằng, bài học của chúng ta chỉ nghiên cứu từ nền văn minh sông Hằng nằm ở vùng đông bắc, là đồng bằng rộng lớn và màu mỡ, quê hương, nơi sinh trưởng của nền văn hóa truyền thống và văn minh Ấn Độ. Để hiểu được văn hóa truyền thống Ấn Độ là gì? Nó phát triển ra sao? Nó ảnh hưởng ra bên ngoài như thế nào? Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ như thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được những vấn đề trên.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>HOẠT ĐỘNG G I: Tìm hiểu đất nước Ấn Độ dưới thời Gúp-ta</p> <p>Bước 1: Hoạt động theo nhóm</p> <p>Gv chia HS làm 4 nhóm</p> <p>- GV đặt câu hỏi cho các nhóm</p> <p><i>Nhóm 1: Quá trình hình thành vương triều Gúp-ta? Thời gian tồn tại? Vai trò về mặt chính trị của vương triều này?</i></p> <p><i>Nhóm 2: Điểm nổi bật trong văn hóa Ấn Độ dưới thời Gúp-ta? Nội dung cụ thể?</i></p> <p><i>Nhóm 3-4: Văn hóa Ấn Độ thời Gúp-ta ảnh hưởng như thế nào đến Ấn Độ giai đoạn sau và ảnh hưởng ra bên ngoài như thế nào? Việt Nam ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ ở những lĩnh vực nào?</i></p> <p>- Gv gọi đại diện các nhóm lên trình bày và các nhóm khác bổ sung cho bạn, sau đó GV nhận xét và chốt ý.</p> <p>Gv sử dụng tranh ảnh minh họa về nền văn hóa truyền thống Ấn Độ. Khai thác kênh hình trong SGK</p>	<p>1. Thời kỳ các quốc gia đầu tiên (sgk)</p> <p>2. Thời kỳ vương triều Gúp-ta và sự phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ.</p> <p>Quá trình hình thành và vai trò về mặt chính trị:</p> <p>- Đầu công nguyên, miền Bắc Ấn Độ được thống nhất - nổi bật vương triều Gúp-ta (319- 467), Gúp-ta đã thống nhất miền Bắc Ấn Độ, làm chủ gần như toàn bộ miền trung Ấn Độ.</p> <p>- Về văn hóa dưới thời Gúp-ta:</p> <p>+ Đạo phật: Tiếp tục được phát triển truyền bá khắp Ấn Độ và truyền ra nhiều nơi. Kiến trúc phật giáo phát triển (chùa Hang, tượng phật bằng đá).</p> <p>+ Đạo Ấn Độ hay đạo Hin-đu ra đời và phát triển, thờ 3 vị thần chính: thần Sáng tạo, Thần thiện, Thần ác. Các công trình kiến trúc thờ thần cũng được xây dựng.</p> <p>+ Chữ viết: Từ chữ viết cổ Brahmi đã nâng lên, sáng tạo và hoàn chỉnh hệ chữ sanskrit. Văn học cổ điển Ấn Độ - văn học Hin-đu, mang tinh thần và triết lý Hin-đu giáo rất phát triển.</p> <p>Tóm lại thời Gúp-ta đã định hình văn hóa truyền thống Ấn Độ với những tôn giáo lớn và những</p>

	<p>công trình kiến trúc, tượng, những tác phẩm văn học tuyệt vời, là</p> <p>- Người Ấn Độ đã mang văn hóa, đặc biệt là văn hóa truyền thống</p>
--	---

3. Hoạt động luyện tập: GV cho HS làm các bài tập trắc nghiệm liên quan đến nội dung bài học

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng: Văn hóa Ấn Độ có ảnh hưởng như thế nào đối với văn hóa Việt Nam?

HS suy nghĩ trả lời theo các nội dung: Phật giáo, văn học...

GV nhận xét

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Học bài cũ, làm bài tập ở nhà.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 7: Sự phát triển lịch sử và nền văn hóa đa dạng của Ấn Độ. Nắm:

+ Vương triều Đê-li, Mô-gôn được thành lập như thế nào? Vai trò của các triều đại này đối với Ấn Độ.

+ Tìm hiểu về vua A cơ ba

+ Tìm hiểu về đạo Hồi, các công trình kiến trúc của Ấn Độ được xây dựng giai đoạn này.

Tiết thứ 10

Ngày soạn: / /2018

BÀI 7. SỰ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ VÀ NỀN VĂN HÓA ĐA DẠNG CỦA ẤN ĐỘ

I. MỤC TIÊU: Yêu cầu HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được sự thành lập vương triều hồi giáo Đê li, Mô gôn và chính sách về kinh tế, chính trị, văn hóa.

- Nhận xét được vai trò của các vương triều này trong lịch sử Ấn Độ

- Trình bày và phân tích được sự lan tỏa của Văn hóa Ấn Độ trong khu vực, trên thế giới.

2. Về tư tưởng: Giáo dục cho HS biết được sự phát triển đa dạng của văn hóa Ấn Độ, qua đó giáo dục các em sự trân trọng những tinh hoa văn hóa của nhân loại.

3. Về kỹ năng

- Rèn cho HS các kỹ năng phân tích tổng hợp các sự kiện lịch sử của Ấn Độ qua các thời kì lịch sử.

- Kỹ năng khai thác tranh ảnh, lược đồ lịch sử.

4. Định hướng các năng lực hình thành

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện

- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. **Giáo viên:** Giáo án, tranh ảnh về 2 vương triều Đê-li và Mô-gôn; tài liệu tham khảo liên quan đến bài học.

2. **Học sinh:** - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Suu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. **Phương pháp:** GV cho HS xem lược đồ Ấn Độ thời phong kiến và yêu cầu HS nhận xét về lãnh thổ Ấn Độ dưới vương triều Gúp-ta cũng như nội dung của văn hóa truyền thống Ấn Độ? HS dựa vào kiến thức bài cũ để trả lời. GV nhận xét.

c. **Dự kiến sản phẩm:** Ấn Độ dưới vương triều Gúp-ta được thống nhất từ Bắc đến Trung Ấn, nền văn hóa truyền thống cũng được định hình dưới vương triều này. Lịch sử phát triển của Ấn Độ có những bước thăng trầm với nhiều thời kì lịch sử và các vương triều khác nhau. Để hiểu được sự phát triển của lịch sử văn hóa truyền thống Ấn Độ như thế nào? Ấn Độ đã trải qua các vương triều nào? Bài học hôm nay sẽ trả lời các câu hỏi nêu trên.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
HOẠT ĐỘNG G I: Tìm hiểu sự phát triển của LS và văn hóa truyền thống trên toàn lãnh thổ Ấn Độ- GV Hướng dẫn HS tự tìm hiểu HOẠT ĐỘNG II: Tìm hiểu về vương triều Hồi giáo Đê- li (cá nhân- cặp đôi) Bước 1: Cá nhân GV? Hoàn cảnh ra đời của vương triều Hồi giáo Đê-li? Quá trình người Thổ đánh chiếm Ấn Độ thiết lập vương triều Đê-li diễn ra như thế nào? HS đọc SGK trả lời câu hỏi. HS khác bổ sung cho bạn. GV nhận xét và chốt ý: Do sự phân tán	1. Sự phát triển của lịch sử và văn hóa truyền thống trên toàn lãnh thổ Ấn Độ (SGK) 2. Vương triều Hồi giáo Đê-li - Hoàn cảnh ra đời: Do sự phân tán đã không đem lại sức mạnh thống nhất để chống lại cuộc tấn công bên ngoài của người Hồi giáo gốc Thổ. - Quá trình hình thành: 1206 người Hồi giáo chiếm vào đất Ấn Độ, lập nên vương quốc Hồi giáo Ấn Độ gọi tên là Đê-li.

để người Ấn Độ chống lại được cuộc tấn công bên ngoài của người Hồi giáo gốc Thổ.

- GV trình bày và phân tích:

+ Năm 1055, người Thổ đánh chiếm Bát-đa lập nên vương quốc Hồi giáo ở vùng Luông Hà. Đạo Hồi được truyền bá đến I- ran và Trung Á, lập nên vương quốc Hồi giáo nữa trên vùng giáp Tây Bắc Ấn Độ.

+ Người Hồi giáo gốc Trung Á tiến hành chinh chiến vào đất Ấn Độ, lập nên vương quốc Hồi giáo Ấn Độ gọi tên là Đê-li (đóng đô ở Đê-li bắc Ấn Độ) tồn tại hơn 300 năm từ 1206 - 1526.

Bước 2: Cá nhân

GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ cụ thể của các nhóm như sau:

Nhóm 1: Nêu chính sách thống trị của vương quốc Hồi giáo Đê-li.

Nhóm 2: Nêu chính sách về tôn giáo.

Nhóm 3: Nêu chính sách về văn hóa.

Nhóm 4: Tìm hiểu thành tựu kiến trúc.

- HS đọc SGK thảo luận trong 2 phút và cử đại diện

nhóm trình bày. HS khác có thể bổ sung cho bạn.

- GV nhận xét, bổ sung và chốt ý:

Bước 3: cá nhân

GV? *Vị trí của vương triều Đê-li trong lịch sử Ấn Độ?*

HS đọc SGK trả lời câu hỏi.

- GV chốt ý:

+ Sự phát hiện nhau giữa hai nền văn minh đặc sắc là Ấn Độ Hin-đu giáo và Hồi giáo A-ráp, bước đầu tạo ra sự giao lưu văn hóa Đông-Tây.

+ Dưới thời vương triều Hồi giáo Đê-li đạo Hồi được truyền bá đến một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

HOẠT ĐỘNG I II: Tìm hiểu về vương triều Mô- gon. (cá nhân- nhóm nhỏ) GV chia HS thành nhóm nhỏ theo bàn và đặt câu hỏi: *Em hãy trình bày sự thành lập vương triều Mô-gôn? Tại*

3. Vương triều Mô-gôn

- Chính sách thống trị: truyền bá, áp đặt Hồi giáo, tự dành cho mình quyền ưu tiên ruộng đất, địa vị trong bộ máy quan lại.
- Về tôn giáo, thi hành chính sách mềm mỏng, song xuất hiện sự phân biệt tôn giáo.
- Về văn hóa, văn hóa Hồi giáo được du nhập vào Ấn Độ.
- Về kiến trúc, xây dựng một số công trình mang dấu ấn kiến trúc Hồi giáo, xây dựng kinh đô Đê-li trở thành một thành phố lớn nhất thế giới.
- Vị trí của vương triều Đê-li:
 - + Bước đầu tạo ra sự giao lưu văn hóa Đông - Tây.
 - + Đạo Hồi được truyền bá đến một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

<p><i>A-cơ-ba được xem là đỉnh cao của chế độ phong kiến Ấn Độ?</i></p> <p>GV gợi ý: Vương triều Mô-gôn có phải là chế độ phong kiến cuối cùng không? Chính sách củng cố đất nước theo hướng nào? Tác động của những chính sách của vua A-cơ-ba đối với sự phát triển của Ấn Độ?</p> <p>HS đọc SGK, trả lời câu hỏi.</p> <p>GV nhận xét và chốt ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nhanh những chính sách tích cực của vua A-cơ-ba trong SGK. - GV kết hợp giới thiệu hình 17 "Cổng lăng A-cơ-ba ở Xi-can-dra" trong SGK. - GV giới thiệu về hình 18 "Lăng Ta-giơ-Ma-han" trong SGK. <p>-->Đất nước lâm vào tình trạng chia rẽ và khủng hoảng.</p> <p>- GV trình bày rõ: Sự suy yếu đó, đặt Ấn Độ trước sự xâm lược của thực dân phương Tây (Bồ Đào Nha và Anh).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1398 thủ lĩnh – vị vua theo dòng dõi Mông Cổ tấn công Ấn Độ, đến năm 1526 lập ra vương triều Mô-gôn. <ul style="list-style-type: none"> - Các ông vua đều ra sức củng cố theo hướng Ấn Độ hóa và xây dựng đất nước, đưa Ấn Độ bước phát triển mới dưới thời vua A-cơ-ba (1556 - 1605). Các chính sách của vua A-cơ-ba: Chính trị, Kinh tế, văn hóa --> Kết quả: Chính trị ổn định, kinh tế phát triển, xã hội ổn định ==> Đỉnh cao của chế độ phong kiến. <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn cuối do những chính sách thống trị hà khắc của giai cấp thống trị, Ấn Độ lâm vào khủng hoảng. - Ấn Độ đứng trước thách thức xâm lược của thực dân phương Tây (Bồ Đào Nha và Anh).
--	---

3. Hoạt động luyện tập:

Kiểm tra nhận thức của HS bằng các câu hỏi:

- + Nêu sự phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ?
- + Những nét chính của Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn?
- + Vị trí của vương triều Hồi giáo Đê-li và vương triều Mô-gôn trong lịch sử Ấn Độ.

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng: GV yêu cầu HS làm một số câu hỏi trắc nghiệm trên màn hình PP.

V. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi trong SGK.
- Bài tập:
- + Lập bảng thống kê các giai đoạn phát triển của lịch sử Ấn Độ.
- + So sánh vương triều Hồi giáo Đê-li với vương triều Mô-gôn.
- Học các nội dung hướng dẫn ôn tập, tiết sau kiểm tra 1 tiết
- + Các quốc gia cổ đại phương Đông, phương Tây
- + Trung Quốc thời phong kiến
- + Vương triều Đê-li và Mô-gôn của Ấn Độ
- + Nội dung văn hóa truyền thống Ấn Độ.

Tiết thứ 11

Ngày soạn: / /2018

KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ I
MÔN LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức.

- Chương I:

- + đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy.
- + sự ra đời đồ sắt và hệ quả của nó.

- Chương II:

- + Điều kiện tự nhiên, sự phát triển kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.
- + thể chế chính trị, những thành tựu văn hóa.

- Chương III:

- + Trung Quốc thời Tần, Hán, Minh, Thanh.
- + Các thành tựu văn hóa.

- Chương IV:

- + Sự phát triển lịch sử Ấn Độ qua các thời kì.
- + Văn hóa truyền thống Ấn Độ.

2. Kỹ năng.

Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng: đọc, phân tích, chọn đáp án đúng nhất. Kỹ năng làm bài tập trắc nghiệm.

3. Thái độ:

Bồi dưỡng cho HS thái độ kính trọng, tôn trọng những thành quả của con người, yêu quê hương đất nước..

4. Định hướng các năng lực hình thành: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Trắc nghiệm+ tự luận

III. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Chương I				I.3
Số câu: 7 Số điểm: 1,75 đ Tỷ lệ %: 17,5	Số câu: 2 Số điểm: 0,5 đ	Số câu: 2 Số điểm: 0,5 đ	Số câu: 3 Số điểm: 0,75 đ	
Chương II				
Số câu: 9 Số điểm: 5,0 đ Tỷ lệ %: 50%	Số câu: 2 Số điểm: 0,5 đ	Số câu: 5 Số điểm: 1,25 đ	Số câu: 2 Số điểm: 0,5 đ	Số câu: 1 Số điểm: 3,0 đ
Chương III				

Số câu: 8 Số điểm: 2,0 đ Tỷ lệ %: 20%	Số câu: 2 Số điểm: 0,5 đ	Số câu: 4 Số điểm: 1,0 đ	Số câu: 2 Số điểm: 0,5 đ	
Chương IV				
Số câu: 4 Số điểm: 1,0 đ Tỷ lệ %:	Số câu: 2 Số điểm: 0,5 đ	Số câu: 1 Số điểm: 0,25 đ	Số câu: 1 Số điểm: 0,25 đ	
Tổng số câu: 29 Tổng số điểm: 10 Tỷ lệ %: 100%	Số câu: 8 Số điểm 2,0 đ	Số câu: 12 Số điểm 3,0 đ	Số câu: 8 Số điểm 2,0 đ	Số câu: 1 Số điểm 3,0 đ

IV. Đề kiểm tra và hướng dẫn chấm

Đề 1:

Câu 1: Người tối cổ đã có phát minh lớn nào?

- A. Biết giữ lửa trong tự nhiên **B. Biết tạo ra lửa**
C. Biết chế tạo nhạc cụ D. Biết chế tạo trang sức

Câu 2: Vì sao các nhà khảo cổ coi thời kì đá mới là một cuộc cách mạng?

- A. Con người đã biết sử dụng đá mới để làm công cụ.
B. Con người đã biết săn bắn, hái lượm và đánh cá.

C. Con người đã biết trồng trọt và chăn nuôi.

- D. Con người đã biết sử dụng kim loại.

Câu 3: Thành tựu quan trọng nhất của Người nguyên thủy trong quá trình chế tạo công cụ và vũ khí là

- A. lưới đánh cá. B. làm đồ gốm. **C. cung tên.** D. đá mài sắc, gọn.

Câu 4: Kết quả lớn nhất của việc con người sử dụng công cụ bằng kim khí là

- A. khai khẩn được đất hoang. B. đưa năng suất lao động tăng lên.
C. sản xuất đủ nuôi sống xã hội. **D. tạo ra sản phẩm thừa thường xuyên làm biến đổi xã hội.**

Câu 5: Hệ quả nào sau đây *không phải* do sự xuất hiện sản phẩm dư thừa tạo ra?

- A. Xuất hiện tư hữu. B. Xuất hiện giai cấp.
C. Xuất hiện phân hóa giàu nghèo. **D. Xuất hiện thương mại, trao đổi hàng hóa.**

Câu 6: Sự xuất hiện tư hữu, gia đình phụ hệ thay thế cho gia đình mẫu hệ, xã hội phân hóa giàu-nghèo...là những hệ quả của việc sử dụng

- A. công cụ đá mới. B. công cụ bằng kim loại.
C. công cụ bằng đồng. **D. công cụ bằng sắt.**

Câu 7: Trong buổi đầu của thời đại kim khí, kim loại con người lần lượt sử dụng để chế tác công cụ là

- A. đồng thau-đồng đỏ-sắt. **B. đồng đỏ-đồng thau-sắt**
C. đồng đỏ-kẽm-sắt. D. kẽm-đồng đỏ-sắt

Câu 8: Ngành sản xuất nào phát triển sớm nhất và giữ vị trí quan trọng nhất ở các quốc gia cổ đại phương Đông?

- A. Nông nghiệp** B. Công nghiệp C. Thương nghiệp D. Giao thông vận tải

Câu 9: Công việc nào đã khiến mọi người ở phương Đông có quan hệ gắn bó với nhau trong tổ chức công xã?

- A. Trồng lúa nước **B. Trị thủy** C. Chăn nuôi D. Làm nghề thủ công

Câu 10: Các giai cấp trong xã hội cổ đại phương Tây là

- A. Quý tộc, nông dân, nô lệ. B. Chủ nô, quý tộc, nông dân công xã.

C. Chủ nô, dân thành thị, nô lệ. D. Quý tộc, dân thành thị, nô lệ.

Câu 11: Thành tựu văn hóa có ý nghĩa quan trọng nhất của cư dân cổ đại phương Đông là

- A. kiến trúc. B. lịch và thiên văn học. C. toán học. **D. chữ viết.**

Câu 12: Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân phương Đông cổ đại được đánh giá là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại?

- A. Thành thị cổ Ha-rap-pa **B. Kim tự tháp Ai Cập.**
C. Cổng I-sơ-ta thành Ba-bi-lon D. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng

Câu 13: Nguyên liệu nào sau đây *không* được cư dân phương Đông cổ đại dùng để viết chữ?

- A. Giấy Pa-pi-rút B. Đất sét C. Mai rùa **D. Vỏ cây**

Câu 14: Quá trình cải biến chữ viết của cư dân cổ đại phương Đông diễn ra lần lượt

- A. chữ tượng hình→chữ tượng thanh→chữ tượng ý
B. chữ tượng hình→chữ tượng ý→chữ tượng thanh
C. chữ tượng ý→chữ tượng hình→chữ tượng thanh
D. chữ tượng thanh→chữ tượng ý→chữ tượng hình

Câu 15: Nền kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Tây được quyết định bởi

- A. đặc điểm dân cư. B. đặc điểm chủng tộc.
C. đặc điểm chính trị. **D. đặc điểm tự nhiên.**

Câu 16: Do đâu cư dân phương Đông thời cổ đại sống quần tụ với nhau thành các liên minh công xã?

- A. Do nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi.** B. Do nhu cầu chống thú dữ.
C. Do nhu cầu xây dựng. D. Do nhu cầu chống ngoại xâm

Câu 17: Bản chất của nền dân chủ cổ đại là gì?

- A. Dân chủ cho tất cả mọi người. B. Dân chủ cho quý tộc.
C. Dân chủ cho chủ nô. D. Dân chủ cho tầng lớp.

Câu 18: Trong lĩnh vực toán học thời cổ đại ở phương Đông, cư dân nước nào thành thạo về số học? Vì sao?

- A. Trung Quốc-vì phải tính toán xây dựng các công trình kiến trúc.
B. Ai Cập-vì phải đo đạc lại ruộng đất hằng năm do phù sa bồi đắp
C. Lưỡng Hà-vì phải đi buôn bán
D. Ấn Độ- vì phải tính thuế

Câu 19: Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ gọi là

- A. nông dân tự canh. **B. nông dân lĩnh canh.**
C. nông dân làm thuê. D. nông nô.

Câu 20: Ý nghĩa của cuộc thống nhất đất nước của nhà Tần

- A. chấm dứt thời kỳ chiến tranh loạn lạc kéo dài ở Trung Quốc.
B. tạo điều kiện cho Tần Doanh Chính lập triều đại nhà Tần.
C. tạo điều kiện cho chế độ phong kiến được xác lập ở Trung Quốc.
D. chấm dứt chiến tranh, xác lập chế độ phong kiến Trung Quốc.

Câu 21: Những tiến bộ trong sản xuất đã tác động và làm cho xã hội Trung Quốc thay đổi như thế nào?

- A. Giai cấp địa chủ xuất hiện. B. Nông dân bị phân hóa.

C. Nông dân nộp hoa lợi cho địa chủ.

D. Giai cấp địa chủ và nông dân xuất hiện.

Câu 22. Bốn phát minh kĩ thuật quan trọng nhất của người Trung Quốc là

A. luyện sắt, làm men gốm, la bàn, thuốc súng.

B. luyện sắt, đúc súng, thuốc súng, men gốm.

C. giấy, kĩ thuật in, la bàn, thuốc súng.

D. giấy, kĩ thuật in, luyện sắt, thuốc súng.

Câu 23. Quan hệ sản xuất chính được thiết lập dưới thời Tần – Hán là

A. quan hệ bóc lột của quý tộc đối với nông dân công xã.

B. quan hệ bóc lột của chủ nô đối với nô lệ.

C. quan hệ bóc lột của lãnh chúa đối với nông nô.

D. quan hệ bóc lột của địa chủ đối với nông dân lĩnh canh.

Câu 24. Nét đặc sắc và nổi bật nhất của vương triều Gup-ta ở Ấn Độ là gì?

A. Bắc Ấn được thống nhất trở lại, bước vào thời kì phát triển cao

B. Vương triều Gup-ta có 9 đời vua qua 150 năm quyền

C. Sự định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ

D. Đạo phật phát triển mạnh dưới thời Gup-ta

Câu 25. Vì sao Ấn Độ được coi là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại?

A. Văn hóa Ấn Độ được hình thành từ rất sớm

B. Ấn Độ có nền văn hóa phát triển cao, phong phú, toàn diện, ảnh hưởng ra bên ngoài trong đó có một số thành tựu vẫn được sử dụng đến ngày nay

C. Văn hóa Ấn Độ có ảnh hưởng rộng đến quá trình phát triển lịch sử và văn hóa của các dân tộc ĐNA

D. Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo

Câu 26. Nơi nào ở Châu Á chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ rõ nét nhất?

A. Đông Bắc Á

C. Đông Nam Á

B. Trung Quốc

D. Việt Nam

Câu 27. Đặc điểm nổi bật nhất của văn hóa Ấn Độ vào thế kỷ VII là

A. Ấn Độ rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán, mỗi vùng có những điều kiện và sắc thái văn hóa riêng của mình

B. Nước Pa-la ở vùng Đông bắc và nước Pa-la-va ở miền Nam có vai trò nổi trội hơn cả

C. Văn hóa Ấn Độ đa dạng, phong phú và ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài

D. Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài, đặc biệt là ĐNA.

Câu 28: Thành tựu được coi là một phát minh và cống hiến lớn lao của cư dân Địa Trung Hải cho nền văn minh nhân loại là

A. lịch pháp

B. chữ viết.

C. nghệ thuật.

D. văn học.

Đề 2

Câu 1. Đặc điểm nổi bật nhất của văn hóa Ấn Độ vào thế kỷ VII là

A. Ấn Độ rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán, mỗi vùng có những điều kiện và sắc thái văn hóa riêng của mình

B. Nước Pa-la ở vùng Đông bắc và nước Pa-la-va ở miền Nam có vai trò nổi trội hơn cả

C. Văn hóa Ấn Độ đa dạng, phong phú và ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài

D. Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài, đặc biệt là DNA.

Câu 2: Thành tựu được coi là một phát minh và cống hiến lớn lao của cư dân Địa Trung Hải cho nền văn minh nhân loại là

A. lịch pháp

B. chữ viết.

C. nghệ thuật.

D. văn học.

Câu 3: Người tối cổ đã có phát minh lớn nào?

A. Biết giữ lửa trong tự nhiên

B. Biết tạo ra lửa

C. Biết chế tạo nhạc cụ

D. Biết chế tạo trang sức

Câu 4: Vì sao các nhà khảo cổ coi thời kì đá mới là một cuộc cách mạng?

A. Con người đã biết sử dụng đá mới để làm công cụ.

B. Con người đã biết săn bắn, hái lượm và đánh cá.

C. Con người đã biết trồng trọt và chăn nuôi.

D. Con người đã biết sử dụng kim loại.

Câu 5: Thành tựu quan trọng nhất của Người nguyên thủy trong quá trình chế tạo công cụ và vũ khí là

A. lưới đánh cá.

B. làm đồ gốm.

C. cung tên.

D. đá mài sắc, gọn.

Câu 6: Kết quả lớn nhất của việc con người sử dụng công cụ bằng kim khí là

A. khai khẩn được đất hoang.

B. đưa năng suất lao động tăng lên.

C. sản xuất đủ nuôi sống xã hội.

D. tạo ra sản phẩm thừa thường xuyên làm biến đổi xã hội.

Câu 7: Hệ quả nào sau đây *không phải* do sự xuất hiện sản phẩm dư thừa tạo ra?

A. Xuất hiện tư hữu.

B. Xuất hiện giai cấp.

C. Xuất hiện phân hóa giàu nghèo.

D. Xuất hiện thương mại, trao đổi hàng hóa.

Câu 8: Ngành sản xuất nào phát triển sớm nhất và giữ vị trí quan trọng nhất ở các quốc gia cổ đại phương Đông?

A. Nông nghiệp

B. Công nghiệp

C. Thương nghiệp

D. Giao thông vận tải

Câu 9: Công việc nào đã khiến mọi người ở phương Đông có quan hệ gắn bó với nhau trong tổ chức công xã?

A. Trồng lúa nước

B. Trĩ thủy

C. Chăn nuôi

D. Làm nghề thủ công

Câu 10: Các giai cấp trong xã hội cổ đại phương Tây là

A. Quý tộc, nông dân, nô lệ.

B. Chủ nô, quý tộc, nông dân công xã.

C. Chủ nô, dân thành thị, nô lệ.

D. Quý tộc, dân thành thị, nô lệ.

Câu 11: Thành tựu văn hóa có ý nghĩa quan trọng nhất của cư dân cổ đại phương Đông là

A. kiến trúc.

B. lịch và thiên văn học.

C. toán học.

D. chữ viết.

Câu 12: Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân phương Đông cổ đại được đánh giá là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại?

A. Thành thị cổ Ha-rap-pa

B. Kim tự tháp Ai Cập.

C. Cổng I-sơ-ta thành Ba-bi-lon

D. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng

Câu 13: Nguyên liệu nào sau đây *không* được cư dân phương Đông cổ đại dùng để viết chữ?

A. Giấy Pa-pi-rút

B. Đất sét

C. Mai rùa

D. Vẽ cây

Câu 14: Quá trình cải biến chữ viết của cư dân cổ đại phương Đông diễn ra lần lượt

A. chữ tượng hình→chữ tượng thanh→chữ tượng ý

B. chữ tượng hình→chữ tượng ý→chữ tượng thanh

C. chữ tượng ý→chữ tượng hình→chữ tượng thanh

D. chữ tượng thanh→chữ tượng ý→chữ tượng hình

Câu 15: Nền kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Tây được quyết định bởi

A. đặc điểm dân cư.

B. đặc điểm chủng tộc.

C. đặc điểm chính trị.

D. đặc điểm tự nhiên.

Câu 16: Do đâu cư dân phương Đông thời cổ đại sống quần tụ với nhau thành các liên minh công xã?

A. Do nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi.

B. Do nhu cầu chống thú dữ.

C. Do nhu cầu xây dựng.

D. Do nhu cầu chống ngoại xâm.

Câu 17: Sự xuất hiện tư hữu, gia đình phụ hệ thay thế cho gia đình mẫu hệ, xã hội phân hóa giàu-nghèo...là những hệ quả của việc sử dụng

A. công cụ đá mới.

B. công cụ bằng kim loại.

C. công cụ bằng đồng.

D. công cụ bằng sắt.

Câu 18: Trong buổi đầu của thời đại kim khí, kim loại con người lần lượt sử dụng để chế tác công cụ là

A. đồng thau-đồng đỏ-sắt.

B. đồng đỏ-đồng thau-sắt

C. đồng đỏ-kẽm-sắt.

D. kẽm-đồng đỏ-sắt

Câu 19: Bản chất của nền dân chủ cổ đại là gì?

A. Dân chủ cho tất cả mọi người.

B. Dân chủ cho quý tộc.

C. Dân chủ cho chủ nô.

D. Dân chủ cho tầng lớp.

Câu 20: Trong lĩnh vực toán học thời cổ đại ở phương Đông, cư dân nước nào thành thạo về số học? Vì sao?

A. Trung Quốc-vì phải tính toán xây dựng các công trình kiến trúc.

B. Ai Cập-vì phải đo đạc lại ruộng đất hằng năm do phù sa bồi đắp

C. Lưỡng Hà-vì phải đi buôn bán

D. Ấn Độ- vì phải tính thuế

Câu 21. Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ gọi là

A. nông dân tự canh.

B. nông dân lĩnh canh.

C. nông dân làm thuê.

D. nông nô.

Câu 22. Ý nghĩa của cuộc thống nhất đất nước của nhà Tần

A. chấm dứt thời kỳ chiến tranh loạn lạc kéo dài ở Trung Quốc.

B. tạo điều kiện cho Tần Doanh Chính lập triều đại nhà Tần.

C. tạo điều kiện cho chế độ phong kiến được xác lập ở Trung Quốc.

D. chấm dứt chiến tranh, xác lập chế độ phong kiến Trung Quốc.

Câu 23. Nét đặc sắc và nổi bật nhất của vương triều Gup-ta ở Ấn Độ là gì?

A. Bắc Ấn được thống nhất trở lại, bước vào thời kì phát triển cao

B. Vương triều Gup-ta có 9 đời vua qua 150 năm quyền

C. Sự định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ

D. Đạo Phật phát triển mạnh dưới thời Gup-ta

Câu 24. Vì sao Ấn Độ được coi là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại?

A. Văn hóa Ấn Độ được hình thành từ rất sớm

B. Ấn Độ có nền văn hóa phát triển cao, phong phú, toàn diện, ảnh hưởng ra bên ngoài trong đó có một số thành tựu vẫn được sử dụng đến ngày nay

C. Văn hóa Ấn Độ có ảnh hưởng rộng đến quá trình phát triển lịch sử và văn hóa của các dân tộc DNA

D. Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo

Câu 25. Nơi nào ở Châu Á chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ rõ nét nhất?

A. Đông Bắc Á

B. Đông Nam Á

C. Trung Quốc

D. Việt Nam

Câu 26. Những tiến bộ trong sản xuất đã tác động và làm cho xã hội Trung Quốc thay đổi như thế nào?

A. Giai cấp địa chủ xuất hiện.

B. Nông dân bị phân hóa.

C. Nông dân nộp hoa lợi cho địa chủ. **D. Giai cấp địa chủ và nông dân xuất hiện.**

Câu 27. Bốn phát minh kĩ thuật quan trọng nhất của người Trung Quốc là

A. luyện sắt, làm men gốm, la bàn, thuốc súng. B. luyện sắt, đúc súng, thuốc súng, men gốm.

C. giấy, kĩ thuật in, la bàn, thuốc súng. D. giấy, kĩ thuật in, luyện sắt, thuốc súng.

Câu 28. Quan hệ sản xuất chính được thiết lập dưới thời Tần – Hán là

A. quan hệ bóc lột của quý tộc đối với nông dân công xã.

B. quan hệ bóc lột của chủ nô đối với nô lệ.

C. quan hệ bóc lột của lãnh chúa đối với nông nô.

D. quan hệ bóc lột của địa chủ đối với nông dân lĩnh canh.

Phần tự luận (chung cho cả 2 đề)

Lập bảng so sánh các quốc gia cổ đại phương Đông và các quốc gia cổ đại phương Tây về điều kiện tự nhiên, nền tảng kinh tế, thời gian hình thành nhà nước, cơ cấu xã hội và thể chế chính trị?

Đáp án: **So sánh các quốc gia cổ đại phương Đông và các quốc gia cổ đại phương Tây:**

Tiêu chí so sánh	Các quốc gia cổ đại phương Đông	Các quốc gia cổ đại phương Tây
1- Điều kiện tự nhiên (1.0đ)	Nhiều đất đai canh tác, màu mỡ, khí hậu nhiệt đới gió mùa => thuận lợi trồng cây lương thực. Dễ bị lũ lụt, mất mùa.	Gần biển, giao thông trên biển dễ dàng. Đất đai ít, không màu mỡ, ven đồi khô cằn, chỉ phù hợp với trồng cây lưu niên => Thiếu lương thực.
2- Nền tảng kinh tế (0,5đ)	Nông nghiệp, chăn nuôi và làm đồ thủ công.	Thủ công và thương nghiệp, đặc biệt là buôn bán trên biển.
3- Thời gian hình	Khoảng thiên niên	Khoảng thiên niên kỷ I

thành nhà nước(0,5đ)	kỷ IV- III TCN.	TCN.
4- Cơ cấu xã hội(0,5đ)	Vua chuyên chế, quý tộc, nông dân công xã và nô lệ.	Chủ nô và bình dân , nô lệ.
5-Thế chế chính trị (0,5đ)	Chuyên chế cổ đại	Dân chủ chủ nô

Tiết thứ 12

Ngày soạn: / /2018

CHƯƠNG V. ĐÔNG NAM Á THỜI PHONG KIẾN
BÀI 8. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
CÁC VƯƠNG QUỐC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài học yêu cầu HS:

Trình bày được những nét chính về điều kiện hình thành và sự ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á.

Trình bày và phân được sự ra đời và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

2. Tư tưởng

Giúp HS biết quá trình hình thành và phát triển không ngừng của các dân tộc trong khu vực, qua đó giáo dục các em tình đoàn kết và trân trọng những giá trị lịch sử.

3. Kỹ năng

Thông qua bài học, rèn luyện cho HS kỹ năng khái quát hóa sự hình thành và phát triển của các quốc gia Đông Nam Á, kỹ năng về lập bảng thống kê về phát triển của các quốc gia Đông Nam Á qua các thời kỳ lịch sử.

4. Định hướng năng lực: năng lực tự học, giải quyết vấn đề, thảo luận, trình bày, so sánh, khai thác nội dung tranh ảnh.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh và tài liệu tham khảo liên quan đến bài học.

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**1. Tạo tình huống:**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Phương pháp: Gv nêu câu hỏi: em biết gì về khu vực Đông Nam Á? Hs suy nghĩ trả lời.

c. Dự kiến sản phẩm

Đông Nam Á từ lâu đã được coi là khu vực lịch sử địa lý - văn hóa riêng biệt trên cơ sở phát triển đồ sắt và kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước, từ những thế kỷ đầu của Công nguyên, các vương quốc cổ đầu tiên đã được hình thành ở Đông Nam Á; tiếp đó khoảng thế kỷ IX - X

các quốc gia Đông Nam Á được xác lập và phát triển thịnh đạt vào thế kỷ X - XV. Để hiểu điều kiện nào dẫn đến sự ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á? Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á được biểu hiện như thế nào? Bài học hôm nay sẽ trả lời các câu hỏi nêu trên.

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>HOẠT ĐỘNG I</u> <i>Tìm hiểu sự ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á(Cá nhân).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước hết, GV treo lược đồ các quốc gia Đông Nam Á lên bảng và yêu cầu HS chỉ trên lược đồ hiện nay khu vực gồm những nước nào. - GV nhận xét và giới thiệu tên và vị trí trên lược đồ 11 quốc gia hiện nay. <p>GV? <i>Nêu những nét chung, những điểm tương đồng của các nước trong khu vực?</i> HS dựa vào vốn kiến thức của mình và SGK trả lời câu hỏi. GV nhận xét, bổ sung</p> <p><u>Bước 2. cả lớp</u> GV có thể gợi ý về ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến khu vực.</p> <p><u>HOẠT ĐỘNG II</u> <i>Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á</i></p> <p><u>Bước 1: Cả lớp</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trình bày trên lược đồ về tên gọi, vị trí tương đối và khoảng thời gian ra đời của các vương quốc Đông Nam Á. - GV chuyển ý: Các vương quốc cổ Đông Nam Á lúc đó còn nhỏ bé, phân tán trên địa bàn hẹp, sống riêng rẽ và nhiều khi còn tranh chấp nhau, đó là nguyên nhân dẫn đến sự đổ vỡ, để rồi trên cơ sở đó hình thành các quốc gia phong kiến dân tộc hùng mạnh <p><u>Bước 2: Hoạt động nhóm</u> GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và đưa yêu cầu cho các nhóm.</p>	<p>1. Sự ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á</p> <p>a. Điều kiện tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đông Nam Á có điều kiện tự nhiên ưu đãi - gió mùa, thuận lợi cho sự phát triển của cây lúa nước và nhiều loại cây trồng khác. - Địa hình bị chia cắt nhỏ, manh mún <p>b. Điều kiện ra đời các vương quốc cổ ở Đông Nam Á</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng đồ sắt. Nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính, nghề thủ công truyền thống phát triển như dệt, làm gốm, đúc đồng và làm sắt. Ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. - Một số vương quốc đã được hình thành trong giai đoạn này: Chăm pa, Phù Nam, Tumasac, Malayu... <p>c. Kinh tế, xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật luyện kim, trồng cây ăn quả, nông nghiệp lúa nước, dệt vải, làm đồ gốm - Là những quốc gia nhỏ, phân tán trên địa bàn nhỏ hẹp. <p>2. Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự hình thành: từ thế kỷ VII đến X, ở Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia phong kiến dân tộc như Vương quốc Cam-pu-chia của người Khơ me, các vương quốc người Môn và người Miến ở hạ lưu sông Mê Nam, Sri-vi-giây, Ma- ta- ram ở In đô nê xi a.... - Giai đoạn phát triển: Từ khoảng nửa sau thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII <p>+ Indônêxia thống nhất và phát triển hùng mạnh dưới vương triều Mô-giô-pa-hít (1213 - 1527)</p> <p>+ Trên bán đảo Đông Dương ngoài quốc gia Đại Việt, Chăm pa, vương quốc Campuchia từ thế kỷ IX cũng bước vào thời kỳ Ấng co</p>

Nhóm 1: Tìm hiểu sự hình thành các vương huy

<p><i>quốc chính?</i></p> <p><i>Nhóm 2: Tìm hiểu giai đoạn phát triển các quốc gia ĐNA?</i></p> <p><i>Nhóm 3: Thời kì suy thoái bắt đầu vào thời gian nào? Biểu hiện?</i></p> <p>HS dựa vào SGK, thảo luận trong 4 phút, trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung. GV nhận xét trình bày và chốt ý.</p> <p>GV giới thiệu bức tranh hình 19 SGK "Toàn cảnh đô thị cổ Pa- gan Mianma" đồng thời tổ chức cho HS khai thác bức tranh để thấy được sự phát triển của vương quốc Mianma, sau đó cho HS xem một số hình ảnh về thành tựu văn hóa của các quốc gia ĐNA.</p>	<p>hoàng.</p> <p>+ Trên lưu vực sông Iraoađi từ giữa thế kỷ XI, mở đầu hình thành và phát triển của vương quốc Mi-an-ma.</p> <p>+ Giữa thế kỷ XIV vương quốc Lan Xang thành lập.</p> <p>* Biểu hiện:</p> <p>+ Kinh tế, cung cấp một khối lượng lớn lúa gạo, sản phẩm thủ công (vải, đồ sứ, chế phẩm kim khí), nhất là sản vật thiên nhiên, nhiều lái buôn nhiều nước trên thế giới đến buôn bán.</p> <p>+ Chính trị, tổ chức bộ máy chặt chẽ, kiện toàn từ trung ương đến địa phương.</p> <p>+ Văn hóa, các dân tộc Đông Nam Á xây dựng được một nền văn hóa riêng của mình với những nét độc đáo.</p> <p>- Giai đoạn suy thoái: Từ nửa sau thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX.</p>
---	---

3. Hoạt động luyện tập: Kiểm tra sự nhận thức của HS đối với bài học bằng việc yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Điều kiện nào dẫn đến sự ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á? Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á được biểu hiện như thế nào?

4. Vận dụng và nâng cao: Lồng ghép trong bài học

V. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

- Học bài cũ, đọc trước bài mới: Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào.
- Sưu tầm tranh ảnh về đất nước và con người Lào, Cam-pu-chia thời phong kiến.
- Lập niên biểu về quá trình phát triển lịch sử Lào, CPC thời phong kiến.

Tiết thứ 13

Ngày soạn: / /2018

BÀI 9. VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA VÀ VƯƠNG QUỐC LÀO

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Yêu cầu HS:

- Trình bày được vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của những nước láng giềng gần gũi với Việt Nam.
- Nêu được những giai đoạn phát triển lịch sử của hai vương quốc Lào và Cam-pu-chia.
- Nhận xét được ảnh hưởng của nền văn hóa Ấn Độ và việc xây dựng nền văn hóa dân tộc của hai nước này.
- Rút ra được nét tương đồng trong lịch sử và văn hóa của 3 nước: Việt Nam- Lào- Campuchia

2. Tư tưởng, tình cảm

- Bồi dưỡng HS tình cảm yêu quý trân trọng những giá trị lịch sử truyền thống của hai dân tộc láng giềng gần gũi của Việt Nam.
- Giúp các em hiểu rõ được mối quan hệ mật thiết của ba nước ta từ xa xưa, từ đó giúp HS hiểu rõ việc xây dựng quan hệ láng giềng tốt, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau là cơ sở từ trong lịch sử và cần thiết cho cả ba nước, ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

3. Kỹ năng

- Kỹ năng tổng hợp, phân tích các sự kiện lịch sử về các giai đoạn phát triển của vương quốc Lào và Cam-pu-chia.
- Kỹ năng lập bảng niên biểu các giai đoạn phát triển của hai vương quốc Lào và Cam-pu-chia.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* **Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực tái hiện sự kiện về các phát minh khoa học, kỹ thuật.
- Năng lực thực hành bộ môn

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh và tài liệu tham khảo liên quan đến bài học, máy tính...

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Tạo tình huống

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV cho HS xem các hình ảnh về đất nước Campuchia và Lào. Yêu cầu HS nêu các dữ liệu và trình bày 1 số hiểu biết về 2 quốc gia này? HS suy nghĩ trả lời. GV nhận xét, dẫn dắt.

c. Dự kiến sản phẩm: Cam-pu-chia và Lào là hai nước láng giềng gần gũi với Việt Nam, đã có truyền thống lịch sử lâu đời và một nền văn hóa đặc sắc. Để tìm hiểu sự phát triển của vương quốc Cam-pu-chia và vương quốc Lào phát triển qua các thời kỳ như thế nào? Tình hình kinh tế, xã hội, những nét văn hóa đặc sắc ra sao? Nội dung bài học hôm nay sẽ trả lời các câu hỏi nêu trên.

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>HOẠT ĐỘNG I</u></p> <p><i>Tìm hiểu Vương quốc Cam-pu-chia</i></p> <p><u>Bước 1: Thảo luận nhóm</u></p> <p>Trước hết, GV chiếu lược đồ các nước Đông Nam Á lên bảng giới thiệu trên lược đồ những nét khái quát về địa hình của Cam-pu-chia: Như một vùng chảo khổng lồ, xung quanh là vùng rừng và cao nguyên bao bọc, còn đáy là biển Hồ và vùng phụ cận với những cánh đồng phì nhiêu, màu mỡ.</p> <p>GV ? <i>Người Cam-pu-chia là ai? Họ sống ở đâu? Thời gian lập quốc ?</i></p> <p>HS đọc SGK, thảo luận trong 2 phút và trả lời. GV nhận xét và chốt ý.</p> <p><u>Bước 2: Cá nhân</u></p> <p>GV? <i>Giai đoạn nào Cam-pu-chia phát triển thịnh đạt nhất? Những biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt?</i></p> <p>HS đọc SGK, trả lời câu hỏi.</p> <p>GV nhận xét, trình bày và phân tích:</p> <p>+ Thời kỳ Ăng-co (802 - 1432) là thời kỳ phát triển nhất của vương quốc Cam-pu-chia, họ quần cư ở bắc Biển hồ, kinh đô là Ăng-co được xây dựng ở tây bắc Biển hồ (tỉnh Xiêm Riệp ngày nay).</p> <p>GV chỉ trên bản đồ: Địa bàn ban đầu (thế kỷ V - VII) ở hạ lưu sông Se-mun (Nam Cò Rạt), địa bàn quần cư ở thế kỷ X - XV địa bàn ở bắc Biển Hồ, kết hợp giới thiệu tranh ảnh về đất nước con người Cam-pu-chia . chú ý đến giới thiệu Ăng Co Vát.</p> <p>GV? <i>Nêu những nét phát triển độc đáo về văn hóa của vương quốc Cam-pu-chia?</i></p> <p>HS đọc SGK trả lời câu hỏi. GV nhận xét và chốt ý:</p> <p><u>HOẠT ĐỘNG II</u></p>	<p><u>1. Vương quốc Ca m -pu-chia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cư dân: chủ yếu là Khơ me. - Địa bàn sinh sống: ban đầu là phía bắc nước Cam-pu-chia ngày nay trên cao nguyên Cò Rạt và mạn trung lưu sông Mê Công; - Thời gian thành lập: thế kỷ VI - Thời kỳ Ăng-co (802 - 1432) là thời kỳ phát triển nhất của vương quốc Cam-pu-chia, họ quần cư ở bắc Biển Hồ, kinh đô là Ăng-co được xây dựng ở tây bắc Biển Hồ. - Biểu hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Về kinh tế: nông nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp đều phát triển. + Xây dựng nhiều công trình kiến trúc lớn. + Ăng-co còn chinh phục các nước láng giềng, trở thành cường quốc trong khu vực. - Văn hóa: Sáng tạo ra những chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ. Văn học dân gian và văn học viết với những câu chuyện có giá trị nghệ thuật. - Kiến trúc, nổi tiếng nhất là quần thể kiến trúc Ăng co.

*Tìm hiểu Vương quốc Lào***Bước 1:** Cả lớp và cá nhân

- Trước hết GV giới thiệu trên bản đồ về vị trí

của vương quốc Lào và những nét cơ bản về địa hình: Đất nước Lào gắn liền với con sông Mê-Công, con sông vừa cung cấp nguồn thủy văn dồi dào, trục đường giao thông quan trọng của đất nước, vừa là yếu tố cầu sự thống nhất về mặt địa lí. Có đồng bằng ven sông tuy hẹp nhưng màu mỡ.

- Tiếp theo GV trình bày và phân tích về cư dân và thời gian lập quốc.

Bước 2. cả lớp

GV? *Thời kỳ thịnh vượng của vương quốc Lào?*

Những biểu hiện của sự thịnh vượng?

HS đọc SGK, trả lời câu hỏi.

GV nhận xét, chốt ý:

- GV trình bày: Đến đầu thế kỷ XVIII, Lan Xang suy yếu và bị Xiêm đánh chiếm biến thành một tỉnh, sau trở thành thuộc địa của Pháp 1893.

Bước 3: Nhóm nhỏ

GV? *Nêu những nét chính về văn hóa của Vương quốc Lào?*

HS đọc SGK trả lời câu hỏi.

GV nhận xét và kết luận:

GV kết hợp giới thiệu hình 22 trong SGK "Tháp That Luông - Viêng Chăn (Lào)".

GV nhấn mạnh: Cam-pu-chia và Lào đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ trên các lĩnh vực chữ viết, tôn giáo, văn học, kiến trúc.

Tuy nhiên khi tiếp thu văn hóa nước ngoài, nhất là văn hóa Ấn Độ trong quá trình giao lưu văn hóa, mỗi nước đều đem lòng nội dung của mình vào, xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Chính bản sắc dân tộc là sợi dây liên kết dân tộc và thúc đẩy cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền dân tộc.

3. Hoạt động luyện tập: - Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi nhận thức đặt ra ngay từ đầu giờ học để củng cố kiến thức đã học.

2. Vương quốc Lào**0**

- Cư dân cổ chính là người Lào Thông + Lào Lùm.

- Năm 1353 Pha Ngừm thống nhất các mường Lào lên ngôi đặt tên nước là Lan Xang (triệu voi).

- Thời kỳ thịnh vượng nhất là cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, dưới triều vua Xu-li-nha Vông-xa. Biểu hiện:

+ Tổ chức bộ máy chặt chẽ hơn: chia đất nước thành các mường, đặt quan cai trị, xây dựng quân đội do nhà vua chỉ huy.

+ Buôn bán trao đổi với cả người châu Âu. Lào còn là trung tâm Phật giáo.

+ Giữ quan hệ hòa hiếu với Cam-pu-chia và Đại Việt, kiên quyết chống quân xâm lược Miến Điện.

- Văn hóa:

+ Người Lào sáng tạo ra chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ viết của Cam-pu-chia và Mi-an-ma.

+ Đời sống văn hóa của người Lào rất phong phú, hồn nhiên.

- Kiến trúc: Xây dựng một số công trình kiến trúc Phật giáo điển hình là That Luông ở Viêng Chăn.

- Nhận xét: Cam-pu-chia và Lào đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ trên các lĩnh vực chữ viết, tôn giáo, văn học, kiến trúc.

Song tiếp thu mỗi nước đều đem lòng nội dung của mình vào, xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng:

- Gv yêu cầu hs liên hệ tình hình Lào và Cam-pu-chia hiện nay, mối quan hệ giữa 3 nước.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi bài tập trong SGK.

- Lập bảng niên biểu các giai đoạn phát triển của vương quốc Cam-pu-chia và Lào theo nội dung sau

Tên vương quốc	Thời gian hình thành vương quốc	Giai đoạn phát triển thịnh đạt nhất	Biểu hiện của sự phát triển

- Đọc chuẩn bị trước bài mới.

Chuyên đề: Tây Âu thời phong kiến.

Nắm các nội dung chính: Sự hình thành chế độ phong kiến Tây Âu; Khái niệm lãnh địa và nền kinh tế của lãnh địa.

CHUYÊN ĐỀ: TÂY ÂU THỜI PHONG KIẾN

A. NỘI DUNG CỦA CHUYÊN ĐỀ

I. Thời kì hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (thế kỉ V đến thế kỉ XIV)

1. Sự hình thành các vương quốc phong kiến ở Tây Âu

a. Các vương quốc của người Giéc- Man

- Thế kỷ III, đế quốc Rô-ma lâm vào khủng hoảng, nô lệ nổi dậy đấu tranh sản xuất sút kém, xã hội rối ren.
- Cuối thế kỷ V, đế quốc Rô-ma bị ng Giéc-man xâm chiếm, năm 476 đế quốc Rô ma bị diệt vong, thời đại phong kiến châu Âu hình thành ở châu Âu.

b. Sự hình thành các quan hệ sản xuất phong kiến

- Những việc làm của người Giéc-man:
 - + Thủ tiêu bộ máy nhà nước cũ, thành lập nên nhiều vương quốc mới: Phơ-răng, Đông gốt, Tây gốt...
 - + Chiếm ruộng đất của chủ nô Rô-ma cũ rồi chia cho nhau.
 - + Từ bỏ các tôn giáo nguyên thủy của mình và tiếp thu Ki-tô giáo, xây dựng nhà thờ và tìm cách chiếm ruộng của nông dân.
 - + Thủ lĩnh của họ tự xưng vua và phong tước vị: công tước, bá tước, nam tước...
- Kết quả
 - + Hình thành các tầng lớp: quý tộc, vũ sĩ, tăng lữ, quan lại có đặc quyền và giàu có
 - + Nô lệ, nông dân biến thành nông nô phụ thuộc vào lãnh chúa

. Quan hệ sản xuất phong kiến ở châu Âu bắt đầu hình thành, điển hình là vương quốc Phrăng.

2. Lãnh địa phong kiến

a. **Khái niệm:** Lãnh địa là một khu đất rộng, trong đó có cả ruộng đất trồng trọt, đồng cỏ, rừng núi, sông đầm... Trong khu đất của lãnh chúa có những lâu đài, dinh thự, nhà thờ, nhà kho, thôn xóm của nông dân.

b. Đặc điểm

- Là đơn vị chính trị kinh tế riêng biệt và đóng kín, tự cấp, tự túc:
 - + Nông nô là người sản xuất chính trong các lãnh địa. Họ bị gắn chặt và lệ thuộc vào lãnh chúa. Cùng với sản xuất lương thực, họ còn dệt vải, làm dây dép, rèn vũ khí... Không có sự trao đổi với bên ngoài (trừ muối, sắt, tơ lụa, đồ trang sức...)

- *Mỗi lãnh địa là một đơn vị chính trị độc lập*

+ Lãnh chúa nắm quyền về chính trị, tư pháp, tài chính, có quân đội, chế độ thuế khóa riêng...không ai can thiệp vào lãnh địa của lãnh chúa.

+ Mỗi lãnh địa còn như một pháo đài bất khả xâm phạm, có hào sâu, có kị sĩ bảo vệ...

- *Quan hệ trong lãnh địa.*

+ Lãnh chúa có cuộc sống nhàn rỗi, xa hoa, sung sướng bằng việc bóc lột tô thuế và sức lao động của nông nô.

+ Nông nô là người sản xuất chính trong các lãnh địa. Họ bị gắn chặt và lệ thuộc vào lãnh chúa, nhận ruộng đất để cày cấy và phải nộp tô thuế nặng nề, ngoài ra phải nộp nhiều thuế khác (thuế thân, cưới xin...). Họ sống trong những túp lều tối tăm, bẩn thỉu.

- *Các cuộc đấu tranh của nông nô*

+ Do bị bóc lột nặng nề, đối xử tàn nhẫn, nông nô nhiều lần nổi dậy chống lại lãnh chúa

+ Hình thức: đốt kho tàng, bỏ trốn vào rừng, khởi nghĩa.

II. Sự xuất hiện của các yếu tố TBCN trong xã hội phong kiến Tây

Âu. 1.Sự xuất hiện của các thành thị thời trung đại

a. Nguyên nhân xuất hiện các thành thị

- Sản xuất phát triển và có nhiều biến đổi, Tây Âu đã xuất hiện những tiền đề của nền kinh tế hàng hóa, hình thành thị trường buôn bán tự do.

- Thủ công nghiệp diễn ra quá trình chuyên môn hóa mạnh mẽ, nhiều người bỏ ruộng đất, thoát khỏi lãnh địa.

- Thợ thủ công đến ngã ba đường, bên sông nơi có đông người qua lại lập xưởng sản xuất và buôn bán ở bên ngoài lãnh địa

- Tại những nơi này cư dân ngày càng đông lên rồi trở thành thị trấn nhỏ, sau này phát triển thành thành thị.

b. Hoạt động của thành thị

- Cư dân chủ yếu là thợ thủ công và thương nhân

- Phường hội, thương hội là một tổ chức của những người lao động thủ công cùng làm một nghề, nhằm giữ độc quyền sản xuất, chống áp bức của lãnh chúa, phát triển sản xuất và bảo vệ quyền lợi của thợ thủ công. Người ta còn đặt ra quy chế riêng gọi là Phường quy.

- Vai trò của thương nhân: thu mua hàng hóa, bán cho người tiêu thụ, tổ chức các hội chợ để thúc đẩy thương mại phát triển.

c. Vai trò thành thị:

- Phá vỡ nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa phát triển.

- Góp phần tích cực xóa bỏ chế độ phân quyền. Đặc biệt mang lại không khí tự do cho xã hội phong kiến Tây Âu, hình thành các trường đại học lớn.

2. Những cuộc phát kiến địa lý

a. Nguyên nhân và điều kiện.

- Sản xuất phát triển dẫn đến nhu cầu về hương liệu, vàng bạc thị trường cao.
- Con đường giao lưu buôn bán qua Tây Á và Địa Trung Hải bị người Ả Rập độc chiếm.
- Khoa học - kỹ thuật có những bước tiến quan trọng như kỹ thuật mới trong đóng tàu.
- Ngành hàng hải có những hiểu biết về địa lí, đại dương, la bàn, hải đồ...

b. Các cuộc phát kiến địa lý lớn:

- Năm 1498 B.Đi-a-xơ đã đi vòng cực Nam của lục địa Phi, đặt tên mũi Hảo Vọng.
- Năm 1497, Va-xcô đơ Ga-ma đã đến được Ca-li cut Ấn Độ (5- 1498).
- Năm, 1492, C.Cô-lôm-bô đến được Cu Ba và một số đảo vùng Ăngti. Ông là người đầu tiên phát hiện ra châu Mỹ.
- Năm 1519, Ma-gien-lan là người đã thực hiện chuyến đi đầu tiên vòng quanh thế giới bằng đường biển (1519 - 1521).

c. Hệ quả của phát kiến địa lý:

- Đem lại hiểu biết mới về trái đất, về những con đường mới, dân tộc mới. Tạo điều kiện cho sự giao lưu giữa các nền văn hóa, văn minh khác nhau. Thị trường thế giới được mở rộng.
- Thúc đẩy nhanh sự tan rã của quan hệ phong kiến và sự ra đời của chủ nghĩa tư bản.
- Nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa và buôn bán nô lệ.

3. Phong trào văn hóa phục hưng

a. Hoàn cảnh ra đời

- Giai cấp tư sản có thế lực về kinh tế, song chưa có địa vị về xã hội tương ứng, muốn xóa bỏ chế độ phong kiến, muốn có nền văn hóa riêng.
- Những quan điểm lỗi thời của xã hội phong kiến kìm hãm sự phát triển của giai cấp tư sản.
- Phong trào Văn hóa Phục hưng: khôi phục, phát huy tinh hoa văn hóa xán lạn cổ đại Hy Lạp, Rô-ma, xây dựng một nền văn hóa mới đề cao giá trị chân chính của con người, đòi quyền tự do cá nhân, coi trọng khoa học kỹ thuật.

b. Thành tựu

- KH-KT có tiến bộ vượt bậc về y học, toán học.
- Văn học nghệ thuật phát triển phong phú: Lê-ô-na đơ Van-xi, Sếch-xpia

c. Nội dung, ý nghĩa:

- Lên án giáo hội Ki-tô, tấn công vào trật tự phong kiến, đề cao giá trị con người, xây dựng thế giới quan tiến bộ.

- Đây là cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến trên mặt trận văn hóa tư tưởng.

- Mở đường cho sự phát triển của văn hóa loài người.

III. So sánh phương Đông, phương Tây về các nội dung: cơ sở hình thành, thời gian ra đời, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Từ đó rút ra nhận xét.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO CHUYÊN ĐỀ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong chuyên đề, học sinh cần:

1. Kiến thức:

- Trình bày được quá trình phong kiến hóa ở vương quốc Phơ răng
- Hiểu biết về lãnh địa phong kiến, các quan hệ chính trong xã hội phong kiến Tây Âu
- Trình bày quá trình ra đời, phát triển của thành thị trung đại Tây Âu, sự phát triển của kinh tế hàng hóa, những phát kiến lớn về địa lí.
- Nêu được nét chính về phong trào Văn hóa Phục hưng.

2. Kỹ năng.

- Rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, hình ảnh, bản đồ.
- Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình
- Vận dụng kiến thức liên môn vào bài học: địa lý, văn học.
- Kỹ năng phân tích, nhận định, so sánh, đánh giá.

3. Thái độ

- Giáo dục học sinh niềm tin về sự phát triển hợp quy luật của xã hội loài người, từ xã hội chiếm hữu nô lệ sang xã hội phong kiến.
- Ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của nhân loại.

4. Định hướng phát triển năng lực

- Những năng lực chung: năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề, năng lực sáng tạo, giao tiếp, thuyết trình, hợp tác.
- Năng lực chuyên biệt: Vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra: giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa của nhân loại.
- Năng lực thực hành bộ môn: Su tầm tư liệu, thuyết trình, báo cáo...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH.

1. Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án, tranh ảnh, tư liệu, giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị ở nhà và trình bày trên lớp

2. Chuẩn bị của học sinh: chuẩn bị nội dung bài học, sưu tầm tài liệu, thuyết trình trên lớp

III. KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC: Dạy học theo dự án, thảo luận nhóm, hoạt động cá nhân. Sử dụng tranh ảnh, tư liệu...

IV. THIẾT KẾ TIẾN TRÌNH DẠY CHUYÊN ĐỀ.

1. Tạo tình huống

Một trong những thành tựu quan trọng của loài người ở thế kỉ XV là tiến hành các cuộc phát kiến địa lí phát hiện ra châu Mỹ và đi vòng quanh thế giới, đã đem lại nguồn của cải lớn về châu Âu và những hiểu biết mới của con người về thế giới. Giai cấp tư sản ngày càng phát triển và khẳng định vị thế của mình cả về kinh tế và chính trị đối với giai cấp phong kiến.

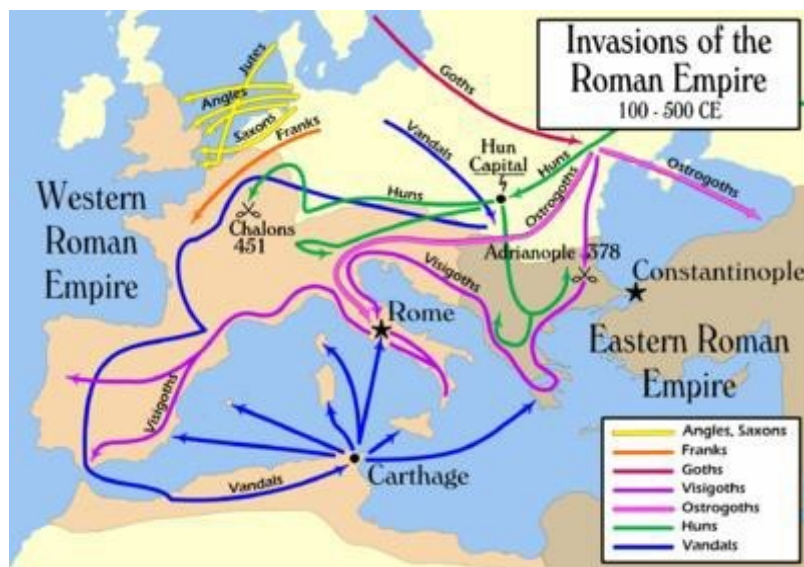
2. Hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG I: Sự hình thành các vương quốc phong kiến ở Tây Âu

Bước 1: Làm việc cá nhân

- Trước hết GV gọi lại cho HS nhớ lại những kiến thức cơ bản của xã hội cổ đại phương Tây nhất là sự bành trướng và lớn mạnh của đế quốc Rô-ma. Sau đó GV nêu câu hỏi: *những biểu hiện sự khủng hoảng của đế quốc Rô-ma thế kỉ III?*

- HS dựa vào lược đồ, tìm hiểu SGK trả lời câu hỏi



Lược đồ cuộc tấn công của Giéc-man vào Rô-ma thế kỉ V

Bước 2 : Làm việc theo nhóm

+ *Nhóm 1: Khi tràn vào lãnh thổ của Rô-ma, người Giéc-man đã có những việc làm gì?*

+ *Nhóm 2: Tác động của những việc làm đó đối với xã hội phong kiến châu Âu?*

- HS từng nhóm đọc SGK, tìm ý trả lời và thảo luận với nhau.

- Sau đó đại diện nhóm trình bày kết quả của mình , GV có thể yêu cầu HS nhóm khác bổ sung, và chốt ý.

HOẠT ĐỘNG II: Tìm hiểu xã hội phong kiến Tây Âu

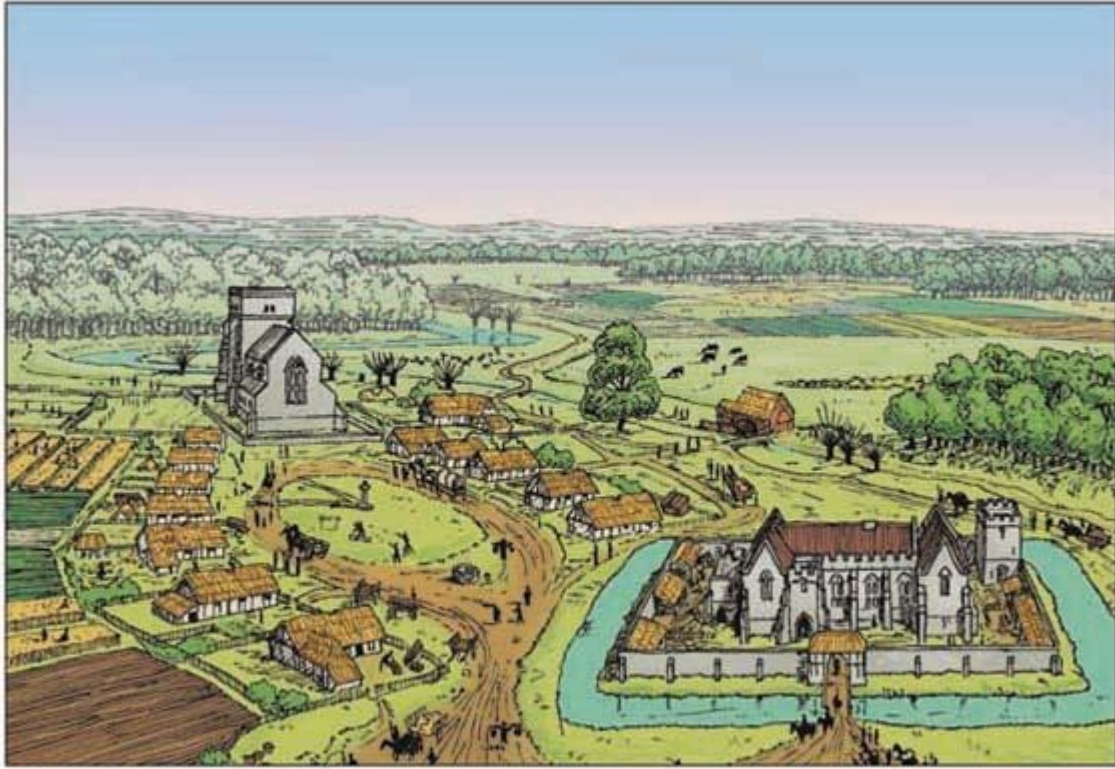
Bước 1: Cả lớp

- GV giải thích khái niệm về lãnh địa bằng việc kết hợp khai thác trang ảnh trong SGK " Lâu đài và thành quách kiên cố của lãnh chúa" và với những tranh ảnh sưu tầm được.

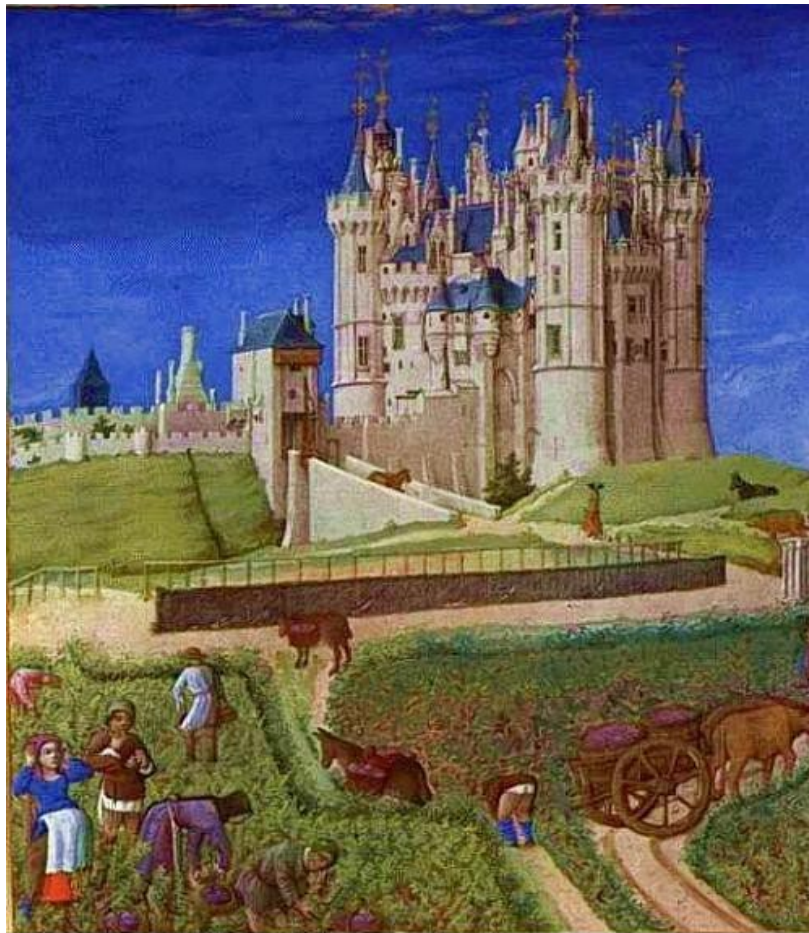
Bước 2: Làm việc theo nhóm

+ Nhóm 1: Miêu tả cuộc sống của các lãnh chúa và của nông nô trong các lãnh địa?

+ Nhóm 2: Nêu đặc trưng kinh tế đời sống chính trị của lãnh địa ? Các cuộc đấu tranh của nông nô?



Lãnh địa ở Tây âu thời trung đại



Detail from the month of September. From *Les Tres Riches Heures* du Duc de Berry.

Sản xuất của nông nô ở trong lãnh địa



Sinh hoạt động của lãnh chúa

- HS nhóm quan sát hình ảnh, tìm hiểu SGK, thảo luận và tìm ý trả lời. Sau đó đại diện nhóm trình bày kết quả của mình, nhóm khác bổ sung.

GV nhận xét chốt ý, và hướng dẫn HS so sánh các nội dung đã học:

Nội dung so sánh	Chế độ phong kiến P Đông	Chế độ phong kiến T Âu
-Giai cấp trong xã hội		
- Đặc trưng kinh tế		
- Thể chế chính trị		

HOẠT ĐỘNG II: *Tìm hiểu nguyên nhân ra đời, hoạt động và vai trò của thành thị thời trung đại*



Hoạt động ở thành thị Tây Âu thời trung đại



Hoạt động ở thành thị Tây Âu thời trung đại

HS tìm hiểu SGK, kết hợp quan sát các hình ảnh đọc SGK trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét và chốt ý: Sự phát triển của các ngành thủ công đã phá vỡ nền kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa phát triển, góp phần tích cực xóa bỏ chế độ phân quyền. Đặc biệt mang lại không khí tự do.

HOẠT ĐỘNG IV: *Tìm hiểu những cuộc phát kiến địa lý*

Bước 1: Làm việc theo nhóm

N1. Tìm hiểu nguyên nhân; N2. Tìm hiểu hành trình các cuộc PKĐL; N3. Hệ quả...



Lược đồ các cuộc PKĐL thế kỉ XV-XVI

- Các nhóm cử đại diện nhóm trình bày sản phẩm chuẩn bị trên PP. HS khác bổ sung.
- GV nhận xét và chốt ý.

Học sinh nắm nội dung kiến thức theo bảng

Tên cuộc phát kiến địa lí	Thời gian	Hành trình	Hệ quả của các cuộc PKĐL

HOẠT ĐỘNG V: *Tìm hiểu phong trào Văn hóa Phục hưng*

Bước 1: Làm việc theo nhóm

- N1: nguyên nhân dẫn đến phong trào văn hóa Phục hưng?
- N2. Nêu những thành tựu của văn hóa Phục hưng?
- N3. Ý nghĩa của phong trào văn hóa Phục hưng?



Bức họa nàng La-giô-công của Lê-ô-na-Đvin-xi

- HS các nhóm trả lời, nhóm 2 trình bày sản phẩm trên PP, HS khác có thể bổ sung.

HS nắm kiến thức theo bảng

Lĩnh vực	Tác giả	Thành tựu
Hội họa	Lê -ô-na đơ Van-xi	Bức họa La Giô-công

GV sử dụng tư liệu, hình ảnh, liên hệ văn học, âm nhạc... kết luận các vấn đề.

3. Hoạt động luyện tập.

GV nêu các vấn đề HS nhớ lại kiến thức đã học trả lời

- Xã hội phong kiến Tây Âu được hình thành như thế nào, nêu các đặc điểm về kinh tế, chính trị, xã hội.
- Nguồn gốc ra đời và vai trò củ thành thị Tây âu thời trung đại
- Nguyên nhân, điều kiện, hệ quả của các cuộc PKDL
- Phong trào Văn hóa phục hưng là gì, thành tựu, ý nghĩa.

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng : Lòng ghép trong tiết học

V. Hướng dẫn hs tự học

- Nêu những điểm nổi bật trong sự tiến triển của đời sống và xã hội loài người từ nguyên thủy đến thời trung đại

- Vẽ biểu đồ thời gian chỉ sự phát triển kinh tế của xã hội loài người (đến thời trung đại).

BÀI 12. ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

Giúp học sinh nắm và trình bày lại khái quát những điều cơ bản nhất của khoá trình. Học sinh có những hình ảnh sinh động cụ thể, còn những gì có thể động lại chính là ở bài tổng kết.

2. Kỹ năng: Giúp học sinh nắm vững phương pháp khái quát hóa.

3. Thái độ: Thái độ học tập nghiêm túc. Bồi dưỡng tinh thần biết trân trọng những giá trị lịch sử.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, so sánh, rút ra nhận xét.....

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, bảng thống kê, máy tính....

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà, giấy rôki, bút xạ

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: Trong thời gian vừa qua chúng ta đã học về quá trình hình thành và phát triển của lịch sử xã hội loài người, các em hãy cho biết từ khi có xã hội loài người đến hết Tây Âu trung đại, chúng ta đã học qua những thời kỳ lịch sử lớn nào ?

(Dự kiến học sinh trả lời: Xã hội nguyên thủy, xã hội cổ đại, xã hội phong kiến).

- GV nêu vấn đề vào bài: “Thời kỳ lịch sử đầu tiên nào mà các dân tộc đều phải trải qua là gì ?

c. Dự kiến sản phẩm:

2. Hình thành kiến thức mới.

1. Xã hội nguyên thủy: thời kỳ nguyên thủy là bước đi chập chững đầu tiên mà dân tộc nào cũng phải trải qua.

* Hoạt động 1:

- GV vẽ trên PP sơ đồ tiến triển của xã hội nguyên thủy. Sử dụng tranh ảnh, phát vấn cho học sinh nắm lại khái quát quá trình tiến triển của xã hội nguyên thủy, học sinh tự ghi bài.

Nội dung bài				
Thời kỳ công xã nguyên thủy được chia làm mấy giai đoạn ?	Thời gian	4 triệu năm Đá cũ sơ kỳ Người tối cổ	40.000 năm Đá cũ hậu kỳ Người tinh khôn	10.000 -> 5500 năm Đá mới -> Kim khí Người hiện đại
Dựa vào đâu để phân chia như vậy?	Công cụ	Rìu tay thô sơ	Dao, nạo, lao, cung tên	Nhiều loại rìu, dao, liềm, hái
Phương thức sinh sống ? Đời sống vật chất, tinh thần ? Sinh hoạt văn	Đời sống vật chất-tinh thần	Lượm hái, săn bắt Ở trong hang Đời sống	Lượm hái, săn bắn Ở nhà lều Tạm đủ ăn. Có quần áo, trang	- Chăn nuôi, trồng trọt, làm gốm - Có nhiều loại nhạc cụ đơn

hóa?		bệnh.	sức	định
	Tổ chức xã hội		Thị tộc, bộ lạc	Gia đình phụ hệ
Phân tích quá trình hình thành xã hội có giai cấp?	Quan hệ xã hội	Bầy người nguyên thủy	Cộng đồng, bình đẳng, cùng làm cùng hưởng	Tư hữu

* **Chuyên ý:** Thời kỳ nguyên thủy là bước đi chập chững đầu tiên của loài người mà bất cứ một dân tộc nào cũng phải trải qua. Trong thời kỳ khó khăn này, nguyên tắc vàng cho loài người có thể tồn tại và phát triển là :”cộng đồng & bình đẳng”. Từ khi công cụ kim loại ra đời, sản phẩm dư thừa thường xuyên hơn, tư hữu xuất hiện, nguyên tắc vàng của xã hội nguyên thủy bị phá vỡ, loài người đứng trước ngưỡng cửa của thời đại xã hội có giai cấp đầu tiên : Thời Cổ đại.

2. Xã hội cổ đại:

Hoạt động 2:

GV? So sánh phương Đông cổ đại và phương Tây cổ đại theo các nội dung: ĐKTN, kinh tế chính, chính trị và xã hội

HS thảo luận theo nhóm và trình bày

GV kết luận dựa theo phần trình bày của các nhóm ở bảng.

3. Xã hội phong kiến - trung đại :

* **Hoạt động 3:** GV chiếu bảng so sánh trên màn hình PP, gợi ý cho học sinh dựa vào SGK và kiến thức đã học để hoàn chỉnh bài học

	Chế độ phong kiến châu Á	Chế độ phong kiến châu Âu
Thời gian	Ra đời sớm (khoảng thế kỷ V TCN)	Ra đời muộn (476, đế quốc Roma sụp đổ)
Kinh tế	- Nông nghiệp - TCN và thương nghiệp - LLSX chính: nông dân lĩnh canh	Kinh tế lãnh địa LLSX chính: nông nô
Thể chế chính trị	Tập quyền chuyên chế	Phân quyền -> Tập quyền
Xã hội	Nông dân lĩnh canh >< Địa chủ	Nông nô >< Lãnh chúa phong kiến
Kết thúc	Muộn (thế kỷ XVII – XIX)	Sớm (thế kỷ XV – XVII)

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Dựa vào các bảng sơ đồ và bảng so sánh, học sinh ôn lại các chương bài đã học, chuẩn bị làm bài kiểm tra học kỳ.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ ĐẠI

1. Các quốc gia cổ đại Phương Đông:

- Trình bày điều kiện tự nhiên
- Sự phát triển kinh tế, thể chế chính trị
- Các giai cấp trong xã hội
- Thành tựu văn hóa

2. Các quốc gia cổ đại Phương Tây:

- Trình bày điều kiện tự nhiên
- Sự phát triển kinh tế, thể chế chính trị
- Các giai cấp trong xã hội

- Thành tựu văn hóa

LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI PHONG KIẾN

1. Vì sao nói dưới thời nhà Đường, kinh tế, chính trị phát triển đến đỉnh cao?
2. Sự thành lập nhà Minh, Thanh, sự phát triển kinh tế, tổ chức bộ máy nhà nước thời nhà Minh?
3. Những thành tựu văn hóa của Trung Quốc.
4. So sánh vương triều Mô gôn và Đê Li về: thời gian tồn tại, chính trị, kinh tế, văn hóa?
5. Sự hình thành và phát triển của vương quốc Cam pu chia, Lào. (Lưu ý: trắc nghiệm bao gồm tất cả các kiến thức đã học)

Tiết 18

Ngày soạn: / /2018

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Học sinh trình bày được, hiểu được, vận dụng được kiến thức các nội dung sau

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ ĐẠI

1. Các quốc gia cổ đại Phương Đông:
 - Trình bày điều kiện tự nhiên
 - Sự phát triển kinh tế, thể chế chính trị
 - Các giai cấp trong xã hội
 - Thành tựu văn hóa
2. Các quốc gia cổ đại Phương Tây:
 - Trình bày điều kiện tự nhiên
 - Sự phát triển kinh tế, thể chế chính trị
 - Các giai cấp trong xã hội
 - Thành tựu văn hóa

LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI PHONG KIẾN

1. Vì sao nói dưới thời nhà Đường, kinh tế, chính trị phát triển đến đỉnh cao?
2. Sự thành lập nhà Minh, Thanh, sự phát triển kinh tế, tổ chức bộ máy nhà nước thời nhà Minh?
3. Những thành tựu văn hóa của Trung Quốc.
4. So sánh vương triều Mô gôn và Đê Li về: thời gian tồn tại, chính trị, kinh tế, văn hóa?
5. Sự hình thành và phát triển của vương quốc Cam pu chia, Lào.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng trả lời câu hỏi TNKQ.

3. Thái độ

- Nhận thức được sự phát triển khách quan của lịch sử.

4. Năng lực hướng tới

a. Năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

b. Năng lực chuyên biệt

- Năng lực trả lời câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV và HS

1. Giáo viên.

- Biên soạn đề kiểm tra.

2. Học sinh.

- Ôn tập các nội dung kiểm tra.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT KIỂM TRA

- Học sinh tự làm bài kiểm tra trên đề của mình.

IV. Hình thức kiểm tra

70 TN-30 TL

V. Biên soạn đề kiểm tra

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I, MÔN LỊCH SỬ LỚP 10, NĂM HỌC 2018 – 2019.

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (28 câu/7đ)

Câu 1: Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia kéo dài từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV, còn gọi là thời kì gì?

- A. Thời kì thịnh đạt.
- B. Thời kì Ăng-co.
- C. Thời kì hoàng kim.
- D. Thời kì Bay-on.

Câu 2: Vì sao các nhà khảo cổ coi thời kì đá mới là một cuộc cách mạng?

- A. Con người đã biết sử dụng đá mới để làm công cụ.
- B. Con người đã biết săn bắn, hái lượm và đánh cá.
- C. Con người đã biết trồng trọt và chăn nuôi.
- D. Con người đã biết sử dụng kim loại.

Câu 3: Thế kỉ XII, đạo nào có ảnh hưởng lớn ở Cam-pu-chia?

- A. Đạo Phật Đại thừa.
- B. Đạo Phật Tiểu thừa.
- C. Đạo Hin-đu.
- D. Đạo Ki-tô.

Câu 4: Kết quả lớn nhất của việc con người sử dụng công cụ bằng kim khí là

- A. khai khẩn được đất hoang.
- B. đưa năng suất lao động tăng lên.
- C. sản xuất đủ nuôi sống xã hội.
- D. tạo ra sản phẩm thừa thường xuyên làm biến đổi xã hội.

Câu 5: Hệ quả nào sau đây *không phải* do sự xuất hiện sản phẩm dư thừa tạo ra?

- A. Xuất hiện tư hữu.
- B. Xuất hiện giai cấp.
- C. Xuất hiện phân hóa giàu nghèo.
- D. Xuất hiện thương mại, trao đổi hàng hóa.

Câu 6: Sự xuất hiện tư hữu, gia đình phụ hệ thay thế cho gia đình mẫu hệ, xã hội phân hóa giàu-ngèo...là những hệ quả của việc sử dụng

- A. công cụ đá mới.
- B. công cụ bằng kim loại.
- C. công cụ bằng đồng.
- D. công cụ bằng sắt.

Câu 7: Trong buổi đầu của thời đại kim khí, kim loại con người lần lượt sử dụng để chế tác công cụ là

A. đồng thau-đồng đỏ-sắt.

B. đồng đỏ-đồng thau-sắt

C. đồng đỏ-kẽm-sắt.

D. kẽm-đồng đỏ-sắt

Câu 8: Công trình kiến trúc quần thể Ăng-co Vát và Ăng-co Thom là biểu trưng của tôn giáo nào?

A. Phật giáo.

B. Nho giáo.

C. Ấn Độ giáo.

D. Hồi giáo.

Câu 9: Công việc nào đã khiến mọi người ở phương Đông có quan hệ gắn bó với nhau trong tổ chức công xã?

A. Trồng lúa nước

B. Trị thủy

C. Chăn nuôi

D. Làm nghề thủ công

Câu 10: Các giai cấp trong xã hội cổ đại phương Tây là

A. quý tộc, nông dân, nô lệ.

B. chủ nô, quý tộc, nông dân công xã.

C. chủ nô, dân thành thị, nô lệ.

D. quý tộc, dân thành thị, nô lệ.

Câu 11: Thành tựu văn hóa có ý nghĩa quan trọng nhất của cư dân cổ đại phương Đông là

A. kiến trúc.

B. lịch và thiên văn học.

C. toán học.

D. chữ viết.

Câu 12: Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân phương Đông cổ đại được đánh giá là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại?

A. Thành thị cổ Ha-rap-pa.

B. Kim tự tháp Ai Cập.

C. Cổng I-sơ-ta thành Ba-bi-lon.

D. Lăng mộ Tần Thủy

Hoàng. Câu 13: Điểm tương đồng giữa văn hóa Campuchia và văn hóa

Lào là

A. ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ.

B. ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Trung Quốc.

C. sáng tạo chữ viết dựa trên nét cong của chữ Mianma.

D. kết hợp hài hòa giữa văn hóa Ấn Độ và Mianma.

Câu 14: Quá trình cải biến chữ viết của cư dân cổ đại phương Đông diễn ra lần lượt

A. chữ tượng hình→chữ tượng thanh→chữ tượng ý.

B. chữ tượng hình→chữ tượng ý→chữ tượng thanh.

C. chữ tượng ý→chữ tượng hình→chữ tượng thanh.

D. chữ tượng thanh→chữ tượng ý→chữ tượng hình.

Câu 15: Nền kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Tây được quyết định bởi

A. đặc điểm dân cư.

B. đặc điểm chủng tộc.

C. đặc điểm chính trị.

D. đặc điểm tự nhiên.

Câu 16: Do đâu cư dân phương Đông thời cổ đại sống quần tụ với nhau thành các liên minh công xã?

A. Do nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi.

B. Do nhu cầu chống thú dữ.

C. Do nhu cầu xây dựng.

D. Do nhu cầu chống ngoại xâm

Câu 17: Bản chất của nền dân chủ cổ đại là gì?

A. Dân chủ cho tất cả mọi người.

B. Dân chủ cho quý tộc.

C. Dân chủ cho chủ nô.

D. Dân chủ cho tầng lớp.

Câu 18: Trong lĩnh vực toán học thời cổ đại ở phương Đông, cư dân nước nào thành thạo về số học? Vì sao?

A. Trung Quốc-vì phải tính toán xây dựng các công trình kiến trúc.

B. Ai Cập-vì phải đo đạc lại ruộng đất hằng năm do phù sa bồi đắp.

C. Lưỡng Hà-vì phải đi buôn bán.

D. Ấn Độ- vì phải tính thuế.

Câu 19: So sánh điểm khác biệt nổi bật về chính sách đối ngoại của Lào so với Campuchia.

- A. Thần phục vương quốc Xiêm.
- B. Đẩy mạnh bành trướng xâm lược bên ngoài.
- C. Không gây chiến tranh xâm lược các nước khác.
- D. Thường giữ quan hệ hòa hiếu với các nước láng giềng.

Câu 20. Ý nghĩa của cuộc thống nhất đất nước của nhà Tần

- A. chấm dứt thời kỳ chiến tranh loạn lạc kéo dài ở Trung Quốc.
- B. tạo điều kiện cho Tần Doanh Chính lập triều đại nhà Tần.
- C. tạo điều kiện cho chế độ phong kiến được xác lập ở Trung Quốc.
- D. chấm dứt chiến tranh, xác lập chế độ phong kiến Trung Quốc.

Câu 21. Những tiến bộ trong sản xuất đã tác động và làm cho xã hội Trung Quốc thay đổi như thế nào?

- A. Giai cấp địa chủ xuất hiện.
- B. Nông dân bị phân hóa.
- C. Nông dân nộp hoa lợi cho địa chủ.
- D. Giai cấp địa chủ và nông dân xuất hiện.

Câu 22. Bốn phát minh kỹ thuật quan trọng nhất của người Trung Quốc là

- A. luyện sắt, làm men gốm, la bàn, thuốc súng.
- B. luyện sắt, đúc súng, thuốc súng, men gốm.
- C. giấy, kỹ thuật in, la bàn, thuốc súng.
- D. giấy, kỹ thuật in, luyện sắt, thuốc súng.

Câu 23. Quan hệ sản xuất chính được thiết lập dưới thời Tần – Hán là

- A. quan hệ bóc lột của quý tộc đối với nông dân công xã.
- B. quan hệ bóc lột của chủ nô đối với nô lệ.
- C. quan hệ bóc lột của lãnh chúa đối với nông nô.
- D. quan hệ bóc lột của địa chủ đối với nông dân lĩnh canh.

Câu 24. Nét đặc sắc và nổi bật nhất của vương triều Gup-ta ở Ấn Độ là gì?

- A. Bắc Ấn được thống nhất trở lại, bước vào thời kì phát triển cao.
- B. Vương triều Gup-ta có 9 đời vua qua 150 năm quyền.
- C. Sự định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ.
- D. Đạo Phật phát triển mạnh dưới thời Gup-ta.

Câu 25. Vì sao Ấn Độ được coi là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại?

- A. Văn hóa Ấn Độ được hình thành từ rất sớm.
- B. Ấn Độ có nền văn hóa phát triển cao, phong phú, toàn diện, ảnh hưởng ra bên ngoài.
- C. Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng đến quá trình phát triển lịch sử và văn hóa của các dân tộc DNA.
- D. Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo lớn trên thế giới.

Câu 26. Nơi nào ở Châu Á chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ rõ nét nhất?

- A. Đông Bắc Á
- B. Đông Nam Á
- C. Trung Quốc
- D. Việt Nam

Câu 27. Đặc điểm nổi bật nhất của văn hóa Ấn Độ vào thế kỷ VII là

- A. Ấn Độ rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán, mỗi vùng có những điều kiện và sắc thái văn hóa riêng của mình
- B. Nước Pa-la ở vùng Đông bắc và nước Pa-la-va ở miền Nam có vai trò nổi trội hơn cả
- C. Văn hóa Ấn Độ đa dạng, phong phú và ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài
- D. Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài, đặc biệt là DNA.

Câu 28: Thành tựu được coi là một phát minh và công hiến lớn lao của cư dân Địa Trung Hải cho nền văn minh nhân loại là

- A. lịch pháp B. chữ viết. C. nghệ thuật. D. văn học.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3đ)

Tại sao nói: Chế độ phong kiến Trung Quốc dưới thời nhà Đường đạt đến đỉnh cao?

.....o0o.....

ĐỀ SỐ 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (28 câu/7đ)

Câu 1: So sánh điểm khác biệt nổi bật về chính sách đối ngoại của Lào so với Campuchia?

- A. Thần phục vương quốc Xiêm.
B. Đẩy mạnh bành trướng xâm lược bên ngoài.
C. Không gây chiến tranh xâm lược các nước khác.
D. Thường giữ quan hệ hòa hiếu với các nước láng giềng.

Câu 2: Ý nghĩa của cuộc thống nhất đất nước của nhà Tần là

- A. chấm dứt thời kỳ chiến tranh loạn lạc kéo dài ở Trung Quốc.
B. tạo điều kiện cho Tần Doanh Chính lập triều đại nhà Tần.
C. tạo điều kiện cho chế độ phong kiến được xác lập ở Trung Quốc.
D. chấm dứt chiến tranh, xác lập chế độ phong kiến Trung

Quốc. **Câu 3:** Thế kỉ XII, đạo nào có ảnh hưởng lớn ở Cam-pu-chia?

- A. Đạo phật Đại thừa. B. Đạo phật Tiểu thừa.
C. Đạo Hin-đu. D. Đạo Ki-tô.

Câu 4: Các giai cấp trong xã hội cổ đại phương Tây là

- A. quý tộc, nông dân, nô lệ. B. chủ nô, quý tộc, nông dân công xã.
C. chủ nô, dân thành thị, nô lệ. D. quý tộc, dân thành thị, nô lệ.

Câu 5: Thành tựu văn hóa có ý nghĩa quan trọng nhất của cư dân cổ đại phương Đông là

- A. kiến trúc. B. lịch và thiên văn học. C. toán học. D. chữ viết.

Câu 6: Kết quả lớn nhất của việc con người sử dụng công cụ bằng kim khí là

- A. khai khẩn được đất hoang. B. đưa năng suất lao động tăng lên.
C. sản xuất đủ nuôi sống xã hội. D. tạo ra sản phẩm thừa thường xuyên làm biến đổi xã hội.

Câu 7: Trong buổi đầu của thời đại kim khí, kim loại con người lần lượt sử dụng để chế tác công cụ là

- A. đồng thau-đồng đỏ-sắt. B. đồng đỏ-đồng thau-sắt
C. đồng đỏ-kẽm-sắt. D. kẽm-đồng đỏ-sắt.

Câu 8: Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia kéo dài từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV, còn gọi là thời kì gì?

- A. Thời kì thịnh đạt. B. Thời kì Ăng-co.
C. Thời kì hoàng kim. D. Thời kì Bay-on.

Câu 9: Vì sao các nhà khảo cổ coi thời kì đá mới là một cuộc cách mạng?

- A. Con người đã biết sử dụng đá mới để làm công cụ.
B. Con người đã biết săn bắn, hái lượm và đánh cá.
C. Con người đã biết trồng trọt và chăn nuôi.
D. Con người đã biết sử dụng kim loại.

Câu 10: Công trình kiến trúc quần thể Ăng-co Vát và Ăng-co Thom là biểu trưng của tôn giáo nào?

- A. Phật giáo. B. Nho giáo.
C. Ấn Độ giáo. D. Hồi giáo.

Câu 11: Công việc nào đã khiến mọi người ở phương Đông có quan hệ gắn bó với nhau trong tổ chức công xã?

- A. Trồng lúa nước B. Trị thủy C. Chăn nuôi D. Làm nghề thủ công

Câu 12: Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân phương Đông cổ đại được đánh giá là một trong bảy kì quan của thế giới cổ đại?

- A. Thành thị cổ Ha-rap-pa B. Kim tự tháp Ai Cập.
C. Cổng I-so-ta thành Ba-bi-lon D. Lăng mộ Tần Thủy Hoàng.

Câu 13: Quá trình cải biến chữ viết của cư dân cổ đại phương Đông diễn ra lần lượt

- A. chữ tượng hình→chữ tượng thanh→chữ tượng ý.
B. chữ tượng hình→chữ tượng ý→chữ tượng thanh.
C. chữ tượng ý→chữ tượng hình→chữ tượng thanh.
D. chữ tượng thanh→chữ tượng ý→chữ tượng hình.

Câu 14: Nền kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Tây được quyết định bởi

- A. đặc điểm dân cư. B. đặc điểm chủng tộc.
C. đặc điểm chính trị. D. đặc điểm tự nhiên.

Câu 15: Điểm tương đồng giữa văn hóa Campuchia và văn hóa Lào là

- A. ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ.
B. ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Trung Quốc.
C. sáng tạo chữ viết dựa trên nét cong của chữ Mianma.
D. kết hợp hài hòa giữa văn hóa Ấn Độ và Mianma.

Câu 16: Do đâu cư dân phương Đông thời cổ đại sống quần tụ với nhau thành các liên minh công xã?

- A. Do nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi. B. Do nhu cầu chống thú dữ.
C. Do nhu cầu xây dựng. D. Do nhu cầu chống ngoại xâm.

Câu 17: Hệ quả nào sau đây *không phải* do sự xuất hiện sản phẩm dư thừa tạo ra?

- A. Xuất hiện tư hữu. B. Xuất hiện giai cấp.
C. Xuất hiện phân hóa giàu nghèo. D. Xuất hiện thương mại, trao đổi hàng hóa.

Câu 18: Sự xuất hiện tư hữu, gia đình phụ hệ thay thế cho gia đình mẫu hệ, xã hội phân hóa giàu-ngèo...là những hệ quả của việc sử dụng

- A. công cụ đá mới. B. công cụ bằng kim loại.
C. công cụ bằng đồng. D. công cụ bằng sắt.

Câu 19: Bản chất của nền dân chủ cổ đại là gì?

- A. Dân chủ cho tất cả mọi người. B. Dân chủ cho quý tộc.
C. Dân chủ cho chủ nô. D. Dân chủ cho tầng lớp.

Câu 20: Trong lĩnh vực toán học thời cổ đại ở phương Đông, cư dân nước nào thành thạo về số học? Vì sao?

- A. Trung Quốc-vì phải tính toán xây dựng các công trình kiến trúc.
B. Ai Cập-vì phải đo đạc lại ruộng đất hằng năm do phù sa bồi đắp
C. Lưỡng Hà-vì phải đi buôn bán
D. Ấn Độ- vì phải tính thuế

Câu 21. Vì sao Ấn Độ được coi là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại?

- A. Văn hóa Ấn Độ được hình thành từ rất sớm.

- B. Ấn Độ có nền văn hóa phát triển cao, phong phú, toàn diện, ảnh hưởng ra bên ngoài.
C. Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng đến quá trình phát triển lịch sử và văn hóa của các dân tộc ĐNA.
D. Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo lớn trên thế giới.

Câu 22. Nơi nào ở Châu Á chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ rõ nét nhất?

- A. Đông Bắc Á. B. Đông Nam Á.
C. Trung Quốc. D. Việt Nam.

Câu 23. Quan hệ sản xuất chính được thiết lập dưới thời Tần – Hán là

- A. quan hệ bóc lột của quý tộc đối với nông dân công xã.
B. quan hệ bóc lột của chủ nô đối với nô lệ.
C. quan hệ bóc lột của lãnh chúa đối với nông nô.
D. quan hệ bóc lột của địa chủ đối với nông dân lĩnh canh.

Câu 24. Nét đặc sắc và nổi bật nhất của vương triều Gup-ta ở Ấn Độ là gì?

- A. Bắc Ấn được thống nhất trở lại, bước vào thời kì phát triển cao.
B. Vương triều Gup-ta có 9 đời vua qua 150 năm quyền.
C. Sự định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ.
D. Đạo Phật phát triển mạnh dưới thời Gup-ta.

Câu 25. Đặc điểm nổi bật nhất của văn hóa Ấn Độ vào thế kỷ VII là

- A. Ấn Độ rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán, mỗi vùng có những điều kiện và sắc thái văn hóa riêng của mình.
B. nước Pa-la ở vùng Đông bắc và nước Pa-la-va ở miền Nam có vai trò nổi trội hơn cả.
C. văn hóa Ấn Độ đa dạng, phong phú và ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài.
D. văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài, đặc biệt là ĐNA.

Câu 26: Thành tựu được coi là một phát minh và cống hiến lớn lao của cư dân Địa Trung Hải cho nền văn minh nhân loại là

- A. lịch pháp B. chữ viết. C. nghệ thuật. D. văn học.

Câu 27. Những tiến bộ trong sản xuất đã tác động và làm cho xã hội Trung Quốc thay đổi như thế nào?

- A. Giai cấp địa chủ xuất hiện. B. Nông dân bị phân hóa.
C. Nông dân nộp hoa lợi cho địa chủ. D. Giai cấp địa chủ và nông dân xuất hiện.

Câu 28. Bốn phát minh kĩ thuật quan trọng nhất của người Trung Quốc là

- A. luyện sắt, làm men gốm, la bàn, thuốc súng. B. luyện sắt, đúc súng, thuốc súng, men gốm.
C. giấy, kĩ thuật in, la bàn, thuốc súng. D. giấy, kĩ thuật in, luyện sắt, thuốc súng.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3đ)

Phân tích điểm mới về chính trị- kinh tế thời nhà Minh so với các triều đại phong kiến trước đó ở Trung Quốc ?

.....o0o.....

ĐÁP ÁN THI HỌC KỲ MÔN LỊCH SỬ LỚP

Mã đề

10

01:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 7 điểm/ 28 câu

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
B	C	A	D	D	B	B	A	B	C	D	B	A	A
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
D	A	C	C	D	D	D	C	D	A	B	B	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN: 3 điểm

Tại sao nói trung quốc thời nhà Đường chế độ phong kiến đạt đến đỉnh cao?

* Sự hình thành nhà Đường: Do Lý Uyên thành lập, tồn tại từ 618-907

* Tình hình chính trị:

- Tiếp tục củng cố bộ máy nhà nước
- Đặt chức Tiết độ sứ để
- Tuyển chọn quan lại: thi cử
- Đối ngoại: Mở rộng lãnh thổ bằng các cuộc chiến tranh

* Kinh tế:

- NN: Giảm tô thuế.....

Thực hiện cs quân điền:.....

Áp dụng chế độ tô, dung, điệu

Áp dụng KHKT vào trong SX

- TCN:

- TN:

* XH:

--> Dưới thời nhà Đường, TQ có CT – XH ổn định, KT phát triển  Đỉnh cao.

Mã đề 02:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 7 điểm/ 28 câu

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
D	D	A	C	D	D	B	B	C	A	B	B	A	D
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
A	A	D	B	C	C	B	B	D	A	C	B	D	C

II. PHẦN TỰ LUẬN: 3 điểm

Tại sao nói: Thời kỳ A-cơ-ba là đỉnh cao của phong kiến Ấn Độ?

- Sự hình thành vương triều Mô-gôn, thời gian tồn tại của thời kỳ A-cơ- ba
- Những chính sách của vua A-cơ- ba:
 - + xây dựng chính quyền mạnh mẽ....
 - + Xây dựng khối hòa hợp dân tộc..
 - + Tiến hành đo đạc lại ruộng đất., định mức thuế...
 - + Khuyến khích các hoạt động văn hóa nghệ thuật...
- > Kết quả: Chính trị ổn định, kinh tế phát triển, xã hội ổn định
- => Đỉnh cao của chế độ phong kiến.

PHẦN II. CHƯƠNG I. VIỆT NAM TỪ THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỶ X

BÀI 13: VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức:

- HS trình bày được cách ngày nay 30 - 40 vạn năm, trên đất nước ta đã có con người sinh sống (Người tối cổ). Trải qua hàng chục vạn năm, Người tối cổ đã chuyển biến dần thành Người tinh khôn (Người hiện đại).

- Nắm và trình bày được các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy về: công cụ lao động, hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội, đời sống vật chất và tinh thần.

2. Tư tưởng: Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tự hào về lịch sử lâu đời của dân tộc ta, ý thức được vị trí của lao động và trách nhiệm lao động xây dựng quê hương đất nước.

3. Về kĩ năng

- Biết so sánh giữa các giai đoạn lịch sử để rút ra những biểu hiện của sự chuyển biến về: kinh tế, xã hội... Biết quan sát hình ảnh các hiện vật ở bài học để rút ra nhận xét.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện

- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. **Giáo viên:** Giáo án, tranh ảnh và tư liệu liên quan đến bài học....

2. **Học sinh:** Chuẩn bị bài trước ở nhà

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, phân tích lược đồ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. **Tạo tình huống:**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Phương pháp: GV cho HS quan sát lược đồ phân bố các di chỉ khảo cổ thời nguyên thủy ở nước ta. Đặt câu hỏi: Sự phân bố các di chỉ khảo cổ cho chúng ta biết điều gì? HS quan sát và trả lời.

c. Dự kiến sản phẩm: Khi học phần lịch sử thế giới nguyên thủy chúng ta đã khẳng định: Thời kỳ nguyên thủy là thời kỳ đầu tiên, kéo dài nhất mà dân tộc nào, đất nước nào cũng phải trải qua. người Trung Quốc, nguyên nhân Ấn Độ cổ đại thường tự hào vì đất nước họ là nơi phát tích của loài người, là cái nôi sinh ra con người. Còn Việt Nam của chúng ta cũng hoàn toàn có thể tự hào vì đất nước Việt Nam đã chứng kiến những bước đi chập chững đầu tiên của loài người, từng trải qua thời kỳ nguyên thủy.

2. **Hình thành kiến thức mới.**

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
HOẠT ĐỘNG I: Tìm hiểu dấu tích của người tối cổ ở Việt Nam. (Cá nhân) GV? Vậy có bằng chứng gì để chứng minh Việt Nam đã từng trải qua thời kỳ nguyên thủy?	1. Dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam

HS theo dõi SGK phần 1 để trả lời câu hỏi.
GV nhận xét, bổ sung và kết luận.

HOẠT ĐỘNG I I: Tìm hiểu về chủ nhân văn hóa Sơn Vi và văn hóa Hòa Bình- Bắc Sơn

Bước 1: (cá nhân- nhóm)

GV giải thích khái niệm văn hóa Ngườm-Sơn Vi và văn hóa Hòa Bình- Bắc Sơn.

GV chia HS làm 2 nhóm để thảo luận 2 vấn đề

Nhóm 1: Chủ nhân văn hóa Ngườm- Sơn Vi cư trú ở những địa bàn nào? Họ sinh sống ra sao (QHXX, CCLĐ, FTSX)?

Nhóm 2: Chủ nhân văn hóa Hòa Bình- Bắc Sơn cư trú ở những địa bàn nào? Họ sinh sống ra sao (QHXX, CCLĐ, FTSX)?

HS thảo luận trong 4 phút. Đại diện các nhóm trình bày. HS khác bổ sung.

GV bổ sung, kết luận.

GV? Nhận xét về đời sống vật chất của cư dân HB-BS ?

HS suy nghĩ trả lời

GV nhận xét, kết luận: Như vậy đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Hòa Bình, Bắc Sơn được nâng cao.

Bước 2: cá nhân- cặp đôi

- GV thông báo kiến thức: Cách ngày nay 6000 - 5000 năm (TCN), kỹ thuật chế tạo công cụ có bước phát triển mang tính đột phá, lịch sử thường gọi là cuộc "Cách mạng đá mới".

- GV? Những tiến bộ trong việc chế tạo công cụ và trong đời sống của cư dân?

- HS theo dõi SGK, thảo luận cặp đôi để trả lời

- GV bổ sung, kết luận những biểu hiện tiến bộ.

HOẠT ĐỘNG I II

GV yêu cầu HS nắm các mốc thời gian và điểm chính của 3 nền văn hóa: Phùng Nguyên, Sa Huỳnh. Đồng Nai.

- Thời gian: cách đây 30 - 40 vạn năm
- Công cụ: đá ghè đẽo thô
- Địa bàn: ở Thanh Hóa, Đồng Nai, Bình Phước...
- QHXX: bầy đàn
- FTSX: săn bắt thú rừng và hái lượm hoa quả.

2. Sự hình thành và phát triển của Công xã thị tộc

a. Văn hóa Ngườm- Sơn Vi:

- Thời gian: Cách đây 2 vạn năm.
- Chủ nhân văn hóa Sơn Vi sống trong mái đá, hang động, ven bờ sông, suối
- Địa bàn : rộng từ Sơn La đến Quảng Trị.

- QHXX: thị tộc

- CCLĐ: công cụ ghè đẽo,

- FTSX: săn bắt, hái lượm.

b. Văn hóa Hòa Bình- Bắc Sơn

- Thời gian: Cách đây khoảng 12.000 năm đến 6000 năm

- QHXS: thị tộc, bộ lạc.

- FTSX: săn bắt, hái lượm còn biết trồng trọt: rau, củ, cây ăn quả.

- CCLĐ: Bước đầu biết mài lưỡi rìu, làm một số công cụ khác bằng xương, tre, gỗ, bắt đầu biết nặn đồ gốm.

□ Đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao.

c. Cách mạng đá mới

- Thời gian: Cách ngày nay 6000 - 5000 năm TCN, kỹ thuật chế tạo công cụ có bước phát triển mới gọi là cuộc "Cách mạng đá mới".

- Biểu hiện tiến bộ, phát triển:

+ Sử dụng kỹ thuật của khoan đá, làm gốm bằng bàn xoay.

+ Biết trồng lúa, dùng cuốc đá. Biết trao đổi sản phẩm giữa các thị tộc, bộ lạc.

□ Đời sống cư dân ổn định và được cải thiện hơn, địa bàn cư trú càng mở rộng.

4. Sự ra đời của thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước

- Thời gian: Cách ngày nay khoảng

	<p>4000 - 3000 năm .</p> <p>Các bộ lạc Phùng Nguyên cư trú ở lưu vực S.Mã, Chủ nhân văn hóa Sa Huỳnh cư trú ở Nam Trung Bộ Cư dân văn hóa Đồng Nai cư trú ở TP. HCM, Đôn</p>
--	--

3. Hoạt động luyện tập: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- Các giai đoạn phát triển của thời kỳ nguyên thủy ở Việt Nam?
- Sự ra đời của thuật luyện kim và ý nghĩa của nó?

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng: GV cho HS làm các bài tập trắc nghiệm để củng cố và mở rộng kiến thức cho HS.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- HS học thuộc bài, trả lời các câu hỏi và bài tập trong SGK, đọc trước bài mới.
- Chuẩn bị Bài

14. Năm:

- + Tìm hiểu quốc gia Văn Lang – Âu lạc về kinh tế vật chất, chính trị xã hội, đời sống văn hóa tinh thần
 - + Tìm hiểu quốc gia Chăm pa về kinh tế vật chất, chính trị xã hội, đời sống văn hóa tinh thần
 - + Tìm hiểu quốc gia Phù nam về kinh tế vật chất, chính trị xã hội, đời sống văn hóa tinh thần
- Tìm hiểu các sự tích về quốc gia Văn Lang- Âu Lạc

BÀI 14. CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức:

HS nắm và trình bày được đặc điểm chính về kinh tế vật chất, chính trị xã hội, đời sống văn hóa tinh thần của các quốc gia cổ đại: Văn Lang- Âu Lạc, Phù Nam cổ và ChămPa cổ. Nhận xét về đời sống kinh tế- văn hóa của cư dân VL- Âu Lạc. Rút ra được bài học kinh nghiệm về giữ nước ngày nay.

2. Về tư tưởng: Bồi dưỡng tinh thần lao động sáng tạo, ý thức về cội nguồn dân tộc, lòng yêu quê hương đất nước và ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Về kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát, so sánh các hình ảnh để rút ra nhận xét. Bước đầu rèn luyện kỹ năng xem xét các sự kiện lịch sử trong mối quan hệ giữa không gian, thời gian và xã hội.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện

- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh và tư liệu liên quan đến bài học, lược đồ....

2. Học sinh: Chuẩn bị bài trước ở nhà, tranh ảnh liên quan đến văn hóa Văn Lang Âu Lạc, văn hóa ChămPa và Phù Nam.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét....sử dụng CNTT.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV đặt câu hỏi: Em biết gì về quốc gia Văn Lang- Âu Lạc? Hãy kể tên các sự tích nói về nhà nước Văn Lang- Âu Lạc mà em biết? HS thảo luận cặp đôi và trả lời. GV nhận xét.

c. Dự kiến sản phẩm: Vào cuối thời nguyên thủy các bộ lạc trên đất nước ta đều bước vào thời sơ kì đồng thau, biết đến thuật luyện kim và nghề nông nghiệp trồng lúa nước. Sự ra đời của thuật luyện kim và nghề trồng lúa nước đã tạo tiền đề cho sự chuyển biến của xã hội nguyên thủy sang thời đại mới - thời đại có giai cấp Nhà nước hình thành các quốc gia Cổ đại trên đất nước Việt Nam. Thông qua các sự tích các em đã biết đôi nét về các quốc gia này. Tuy nhiên, để hiểu được sự hình thành, cơ cấu tổ chức Nhà nước, đời sống văn hóa, xã hội của các quốc gia trên đất nước ta, chúng ta cùng tìm hiểu bài 14.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu về quốc gia Văn Lang – Âu Lạc Bước 1: cá nhân - Trước hết GV dẫn dắt: Văn Lang là quốc gia	1. Quốc gia Văn Lang - Âu Lạc a.Cơ sở hình thành Nhà nước. - Kinh tế: Đầu thiên niên kỷ I TCN cư dân văn

<p>cổ nhất trên đất nước Việt Nam. Các em đã được biết đến nhiều truyền thuyết về nhà nước Văn Lang như: Truyền thuyết Trăm trứng, Bánh chưng bánh dày... Còn về mặt khoa học, nhà nước Văn Lang được hình thành trên cơ sở nào?</p> <p>-GV? Cơ sở hình thành quốc gia Văn Lang- Âu Lạc?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung, kết luận. - GV sử dụng một số tranh ảnh trong SGK và những tranh ảnh sưu tầm được để chứng minh cho HS thấy nền nông nghiệp trồng lúa nước, cây dừa khá phát triển. Có ý nghĩa quan trọng định hình mối liên hệ thực tế hiện nay. - GV có thể minh họa cho SGK HS thấy sự phân hóa giàu nghèo qua kết quả khai quật mộ táng của các nhà khảo cổ. - GV giải thích về tổ chức làng, xóm để thấy được sự biến đổi về xã hội: Đa dạng, phức tạp hơn, liên hệ với thực tế hiện nay. - GV đặt vấn đề: Sự biến đổi, phát triển kinh tế, xã hội đó đặt ra những yêu cầu đòi hỏi gì? + Yêu cầu trị thủy để đảm bảo nền nông nghiệp ven sông. + Quản lý xã hội. + Chống các thế lực ngoại xâm để đáp ứng yêu cầu này nhà nước ra đời. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giảng giải về thời gian hình thành địa bàn, kinh đô nước Văn Lang. - GV giảng giải về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. Minh họa bằng sơ đồ: Bộ máy nhà nước: - GV phát vấn: Em có nhận xét gì về tổ chức bộ máy nhà nước và đơn vị hành chính thời Văn Lang - Âu Lạc? - HS quan sát sơ đồ suy nghĩ trả lời. - GV nhận xét, bổ sung kết luận: - GV yêu cầu HS đọc SGK để thấy được bước phát triển cao hơn của nhà nước Âu Lạc: - HS theo dõi SGK so sánh, trả lời. - GV bổ sung, kết luận: Nhà nước tuy cùng một thời kỳ lịch sử với nhà nước Văn Lang (Thời kỳ cổ đại) nhưng có bước phát triển cao hơn so với những biểu hiện: 	<p>hóa đã biết sử dụng công cụ đồng phổ biến và bắt đầu biết sử dụng công cụ sắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nông nghiệp dùng cày khá phát triển, kết hợp với săn bắn, chăn nuôi và đánh cá. + Có sự phân chia lao động giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp. <p>- Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự phân hóa giàu nghèo càng rõ rệt. + Công xã thị tộc tan vỡ, thay vào đó là công xã nông thôn và gia đình phụ hệ. <p>---> Sự chuyển biến kinh tế, xã hội đặt ra những yêu cầu mới: Trị thủy, quản lý xã hội, chống giặc ngoại xâm</p> <p>☐ Nhà nước ra đời đáp ứng những nhu cầu đó.</p> <p>* Quốc gia Văn Lang (VII - III TCN).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh đô: Bạch Hạc (Việt Trì - Phú Thọ). - Tổ chức nhà nước: + Đứng đầu nhà nước là vua Hùng, vua Thục. + Giúp việc có các Lạc hầu, Lạc tướng. Cả nước chia làm 15 bộ do Lạc tướng đứng đầu. + Ở các làng xã đứng đầu là Bô chính. ☐ Tổ chức bộ máy Nhà nước còn đơn giản, sơ khai. <p>* Quốc gia Âu Lạc: (III - II TCN).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh đô: Cổ Loa (Đông Anh - Hà Nội). - Lãnh thổ mở rộng hơn, tổ chức bộ máy Nhà nước chặt chẽ hơn. - Có quân đội mạnh, vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố, vững chắc. ☐ Nhà nước Âu Lạc có bước phát triển cao hơn nhà nước Văn Lang. <p>b. Đời sống vật chất - tinh thần của người Việt Cổ.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đời sống vật chất:
--	---

- GV sử dụng tranh ảnh trong SGK và tư liệu về thành Cổ Loa, mũi tên đồng để minh họa cho bước phát triển cao hơn của nước Âu Lạc.

Bước 3: Cá nhân

- GV? Trình bày đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Cổ?

- HS theo dõi SGK, suy nghĩ trả lời. HS khác nghe, bổ sung, kết luận.

- HS theo dõi SGK tự ghi nhớ.

- GV ? Em có nhận xét gì về đời sống vật chất tinh thần của người Việt cổ?

- HS suy nghĩ trả lời nhận xét của mình.

- GV nhận xét, bổ sung, kết luận về đời sống của người Việt cổ khá phong phú, đa dạng, giản dị, chất phát, nguyên sơ, hòa nhập với thiên nhiên.

GV yêu cầu HS lấy những ví dụ về truyền thống văn hóa Việt Nam còn lưu truyền từ thời VL-AL.

GV nhận xét cho HS xem những hình ảnh minh họa.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các nội dung cơ bản của quốc gia cổ Chăm-pa.

- GV dụng lược đồ Giao Châu và Chăm-pa thế kỷ VI đến X để xác định địa bàn Chăm-pa: Được hình thành trên cơ sở văn hóa Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) gồm khu vực đồng bằng ven biển miền Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

- HS theo dõi và ghi chép địa bàn và sự hình thành Nhà nước Chăm-pa.

- GV xác định trên lược đồ vị trí Kinh đô Chăm-pa.

- GV chia lớp thành 3 nhóm yêu cầu các nhóm theo dõi SGK, thảo luận trả lời câu hỏi của từng nhóm.

+ Nhóm 1: Tình hình kinh tế của Chăm pa từ thế kỷ II – X?

+ Nhóm 2: Tình hình chính trị - xã hội.

+ Nhóm 3: Tình hình văn hóa.

- HS theo dõi SGK, thảo luận theo nhóm trong thời gian 3 phút, cử đại diện trả lời.

- GV nhận xét bổ sung câu trả lời của từng nhóm, cuối cùng kết luận.

- HS theo dõi, ghi nhớ.

- GV minh họa kỹ thuật xây tháp của người Chăm pa bằng một số tranh ảnh sưu tầm được

- Ăn: gạo tẻ, gạo nếp, thịt cá, rau củ.

- Mặc: Nữ mặc áo, váy, nam đóng khố.

- Ở: Nhà sàn.

+ Đời sống tinh thần:

- Sùng bái thần linh, thờ cúng tổ tiên.

- Tổ chức cưới xin, ma chay, lễ hội.

- Có tập quán nhuộm răng đen, ăn trầu, xăm mình, dùng đồ trang sức.

□ Đời sống vật chất tinh thần của Người Việt cổ khá phong phú, hòa nhập với tự nhiên.

2. Quốc gia cổ Chăm-pa

- Địa bàn: khu vực miền Trung và Nam Trung Bộ ngày nay.

- Kinh đô: Lúc đầu Trà Kiệu - Quảng Nam sau đó dời đến Đồng Dương - Quảng Nam, cuối cùng chuyển đến Trà Bàn - Bình Định.

- Tình hình Chăm-pa từ thế kỷ II đến X.

+ Kinh tế:

- Hoạt động chủ yếu là trồng lúa nước.

- Sử dụng công cụ sắt và sức kéo trâu bò.

- Thủ công: Dệt, làm đồ trang sức, vũ khí, đóng gạch và xây dựng, kỹ thuật xây tháp đạt trình độ cao.

+ Chính trị - Xã hội:

- Theo chế độ quân chủ chuyên chế.

- Chia nước làm 4 châu, dưới châu có huyện, làng.

- Xã hội gồm các tầng lớp: Quý tộc, nông dân tự do, nô lệ.

+ Văn hóa:

- Thế kỷ IV có chữ viết từ chữ Phạn (Ấn Độ).

- Theo Balamôn giáo và Phật giáo.

- Ở nhà sàn, ăn trầu, hỏa táng người chết.

<p>nghư khu di tích Mĩ Sơn, tháp Chăm, tượng Chăm...</p> <p>- GV nhấn mạnh văn hóa Chăm pa chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Ấn Độ.</p> <p>Hoạt động 3: Tìm hiểu quốc gia cổ Phù Nam</p> <p>- GV thuyết trình kết hợp sử dụng lược đồ giúp HS nắm được những kiến thức cơ bản về thời gian ra đời phạm vi lãnh thổ thành phần dân cư Phù Nam.</p> <p>- HS nghe, ghi nhớ.</p> <p>GV? Trình bày tình hình kinh tế, văn hóa xã hội của quốc gia cổ Phù Nam.</p> <p>HS nghiên SGK, suy nghĩ trả lời. GV nhận xét, bổ sung, kết luận</p>	<p>3. Quốc gia cổ Phù Nam</p> <p>- Địa bàn: thuộc châu thổ đồng bằng sông Cửu Long hình thành quốc gia cổ Phù Nam (thế kỷ I), phát triển thịnh vượng (III - V) đến cuối thế kỷ VI suy yếu bị Chân Lạp thôn tính.</p> <p>- Tình hình Phù Nam:</p> <p>+ Kinh tế: Sản xuất nông nghiệp kết hợp với thủ công, đánh cá, buôn bán.</p> <p>+ Văn hóa: Ở nhà sàn, theo Phật giáo và Bàlamôn giáo, nghệ thuật ca, múa nhạc phát triển.</p> <p>+ Xã hội gồm: Quý tộc, bình dân, nô lệ.</p>
---	---

3. Hoạt động luyện tập: - GV dùng lược đồ củng cố quá trình hình thành các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam: Địa bàn, thời gian hình thành, thành phần cư dân?

GV cho HS làm các bài tập trắc nghiệm

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng: - Những điểm giống và khác nhau trong đời sống của cư dân Văn Lang - Âu Lạc, Chămpa, Phù Nam?

Sự tích Mị Châu – Trọng Thủy cho chúng ta bài học gì trong công cuộc bảo vệ đất nước hiện nay?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Học thuộc bài, làm bài tập ở sách bài tập.

Chuẩn bị bài mới: Thời Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc thế kỉ II TCN - X

+ Tìm hiểu chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc.

+ Những chuyển biến về kinh tế, văn hóa và xã hội nước ta.

Tiết thứ 21

Ngày soạn: / /2019

**BÀI 15. THỜI BẮC THUỘC VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC
(TỪ THẾ KỶ I ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ X)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

HS nắm và trình bày được những nội dung cơ bản chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc ở nước ta và những chuyển biến kinh tế, văn hóa, xã hội nước ta trong thời Bắc thuộc. Nhận xét được các chính sách của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta thời kỳ này.

2. Về tư tưởng: Giáo dục tinh thần đấu tranh bền bỉ chống đồng hóa giành độc lập dân tộc của nhân dân ta.

3. Về kĩ năng: Bồi dưỡng kĩ năng trình bày, phân tích và liên hệ giữa nguyên nhân và kết quả, chính trị với kinh tế, văn hóa, xã hội.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện

- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh và tư liệu liên quan đến bài học, lược đồ....

2. Học sinh: Chuẩn bị bài trước ở nhà

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV hỏi HS: Sự tích Mị Châu- Trọng Thủy cho các em biết những điều gì? HS trả lời. GV nhận xét và dẫn dắt bài mới

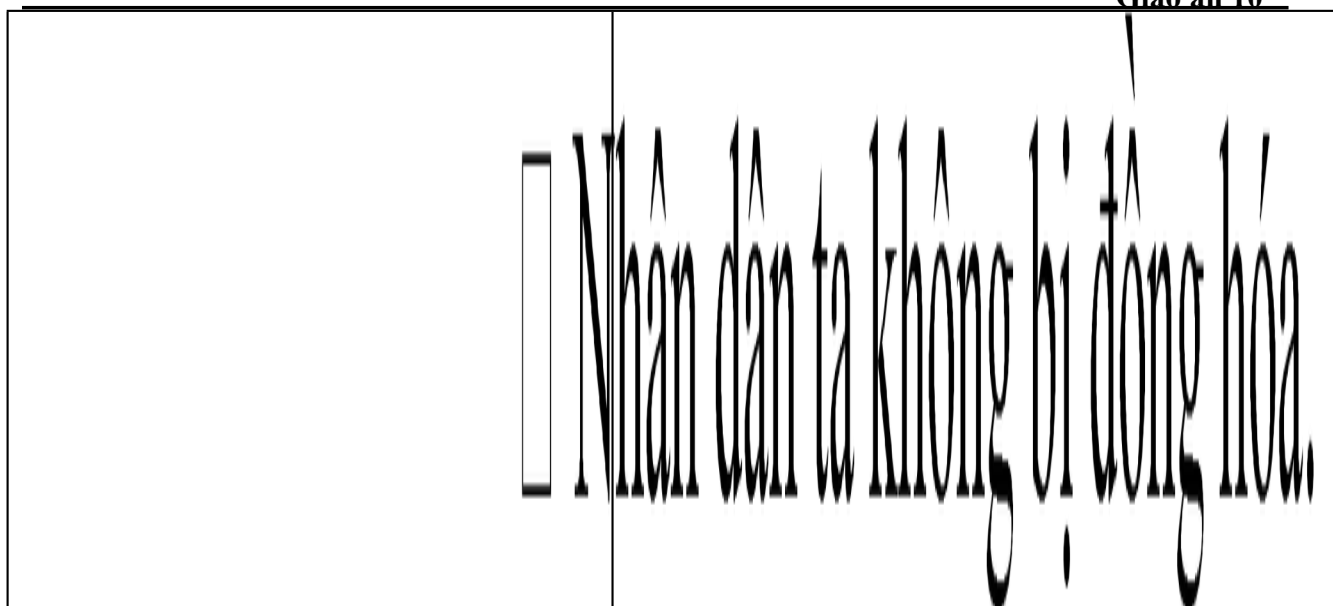
c. Dự kiến sản phẩm:

Sự tích Mị Châu – Trọng Thủy cho chúng ta biết về nhà nước Âu Lạc. Kế đô hèn của Triệu Đà để hoàn thành xâm chiếm nhà nước của An Dương Vương. Từ sau khi nước Âu Lạc bị Triệu Đà xâm chiếm 179 TCN cho đến đầu thế kỷ X nước ta bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ. Lịch sử thường gọi đó là thời kỳ Bắc thuộc. Để thấy được chế độ cai trị tàn bạo, âm mưu thâm độc của phong kiến phương Bắc đối với dân tộc ta và những chuyển biến về kinh tế, văn hóa xã hội ở nước ta thời Bắc thuộc, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài 15.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
	I. CHẾ ĐỘ CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM

<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu về chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc ở nước ta. Bước 1: cá nhân GV : Năm 179 TCN Triệu Đà xâm lược Âu Lạc, từ đó nước ta lần lượt bị các triều đại phong kiến Trung Quốc đô hộ. GV? Các triều đại phong kiến phương Bắc chia Âu Lạc cũ thành quận, huyện nhằm mục đích gì? HS suy nghĩ trả lời. GV bổ sung, kết luận về âm mưu thâm độc của chính quyền phương Bắc. Bước 2: nhóm nhỏ GV chia HS làm thành các nhóm nhỏ(2 HS ngồi cạnh nhau= 1 nhóm). GV? Trình bày chính sách bóc lột về kinh tế và đồng hóa về văn hóa của các triều đại pk Phương Bắc? Nhận xét? HS theo dõi SGK, thảo luận theo nhóm nhỏ trả lời câu hỏi. GV có thể minh họa bằng tư liệu GV có thể gợi cho HS nhớ lại những kiến thức đã học về Nho giáo. Giáo lý Nho giáo thành công cụ để thống trị nhân dân.Chính quyền đô hộ phương Bắc truyền bá Nho giáo vào nước ta cũng không nằm ngoài mục đích đó.</p> <p>Hoạt động 2 : Theo nhóm GV chia cả lớp làm thành 2 nhóm để thảo luận và đặt yêu cầu cho các nhóm - Nhóm 1: Em có nhận xét gì về tình hình kinh tế nước ta thời Bắc thuộc? - Nhóm 2: Tình hình văn hóa- xã hội nước ta thời Bắc thuộc? HS suy nghĩ, thảo luận trong 4 phút, so sánh và trả lời. HS nhóm khác nghe,bổ sung. GV nhận xét, chốt ý.</p>	<p>1. Chế độ cai trị a. Tổ chức bộ máy cai trị - Nhà Triệu, Hán, Tùy, Đường đều chia nước ta thành các quận, huyện cử quan lại cai trị đến cấp huyện. - Mục đích của phong kiến phương Bắc là sáp nhập đất nước Âu Lạc cũ vào bản đồ Trung Quốc.</p> <p>b. Chính sách bóc lột về kinh tế và đồng hóa về văn hóa * Kinh tế: + Thực hiện chính sách bóc lột, cống nạp nặng nề. + Nắm độc quyền muối và sắt. + Quan lại đô hộ bạo ngược tham ô ra sức bóc lột dân chúng để làm giàu. * Chính sách đồng hóa về văn hóa. + Truyền bá Nho giáo, mở lớp dạy chữ nho. + Bắt nhân dân ta phải thay đổi phong tục, tập quán theo người Hán. + Đưa người Hán vào sinh sống cùng người Việt. ☐ Nhằm mục đích thực hiện âm mưu đồng hóa dân tộc Việt Nam. - Chính quyền đô hộ còn áp dụng luật pháp hà khắc và thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.</p> <p>2. Những chuyển biến xã hội a. Về kinh tế - Trong nông nghiệp: + Công cụ sắt được sử dụng phổ biến. + Công cuộc khai hoang được đẩy mạnh. + Thủy lợi được mở mang. ☐ Năng suất lúa tăng hơn trước. - Thủ công nghiệp, thương mại có sự chuyển biến đáng kể. + Nghề cũ phát triển hơn: Rèn sắt, khai thác vàng bạc làm đồ trang sức. + Một số nghề mới xuất hiện như làm giấy, làm thủy tinh. + Đường giao thông thủy bộ giữa các quận, vùng hình thành.</p> <p>b. Về văn hóa - xã hội</p>
---	--



3. Hoạt động luyện tập: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- Chính sách đô hộ của chính quyền phương Bắc: Mục đích, kết quả?
- Sự biến đổi về kinh tế văn hóa, xã hội ở nước ta thời Bắc thuộc?

4. củng cố và mở rộng: Đã thực hiện trong quá trình lên lớp

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- HS trả bài, trả lời câu hỏi trong SGK trang 73.
- Chuẩn bị bài mới: Thời bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập...(tt)
- + Tìm hiểu nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của các cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu
- + Tìm hiểu nghệ thuật quân sự của Ngô Quyền
- + Tìm hiểu về Hai Bà Trưng, Lí Bí, Khúc Thừa Dụ, Ngô Quyền.

BÀI 16. THỜI BẮC THUỘC VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- HS nắm được tính liên tục rộng lớn, quần chúng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta trong các thế kỷ I - IX.
- Nắm và trình bày được những nét chính về diễn biến, kết quả, ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Hai Bà Trưng, Lý Bí, chiến thắng Bạch Đằng (938). Nhận xét được quá trình đấu tranh chống ngoại xâm trong suốt thời kỳ Bắc thuộc của nhân dân ta.

2. Về tư tưởng

- Giáo dục lòng căm thù quân xâm lược và đô hộ.
- Giáo dục lòng biết ơn các vị anh hùng dân tộc, tự hào về những chiến thắng oanh liệt của dân tộc.

3. Về kĩ năng: Rèn kĩ năng hệ thống hóa kiến thức, lập bảng thống kê, sử dụng lược đồ để trình bày diễn biến.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

....

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh và tài liệu tham khảo liên quan đến bài học.

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, phân tích lược đồ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV quan sát bức tranh về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và hỏi: Em biết gì về cuộc khởi nghĩa này. HS suy nghĩ trả lời. Gv nhận xét và dẫn dắt bài học.

c. Dự kiến sản phẩm:

Trải qua nhiều thế kỷ bị phong kiến phương Bắc đô hộ từ 179 TCN đến 938 nhân dân ta không ngừng nổi dậy đấu tranh giành độc lập. Để hiểu được tính liên tục, rộng lớn tính chất quần chúng trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trong thời kỳ Bắc thuộc, chúng ta sẽ tìm hiểu bài 16.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Hoạt động 1: Tìm hiểu khái quát phong trào đấu tranh từ thế kỷ I đến đầu	II. CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (THẾ KỶ I - ĐẦU THẾ KỶ X) 1. Khái quát phong trào đấu tranh từ thế kỷ I đến đầu thế kỷ X.

thể kỷ X (Cá nhân). - GV sử dụng bảng thống kê các cuộc đấu tranh tiêu biểu chuẩn bị theo mẫu.		
Thời gian	Tên cuộc khởi nghĩa	Địa bàn
40 100, 137, 144 157 178, 190 248 542 687 722 776- 791 819- 820 905 938	KN Hai Bà Trưng KN của ND Nhật Nam KN của ND Cửu Chân KN của ND Giao Chỉ KN Bà Triệu KN Lý Bí KN Lý Tự Tiên KN Mai Thúc Loan KN Phùng Hưng KN Dương Thanh KN Khúc Thừa Dụ KN Ngô	Hát Môn Quận Nhật Nam Quận Cửu Chân Quận Giao Chỉ
<p>Sau đó GV yêu cầu HS đưa ra nhận xét về các cuộc đấu tranh của nhân dân ta thời Bắc thuộc. GV có thể gợi ý để HS có nhận xét, trả lời... GV nhận xét, bổ sung, kết luận?</p> <p>*Hoạt động 2: Nhóm - cá nhân GV chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu các nhóm theo dõi sách giáo khoa. Mỗi nhóm theo dõi một cuộc khởi nghĩa theo nội dung. + Thời gian bùng nổ khởi nghĩa. + Chống kẻ thù nào (Triều đại đô hộ nào). + Địa bàn của cuộc khởi nghĩa. + Diễn biến chính quyền khởi nghĩa. + Kết quả, ý nghĩa. GV phân công cụ thể: + Nhóm 1: KN Hai Bà Trưng. + Nhóm 2: KN Lý Bí + Nhóm 3: KN Khúc Thừa Dụ + Nhóm 4: Chiến thắng Bạch Đằng 938 - HS theo dõi sách giáo khoa; thảo luận theo nhóm, cử đại biểu ghi nội dung tóm tắt cuộc khởi nghĩa vào giấy sau đó trình bày trước lớp. Từng cá nhân nghe và ghi</p>		
<p>- Trong suốt 100 năm Bắc thuộc, dân Âu Lạc liên tiếp vùng dậy đấu tranh giành độc lập dân tộc. - Các cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tiếp, rộng lớn, nhiều cuộc khởi nghĩa có nhân dân cả ba quận tham gia. - Kết quả: Nhiều cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi lập được chính quyền tự chủ (Hai Bà Trưng, Lý Bí, Khúc Thừa Dụ). - Ý nghĩa: Thể hiện tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm, ý chí tự chủ và tinh thần dân tộc của nhân dân Âu Lạc.</p> <p>2. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu</p>		

nhớ.

- GV nhận xét phần trình bày của hai nhóm sau đó sử dụng từng bảng thống kê chi tiết về các cuộc khởi nghĩa tiêu bi

Cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Kẻ thù	Địa bàn	Tóm tắt diễn biến	Ý nghĩa
Hai Bà Trưng	3. 40	Nhà Đông Hán	Hát Môn Mê Linh, Cổ Loa, Luy Lâu	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 3 - 40 Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng chiếm được Cổ Loa buộc thái thú Tô Định trốn về TQ. KN thắng lợi, Trưng Trắc lên làm vua xây dựng chính quyền tự chủ. - Năm 42 Nhà Hán đưa hai vạn quân sang xâm lược. Hai Bà Trưng tổ chức kháng chiến anh dũng nhưng do chênh lệch về lực lượng, kháng chiến thất bại Hai Bà Trưng hi sinh. 	
Lý Bí	542	Nhà Lương	Long Biên Tô Lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 542 Lý Bí liên kết các châu thuộc miền Bắc khởi nghĩa. Lật đổ chế độ đô hộ. - Năm 544 Lý Bí lên ngôi lập nước Vạn Xuân. - Năm 542 nhà Lương đem quân xâm lược, Lý Bí trao binh quyền cho Triệu Quang Phục tổ chức kháng chiến □ năm 550 thắng lợi. Triệu Quang Phục lên ngôi vua. - Năm 571 Lý Phật Tử cướp ngôi. - Năm 603 nhà Tùy xâm lược, nước Vạn Xuân thất bại. 	
Khúc Thừa Dụ	905	Đường	Tổng Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 905 Khúc Thừa Dụ được nhân dân ủng hộ đánh chiếm Tổng Bình, giành quyền tự chủ (giành chức Tiết độ sứ). - Năm 907 Khúc Hạo xây dựng chính quyền độc lập tự chủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lật đổ ách đô hộ của nhà Đường. giành độc lập tự chủ. - Đánh dấu thắng lợi căn bản trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta thời Bắc thuộc.
Ngô	938	Nam	Sông	- Năm 938 quân Nhà Hán xâm	- Bảo vệ vững chắc nền độc lập

Quyền		Hán	Bạch Đằng	lược nước ta, Ngô Quyền lãnh đạo nhân dân giết chết tên phản tặc Kiều Công Tiễn (cầu viện Nam Hán) và tổ chức đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, đập tan âm mưu xâm lược của nhà Nam Hán.	tự chủ của đất nước. - Mở ra một thời đại mới thời đại độc lập tự chủ lâu dài cho dân tộc. - Kết thúc vĩnh viễn 1 nghìn năm đô hộ của phong kiến phương Bắc.
-------	--	-----	-----------	---	--

3. Luyện tập: GV nhấn mạnh các nội dung

- Tính liên tục và rộng lớn của phong trào đấu tranh chống Bắc thuộc.
- Đóng góp của Hai Bà Trưng, Lý Bí, Triệu Quang Phục, Ngô Quyền trong cuộc đấu tranh giành độc lập thời Bắc thuộc.

GV cho HS làm các bài tập trắc nghiệm

4. Vận dụng và mở rộng: GV cho HS làm các bài tập trắc nghiệm để vận dụng

V. Hướng dẫn hs tự học.

- Học bài, trả lời câu hỏi trong SGK trang 77 sưu tầm tư liệu lịch sử, tranh ảnh đền thờ... các vị anh hùng đấu tranh chống ách áp bức đô hộ của phương Bắc.
- Tự hoàn thiện bản thống kê kiến thức về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 17. Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến (từ thế kỷ X đến thế kỷ XV)

Nắm: Sự hình thành nhà nước phong kiến Việt Nam. Cơ cấu bộ máy nhà nước qua các triều đại

Tiết thứ 23

Ngày soạn: / /2019

CHƯƠNG II. VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN THẾ KỶ XV
BÀI 17. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC
PHONG KIẾN (TỪ THẾ KỶ X ĐẾN THẾ KỶ XVIII)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Giúp HS nắm, trình bày và hiểu được:

- Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước phong kiến Việt Nam diễn ra trong một thời gian lâu dài trên một lãnh thổ thống nhất.
- Nhà nước phong kiến Việt Nam được tổ chức theo chế độ quân chủ trung ương lập quyền, có pháp luật, quân đội và có chính sách đối nội đối ngoại đầy đủ tự chủ và độc lập.
- Trên bước đường phát triển, mặc dù tính giai cấp ngày càng gia tăng, nhà nước phong kiến Việt Nam vẫn giữ được mối quan hệ gần gũi với nhân dân.
- Sự sụp đổ của triều đình nhà Lê đã dẫn đến sự phát triển của các thế lực phong kiến.
- Nhà Mạc ra đời và tồn tại hơn nửa thế kỷ đã góp phần ổn định xã hội trong một thời gian.
- Chiến tranh phong kiến diễn ra trong bối cảnh xã hội Việt Nam thế kỷ XVI - XVIII đã dẫn đến sự chia cắt đất nước.

2. Về tư tưởng tình cảm

- Bồi dưỡng ý thức độc lập dân tộc, bảo vệ sự thống nhất nước nhà.
- Bồi dưỡng niềm tự hào dân tộc.

3. Về kĩ năng

Rèn luyện cho HS kĩ năng phân tích, tổng hợp vấn đề. Khả năng nhận xét về tính giai cấp trong xã hội.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. **Giáo viên:** Giáo án, tranh ảnh và tài liệu tham khảo liên quan đến bài học.

2. **Học sinh:** - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Suy tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, phân tích lược đồ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Tạo tình huống

a. **Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, đặt ra nhiệm vụ nhận thức cho hs.

b. **Phương thức:** Gv yêu cầu hs kể tên các triều đại phong kiến Việt Nam mà các em biết. Hs suy nghĩ trả lời.

c. **Dự kiến sản phẩm:** Hs kể được một số triều đại dựa vào hiểu biết.

Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài mới: Thế kỷ X đã mở đầu thời đại phong kiến độc lập của dân tộc Việt Nam từ thế kỷ X đến XV trên cơ sở một lãnh thổ thống nhất nhà nước quân chủ chuyên chế phong kiến được thành lập và từng bước phát triển, hoàn thiện đạt đến đỉnh cao. Để hiểu được quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến Việt Nam, chúng ta cùng tìm hiểu bài 17.

2. Hình thành kiến thức mới:

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu sự xác lập của chế độ phong kiến nước ta (Cá nhân). Bước 1: Trước hết GV nhắc lại ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng 938 mở ra một thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài cho dân tộc. năm 939 Ngô Quyền xưng vương. GV: Việc Ngô Quyền xưng vương xây dựng một chính quyền mới có ý nghĩa gì? Hs trả lời. GV có thể minh họa bằng sơ đồ đơn giản. Bước 2: GV: Em có nhận xét gì về tổ chức nhà nước thời Đinh, tiền Lê? HS suy nghĩ và trả lời. GV nhận xét, kết luận.</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu quá trình phát triển và hoàn chỉnh nhà nước phong kiến (Lớp và cá nhân) Bước 1: - Trước hết GV khái quát để HS thấy được sự thay đổi các triều đại, từ Lý sang Trần, từ Trần sang Hồ để thấy được thứ tự các triều đại phong kiến Việt Nam. HS nghe và ghi nhớ.</p>	<p>I. BƯỚC ĐẦU TIÊN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC ĐỘC LẬP THẾ KỶ X - Năm 939 Ngô Quyền xưng vương, thành lập chính quyền mới, đóng đô ở Đông Anh Hà Nội. ☐ Mở đầu xây dựng nhà nước độc lập tự chủ. - Năm 968 sau khi dẹp loạn 12 sứ quân Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Chuyển kinh đô về Hoa Lư, Ninh Bình. - Tổ chức bộ máy nhà nước: Thời Đinh, tiền Lê chính quyền trung ương có 3 ban: Ban văn; Ban võ; Tăng ban. + Về hành chính chia nước thành 10 đạo. + Tổ chức quân đội theo chế độ ngụ binh ngụ nông. ---> Trong thế kỷ X nhà nước độc lập tự chủ treo thiết chế quân chủ chuyên chế đã được. Còn sơ khai, song đã là nhà nước độc lập tự chủ của nhân dân ta.</p> <p>II. PHÁT TRIỂN VÀ HOÀN CHỈNH NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN Ở ĐẦU THẾ KỶ XI □ XVIII 1. Tổ chức bộ máy nhà nước - Năm 1010, Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (thủ đô Hà Nội nay). - Năm 1045, Lý Thánh Tông đặt quốc hiệu là Đại Việt. ☐ Mở ra một thời kỳ phát triển mới của dân</p>

<p>GV yêu cầu HS đọc SGK để thấy được cách thức tổ chức bộ máy chính quyền trung ương thời Lý □ Trần □ Hồ được tổ chức như thế nào.</p> <p>HS theo dõi SGK trả lời câu hỏi.</p> <p>GV nghe HS trả lời, bổ sung kết luận kết hợp với sơ đồ đơn giản lên bảng.</p> <p>HS theo dõi, vẽ sơ đồ vào vở.</p> <p>Bước 3:</p> <p>GV: Em có nhận xét gì về tổ chức bộ máy tổ chức thời Lý- Trần- Hồ?</p> <p>HS suy nghĩ, so sánh, trả lời.</p> <p>- GV bổ sung, kết luận. Bước 4:</p> <p>GV: <i>yêu cầu HS đọc SGK để thấy được những chính sách cải cách của Lê Thánh Tông ở cả trung ương lẫn địa phương.</i></p> <p>HS theo dõi SGK phát biểu.</p> <p>GV bổ sung kết luận, kết hợp với sơ đồ đơn giản trên bảng.</p> <p>Bước 5:</p> <p>GV: Tại sao thế kỷ XVI nhà Lê sơ suy yếu? Biểu hiện của sự suy yếu đó?</p> <p>HS theo dõi SGK trả lời.</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, kết luận về biểu hiện suy yếu nhà Lê sơ.</p> <p>GV kể về nhân vật Mạc Đăng Dung (1483-1541).</p> <p>Bước 6:</p> <p>GV: Sau khi nhà Mạc lên cầm quyền đã thi hành chính sách gì?</p> <p>HS theo dõi SGK trả lời.</p> <p>GV bổ sung, kết luận về tác dụng của những chính sách của nhà Mạc.</p>	<p>tộc.</p> <p>* Bộ máy nhà nước Lý- Trần- Hồ.</p> <p>Bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế được cải tiến hoàn chỉnh hơn.</p> <p>* Bộ máy nhà nước thời Lê sơ</p> <p>- Năm 1428 sau khi chiến thắng nhà Minh Lê Lợi lên ngôi hoàng đế để lập nhà Lê (Lê sơ).</p> <p>- Những năm 60 của thế kỷ XV, Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách hành chính lớn.</p> <p>- Chính quyền trung ương: (Sơ đồ trên màn hình PP)</p> <p>- Chính quyền địa phương:</p> <p>+ Cả nước chia thành 13 đạo thừa tuyên mỗi đạo có 3 ti (Đô ti, thừa ti, hiến ti).</p> <p>+ Dưới đạo là: Phủ, Huyện, Châu, Xã.</p> <p>Dưới thời Lê bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế đạt mức độ cao, hoàn chỉnh.</p> <p>* Sự sụp đổ của nhà Lê. Nhà Mạc thành lập.</p> <p>- Đầu thế kỷ XVI nhà Lê sơ lâm vào khủng hoảng suy yếu.</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ Các thế lực phong kiến nổi dậy tranh chấp quyền lực - Mạnh nhất là thế lực Mạc Đăng Dung.</p> <p>+ Phong trào đấu tranh của nhân dân bùng nổ ở nhiều nơi.</p> <p>- Năm 1257 Mạc Đăng Dung phế truất vua Lê lập triều Mạc.</p> <p>- Chính sách của nhà Mạc:</p> <p>+ Nhà Mạc xây dựng chính quyền theo mô hình cũ của nhà Lê.</p> <p>+ Tổ chức thi cử đều đặn.</p> <p>+ Xây dựng quân đội mạnh.</p> <p>+ Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân .</p> <p>□ Những chính sách của nhà Mạc bước đầu đã ổn định lại đất nước.</p>
---	--

<p>Bước 7: GV chia lớp làm 2 nhóm thảo luận. Đặt vấn đề cho 2 nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Nguyên nhân của cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều? kết quả? - Nhóm 2: Nguyên nhân dẫn đến chiến tranh Trịnh - Nguyễn và hậu quả? <p>HS thảo luận theo nhóm nhỏ 2 trong thời gian 3 phút. Cử đại diện trình bày. HS theo dõi SGK trả lời. HS khác nghe, bổ sung. GV nhận xét bổ sung, kết luận.</p> <p>Hoạt động 3: Tìm hiểu luật pháp và quân đội GV giúp HS nắm được sự ra đời của các bộ luật thời phong kiến. HS nghe, ghi chép. GV yêu cầu HS đọc phần chữ nhỏ trong SGK trả lời câu hỏi trong SGK trang 80.</p> <p>Hoạt động 4: Tìm hiểu hoạt động đối nội và đối ngoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu cả lớp đọc SGK để thấy được chính sách đối nội, đối ngoại cơ bản của các triều đại phong kiến. - HS theo dõi SGK phát biểu những chính sách đối nội, đối ngoại của nhà nước. - GV nhận xét, bổ sung, kết luận. GV cụ thể hóa một số chính sách đối nội của nhà nước: Chăm lo đề điều, khuyến khích sản xuất nông nghiệp, gả con gái cho các tù trưởng miền núi. <p>3. Hoạt động luyện tập</p>	<p>* Chiến tranh Nam - Bắc triều</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cựu thần nhà Lê, đứng đầu là Nguyễn Kim đã quy tụ lực lượng chống Mạc "Phù Lê diệt Mạc" Thành lập chính quyền ở Thanh Hóa gọi là Nam triều, đối đầu với nhà Mạc ở Thăng Long - Bắc triều. - 1545 - 1592 chiến tranh Nam Bắc triều bùng nổ □ nhà Mạc bị lật đổ, đất nước thống nhất. <p>* Chiến tranh Trịnh - Nguyễn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ở Thanh Hóa: Nam Triều vẫn tồn tại nhưng quyền lực nằm trong tay họ Trịnh. + Ở mạn Nam: họ Nguyễn cát cứ xây dựng chính quyền riêng. + 1627 họ Trịnh đem quân đánh họ Nguyễn, chiến tranh Trịnh - Nguyễn bùng nổ. + Kết quả: 1672 hai bên giảng hòa, lấy sông Gianh làm giới tuyến □ đất nước bị chia cắt. <p>2. Luật pháp và quân đội</p> <p>* Luật pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1042 Vua Lý Thánh Tông ban hành Hình thư (bộ luật đầu tiên). - Thời Trần: Hình luật. - Thời Lê biên soạn một bộ luật đầy đủ gọi là Cuối chiều hình luật. □ Luật pháp nhằm bảo vệ quyền hành của giai cấp thống trị, an ninh đất nước và một số quyền lợi chân chính của nhân dân. <p>* Quân đội: được tổ chức quy cũ Gồm</p> <p>Cấm binh (bảo vệ kinh thành) và quân chính quy bảo vệ đất nước</p> <p>Ngoại binh: Tuyển theo chế độ ngụ binh ư nông</p> <p>3. Hoạt động đối nội và đối ngoại</p> <p>* Đối nội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến đời sống nhân dân. - Chú ý đoàn kết đến các dân tộc ít người. <p>* Đối ngoại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với nước lớn phương Bắc: + Quan hệ hòa hiếu. + Đồng thời sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tổ quốc. - Với: Chăm pa, Lào, Chân Lạp có lúc thân thiện, có lúc xảy ra chiến tranh.
---	---

GV hệ thống lại các giai đoạn hình thành, phong trào và hoàn thiện của bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế phong kiến Việt Nam.

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng

Gv yêu cầu hs lập bảng niên biểu về các triều đại phong kiến (thời gian, quốc hiệu, người sáng lập, kinh đô)

Sưu tầm tư liệu thơ văn, truyện về giai đoạn này.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

HS học bài và trả lời các câu hỏi trong SGK.

Chuẩn bị trước bài mới. Công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế trong các thế kỉ X- XVIII. Năm:

- Tình hình nông nghiệp
- Thủ công nghiệp
- Thương nghiệp
- So sánh sự phát triển kinh tế giữa hai thời kì.

Tiết thứ 24, 25

Ngày soạn: / /2019

BÀI 18. CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG CÁC THẾ KỶ X – XVIII

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: yêu cầu HS

- Trình bày được những nội dung chính của nền kinh tế Việt Nam thời phong kiến
- Phân tích và rút ra nhận xét, so sánh kinh tế nước ta qua các thời kỳ

2. Về tư tưởng, tình cảm

- Tự hào về những thành tựu kinh tế dân tộc đã đạt được.
- Thấy được sự hạn chế trong nền kinh tế phong kiến ngay trong giai đoạn phát triển của nó, từ đó liên hệ với thực tế hiện nay.

3. Về kĩ năng

- Rèn kĩ năng phân tích, nhận xét.
- Rèn kĩ năng liên hệ thực tế.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh và tài liệu tham khảo liên quan đến bài học.

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, phân tích lược đồ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Tạo tình huống

a. **Mục tiêu:** khơi dậy hứng thú học tập cho hs

b. **Phương thức:** Gv cho hs xem một số hình ảnh về kinh tế nước ta. Sau đó nêu câu hỏi nhận thức: Kinh tế nước ta có gì phát triển hơn so với thời Bắc thuộc, nguyên nhân?

c. **Dự kiến sản phẩm:** Hs suy nghĩ, gv dẫn: Từ thế kỷ X cho đến thế kỷ XVIII, cùng với quá trình xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước, nhân dân ta đã nhiệt tình lao động, xây dựng và phát triển kinh tế tự chủ và toàn diện. Để hiểu rõ hơn, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học ngày hôm nay.

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>*Hoạt động 1: Tìm hiểu về tình hình nông nghiệp thế kỷ X- XV (Cá nhân).</p> <p>Bước 1:</p> <p>GV: <i>Những biểu hiện của sự mở rộng và phát triển nông nghiệp từ thế kỷ X – XV?</i></p> <p>HS nghiên cứu SGK, suy nghĩ trả lời. GV nhận xét, bổ sung, kết luận.</p> <p>GV có thể giải thích thêm về phép quân điền chia ruộng công ở các làng xã dưới thời Lê, một chính sách ruộng đất công ở thời kỳ phong kiến, tác dụng của phép quân điền.</p> <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Minh họa bằng đoạn trích trong chiếu của Lý Nhân Tông (trang 83) và sự phong phú của các giống cây nông nghiệp ngoài lúa nước. GV: <i>Em có nhận xét gì về sự phát triển nông nghiệp X - XV? Do đâu nông nghiệp phát triển? Tác dụng của sự phát triển đó? Vai trò của nhà nước?</i> - HS suy nghĩ và trả lời. - GV kết luận. - GV minh họa bằng những câu thơ. 	<p>1. Mở rộng, phát triển nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích đất ngày càng mở rộng: + Nhân dân tích cực khai hoang vùng châu thổ sông lớn và ven biển. + Các vua Trần khuyến khích các vương hầu quý tộc khai hoang lập điền trang. + Vua Lê cấp ruộng đất cho quý tộc, quan lại đặt phép quân điền. - Thủy lợi được nhà nước quan tâm mở mang. + Nhà Lý đã cho xây đắp những con đê đầu tiên. + 1248, nhà Trần cho đắp đê quai vạc dọc các sông lớn từ đầu nguồn đến cửa biển. Đặt cơ quan: Hà đê sứ. - Các nhà nước Lý - Trần - Lê đều quan tâm bảo vệ sức kéo, phát triển của giống cây nông nghiệp. + Nhà nước cùng nhân dân góp sức phát triển nông nghiệp. + Chính sách của nhà nước đã thúc đẩy nông nghiệp phát triển đời sống nhân dân ấm no hạnh phúc, trật tự xã hội ổn định, độc lập được củng cố.
<p>*Hoạt động 2: Tìm hiểu tình hình thủ công nghiệp thế kỷ X- XV (nhóm nhỏ).</p> <p>Bước 1:</p> <p>GV cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ (theo cặp).</p> <p>GV: <i>Trình bày biểu hiện của sự phát triển TCN nước ta thế kỷ X- XV?</i></p> <p>HS thảo luận trong 4 phút, trả lời. HS khác nghe, bổ sung</p>	<p>2. Phát triển thủ công nghiệp</p> <p>* Thủ công nghiệp trong nhân dân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nghề thủ công cổ truyền như: Đúc đồng, rèn sắt, làm gốm, dệt ngày càng phát triển chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao. - Các ngành nghề thủ công ra đời như; Thổ Hà, Bát Tràng.

<p>GV nhận xét bổ sung, kết luận về sự phát triển thủ công nghiệp trong nhân dân.</p> <p>Bước 2:</p> <p>GV có thể sưu tầm một số tranh ảnh, chuông, tượng, đồ gốm, hình rồng... để minh họa cho HS thấy được sự phát triển của ngành nghề thủ công cả về số lượng và chất lượng.</p> <p>*Hoạt động 3: Tìm hiểu tình hình thương nghiệp nước ta thế kỷ X-XV</p> <p>Bước 1:</p> <p>GV: <i>Sự phát triển nội thương và ngoại thương đương thời?</i></p> <p>HS theo dõi SGK và phát biểu.</p> <p>GV bổ sung, kết luận về sự phát triển mở rộng nội, ngoại thương.</p> <p>Bước 2:</p> <p>GV minh họa bằng lời nhận xét của sứ giả nhà Nguyễn (SGK)</p> <p>- GV dùng tư liệu SGK để minh họa, kết hợp một số tranh ảnh sưu tầm về sự sầm uất của bến cảng đương thời.</p> <p>- GV bổ sung.</p>	<p>* Thủ công nghiệp nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước được thành lập các quan xưởng (Cục bách tác) . - Sản xuất được một số sản phẩm kỹ thuật cao như: Đại bác, thuyền chiến có lầu. <p>3. Mở rộng thương nghiệp</p> <p>* Nội thương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chợ làng, chợ huyện, chợ chùa mọc lên ở khắp nơi. - Kinh đô Thăng Long trở thành đô thị lớn (36 phố phường) - Trung tâm buôn bán và làm nghề thủ công. <p>* Ngoại thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời Lý - Trần ngoại thương khá phát triển - Thời Lê: Ngoại thương bị thu hẹp.
--	---

Tiết 2

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu tình hình nông nghiệp thế kỷ XVI- XVIII (cá nhân).</p> <p>Bước 1:</p> <p>Trước hết GV giúp HS nắm được tình hình nông nghiệp từ cuối XVI đến nửa đầu XVIII.</p> <p>GV: <i>Sự phát triển của nông nghiệp nước ta thế kỷ XVI-XVIII?</i></p> <p>HS theo dõi SGK và trả lời.</p> <p>GV chốt ý về biểu hiện của sự phát triển nông nghiệp.</p> <p>Bước 2:</p> <p>GV nhấn mạnh sự phát triển nông nghiệp ở Đàng Trong. Do lãnh thổ ngày càng mở rộng vào Nam, dân cư ít, điều kiện sản xuất thuận lợi nên nông nghiệp Đàng Trong đã vượt qua yêu cầu tự cấp, tự túc trở thành một vựa thóc lớn phục vụ thị trường Đàng Trong, giải quyết mâu thuẫn xã hội.</p> <p>Còn ở Đàng Ngoài: Là vùng đất lâu đời, đã được khai phá triệt để. Vì vậy nông nghiệp ít có khả năng mở rộng, phát triển.</p> <p>HS nghe, ghi nhớ.</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu sự phát triển của TCN (cá</p>	<p>I- Tình hình nông nghiệp ở các thế kỷ XVI - XVIII</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ cuối thế kỷ XV đến nửa đầu thế kỷ XVII: nông nghiệp sa sút. - Từ nửa sau thế kỷ XVII: phát triển. <p>+ Ruộng đất ở cả 2 Đàng mở rộng, nhất là ở Đàng Trong.</p> <p>+ Thủy lợi được củng cố.</p> <p>+ Giống cây trồng ngày càng phong phú.</p> <p>+ Kinh nghiệm sản xuất được đúc kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ tư hữu ruộng đất ngày càng tập trung trong tay địa chủ. <p>II. Sự phát triển của thủ công nghiệp</p>

nhân).

Bước 1:

GV: Sự phát triển kinh tế thủ công nghiệp nước ta thuoif kỳ này như thế nào? Nét mới trong sản xuất thủ công nghiệp?

HS theo dõi SGK trả lời.

GV nhận xét, bổ sung, kết luận về sự phát triển của thủ công nghiệp.

Bước 2:

GV: Minh họa cho sự phát triển của nghề dệt bằng lời nhận xét của thương nhân nước ngoài.

Minh họa cho sự phát triển nghề gốm bằng một số tranh ảnh sưu tầm .Kể tên một số làng nghề thủ công truyền thống, kết hợp liên hệ thực tiễn về sự tồn tại của các ngành nghề ngày nay. Giá trị của nghề thủ công, của sản phẩm thủ công trong thời hiện đại.

Bước 3:

GV: Em có nhận xét gì về sự phát triển của thủ công nghiệp đương thời? So sánh với giai đoạn trước?

HS so sánh, suy nghĩ, trả lời.

GV nhận xét, kết luận.

***Hoạt động 3:** Tìm hiểu sự phát triển của thương nghiệp

Bước 1:

GV trình bày những biểu hiện phát triển của nội thương đương thời.

GV: Nét mới trong nội thương thế kỷ XVI - XVIII?

HS nghiên cứu SGK và trả lời.

GV nhận xét, kết luận. Liên hệ thực tiễn:

Đình Bảng bán âm, bán khay

Phù Lưu họp chợ mỗi ngày một đông.

- HS nghe, ghi nhớ.

Bước 2:

GV truyền đạt để HS nắm được trong thế kỷ XVI - XVIII ngoại thương phát triển rất mạnh.

GV minh họa bằng một số bức tranh, ảnh trong SGK và những tranh ảnh tự sưu tầm. Lời nhận xét của thương nhân nước ngoài trong sách hướng dẫn GV. Kể về sự thành lập các hội quán của người Tàu, người Nhật ở Hội An. Phố người Tàu ở Phố Hiến (Hưng Yên).

HS nghe, ghi nhớ.

GV: Những yếu tố bên trong và bên ngoài nào thúc đẩy sự phát triển của ngoại thương? Sự phát triển

- Nghề thủ công truyền thống tiếp tục phát triển đạt trình độ cao (dệt, gốm).

- Một số nghề mới xuất hiện như: Khắc in bản gỗ, làm đường trắng, làm đồng hồ, làm tranh sơn mài.

- Khai mỏ - một ngành quan trọng rất phát triển ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài.

- Các làng nghề thủ công xuất hiện ngày càng nhiều.

- Ở các đô thị thợ thủ công đã lập phường hội vừa sản xuất vừa bán hàng (nét mới trong kinh doanh).

III. Sự phát triển của thương nghiệp

* *Nội thương:*

- Chợ làng, chợ huyện... mọc lên khắp nơi và ngày càng đông đúc.

- Ở nhiều nơi xuất hiện làng buôn.

- Buôn bán lớn (buôn chuyển, buôn thuyền) xuất hiện.

- Buôn bán giữa các vùng miền phát triển.

* *Ngoại thương:*

- Thế kỷ XVI - XVIII ngoại thương phát triển mạnh.

+ Thuyền buôn các nước (kể cả các nước châu Âu: Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh) đến Việt Nam buôn bán ngày càng tấp nập.

- Họ bán vũ khí, thuốc súng, len dạ, bạc, đồng.

- Mua: Tơ lụa, đường gốm, nông lâm sản.

+ Thương nhân nhiều nước đã tụ hội lập phố xá, cửa hàng buôn bán lâu dài.

của ngoại thương có tác dụng gì cho sự phát triển của kinh tế nước ta?

HS suy nghĩ, trả lời.

GV kết luận nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của ngoại thương. Kết hợp liên hệ thực tiễn hiện nay.

***Hoạt động 4: Tìm hiểu sự hưng khởi các đô thị**

GV giảng giải về sự hưng khởi của các đô thị XVI - XVIII.

GV minh họa bằng lời các thương nhân nước ngoài trong SGK và sách hướng dẫn GV về sự hưng thịnh của Thăng Long và các đô thị khác.

GV: Nguyên nhân dẫn đến sự hưng khởi của đô thị?

HS suy nghĩ trả lời.

GV bổ sung, kết luận. HS nghe, ghi nhớ.

GV giảng tiếp về sự suy tàn của đô thị, nguyên nhân dẫn đến đô thị suy tàn.

IV. Sự hưng khởi của các đô thị

- Thế kỉ XVI - XVIII nhiều đô thị mới hình thành phát triển hưng thịnh.

- Thăng Long - Kẻ chợ với 36 phố phường trở thành đô thị lớn của cả nước.

- Những đô thị mới như: Phố Hiến (Hưng Yên), Hội An (Quảng Nam), Thanh Hà (Phú Xuân - Huế) trở thành những nơi buôn bán sầm uất.

- Đầu thế kỷ XIX : Đô thị suy tàn dần.

3. Hoạt động luyện tập:

GV khái quát lại tình hình kinh tế nước ta thế kỷ X – XVIII trên các lĩnh vực.

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng:

Gv yêu cầu hs sưu tầm thơ văn, tư liệu về kinh tế trong giai đoạn này.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

Đọc trước nội dung bài mới: Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

Gv giao nhiệm vụ cho các nhóm về tìm hiểu trước các cuộc kháng chiến.

Tiết 26

Ngày soạn: / /2019

**BÀI 19. NHỮNG CUỘC CHIẾN ĐẤU
CHỐNG NGOẠI XÂM Ở CÁC THẾ KỶ X - XV**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Yêu cầu HS:

- Trình bày được những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.
- Phân tích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của những chiến thắng đó.

2. Về tư tưởng:

- Giáo dục lòng yêu nước, ý thức bảo vệ nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc.
- Bồi dưỡng ý thức đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc.
- Bồi dưỡng niềm tự hào dân tộc vai trò lòng biết ơn với các thế hệ tổ tiên, các anh hùng dân tộc đã chiến đấu quên mình vì Tổ quốc.

3. Về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ trong học tập, tích cực bồi dưỡng kỹ năng phân tích, tổng hợp.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

Hoạt động 4: TÌM HIỂU NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC, ĐIÊU KHẮC, ÂM NHẠC

(Hình thức cá nhân/nhóm)

- Giáo viên yêu cầu các nhóm đã chia ở các mục trước trình bày kết quả nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà về các vấn đề:

- + *Trình bày điều tâm đắc về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Lí – Trần, Lê.*
- + *Trình bày điều tâm đắc về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Trịnh – Nguyễn.*
- + *Trình bày điều tâm đắc về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Nguyễn.*
- + *Trình bày hiểu biết của em về âm nhạc dân tộc.*
- + *Trình bày hiểu biết của em về sân khấu dân gian.*

- Giáo viên chọn đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung.
- Giáo viên đưa ra thêm một số hình ảnh, hướng dẫn học sinh tìm hiểu sâu hơn



Rong thoi Lí (chạm khắc gỗ) Rong thoi Trần (gạch nung) Rong thoi Trần (chạm khắc đá) Rong thoi Hồ (gạch nung) đá)

Hoạt động 5: TÌM HIỂU NHỮNG THÀNH TỰU LỚN VỀ KHOA HỌC – KỸ THUẬT

(Hình thức cá nhân/nhóm/toàn lớp)

- Giáo viên chia học sinh trong lớp thành 5 nhóm, phát phiếu học tập theo mẫu và yêu cầu học sinh nghiên cứu tài liệu, thực hiện hoạt động theo nhóm tìm hiểu thành tựu khoa học – kỹ thuật qua các thời kì

	Triều Lí- Trần	Triều Lê sơ	Triều Lê – Trịnh, chúa Nguyễn
Khoa học			
Kỹ thuật			

- Học sinh nghiên cứu tài liệu, suy nghĩ, thảo luận nhóm và hoàn thiện phiếu học tập.
- Đại diện 1 nhóm báo cáo, các nhóm khác trao đổi, bổ sung, nhận xét kết quả của từng nhóm.
- Giáo viên tiếp tục yêu cầu học sinh cho nhận xét về những thành tựu KH – KT đã đạt được.

3. Hoạt động luyện tập

- Giáo viên hệ thống lại những thành tựu văn hóa cơ bản.

4. Hoạt động vận dụng và mở rộng

- Gv yêu cầu hs sưu tầm các thành tựu văn hóa giai đoạn này.
- Học sinh về tìm hiểu các thành tựu văn hóa ở địa phương.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Nắm những thành tựu cơ bản của văn hóa Đại Việt từ thế kỉ X – XVIII.
- Chuẩn bị bài mới: Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa dưới triều Nguyễn
 - + Quá trình hoàn chỉnh bộ máy nhà nước dưới triều Nguyễn
 - + Ưu điểm và hạn chế của kinh tế nhà Nguyễn
 - + Thành tựu văn hóa thời Nguyễn.

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: yêu cầu học sinh:

- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa ở nước ta nửa đầu thế kỷ XIX dưới vương triều Nguyễn.

- Nhận xét được chính sách đối ngoại của nhà Nguyễn

2. Về tư tưởng: - Bồi dưỡng cho HS ý thức vươn lên, đổi mới trong học tập.

- Giáo dục ý thức quan tâm đến đời sống nhân dân đất nước mà trước hết là những người xung quanh.

3. Về kĩ năng: Rèn luyện cho HS kĩ năng trình bày, phân tích, so sánh gắn sự kiện với thực tế cụ thể.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện

- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. **Giáo viên:** Giáo án, tranh ảnh, bản đồ VN thời nhà Nguyễn và tài liệu tham khảo liên quan đến bài học, máy tính.

2. **Học sinh:** - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, phân tích lược đồ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. **Phương pháp:** GV đưa ra hình ảnh Nguyễn Ánh và giới thiệu về nhân vật này

c. **Dự kiến sản phẩm:** Sau khi đánh bại các vương triều Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, thành lập nhà Nguyễn. Trong 50 năm đầu thống trị, nửa đầu thế kỷ XVIII tình hình đất nước ta đã thay đổi như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 25.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu quá trình xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước của triều Nguyễn (cá nhân). GV gợi cho HS nhớ lại sự kiện 1792 vua Quang Trung mất, Triều đình rơi vào tình trạng lục đục, suy yếu, nhân cơ hội đó, Nguyễn Ánh đã tổ chức tấn công các vương triều Tây Sơn. 1802 các vương triều Tây Sơn lần lượt sụp đổ. Nguyễn Ánh lên ngôi vua. GV giảng giải thêm về hoàn cảnh lịch sử đất nước và thế giới khi nhà Nguyễn thành lập. Trong bối cảnh lịch sử mới yêu cầu phải củng cố ngay quyền	I. Xây dựng và củng cố bộ máy Nhà nước, chính sách ngoại giao - Năm 1802 Nguyễn Ánh lên ngôi (Gia Long)--> Nhà Nguyễn thành lập, đóng đô ở Phú Xuân (Huế). * Tổ chức bộ máy nhà nước. - Chính quyền Trung ương tổ chức theo mô hình thời Lê. - Thời Gia Long chia nước ta làm 3 vùng: Bắc Thành, Gia Định Thành và các trực doanh (Trung Bộ) do Triều đình trực tiếp cai quản.

<p>thống trị của nhà Nguyễn.</p> <p>GV? Sau khi lên ngôi Gia Long đã bắt tay vào việc tổ chức bộ máy nhà nước như thế nào.</p> <p>HS nghiên cứu SGK, suy nghĩ trả lời,</p> <p>GV nhận xét, bổ sung và kết luận.</p> <p>GV có thể dùng bản đồ Việt Nam thời Minh Mạng để chỉ các vùng từ Ninh Bình trở ra Bắc là Chân Bắc Thành, từ Bình Thuận trở vào Nam là Chân Gia Định Thành. Chính quyền Trung ương chỉ quản lý trực tiếp từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Còn lại hai khu tự trị Tổng trấn có toàn quyền. Đó là giải pháp tình thế của vua Gia Long trong bối cảnh lúc đầu mới lên ngôi.</p> <p>GV tiếp tục trình bày kết hợp bản đồ Việt Nam thời Minh Mạng, yêu cầu HS quan sát và nhận xét.</p> <p>GV kết luận.</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu chính sách ngoại giao của triều Nguyễn.(cá nhân).</p> <p>GV trình bày khái quát chính sách ngoại giao của nhà Nguyễn.</p> <p>GV? Em có nhận xét gì về chính sách ngoại giao của nhà Nguyễn, mặt tích cực và hạn chế?</p> <p>HS suy nghĩ trả lời.</p> <p>GV bổ sung, kết luận:</p> <p>Hoạt động 3: Tìm hiểu tình hình kinh tế của nhà Nguyễn. (theo nhóm).</p> <p>GV? Tìm hiểu về nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp của nước ta dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX?</p> <p>HS theo dõi sgk, trao đổi theo nhóm nhỏ, phát biểu.</p> <p>GV bổ sung, kết luận:</p> <p>GV có thể so sánh với chính sách quân điền thời kỳ trước để thấy được ở thời kỳ này do ruộng đất công còn nhiều cho nên quân điền có tác dụng rất lớn còn ở thời Nguyễn do ruộng đất công còn ít nên tác dụng của chính sách quân điền không lớn. Một hình thức khẩn hoang phổ biến ở thời Nguyễn đó là hình thức: khẩn hoang doanh điền: Nhà nước cấp vốn ban đầu cho nhân dân → mua sắm nông cụ, trâu bò để nông dân khai hoang , ba năm sau mới thu thuế theo ruộng tư. Chính sách này đưa đến kết quả lớn: có những nơi một năm sau đã có huyện mới ra đời như Kim Sơn (Ninh Bình), Tiền Hải (Thái Bình).</p>	<p>- Năm 1831 - 1832 Minh Mạng thực hiện một cuộc cải cách hành chính chia cả nước là 30 tỉnh và một Phủ Thừa Thiên.</p> <p>- Tuyển chọn quan lại: thông qua giáo dục, khoa cử.</p> <p>- Luật pháp ban hành Hoàng triều luật lệ với 400 điều hà khắc.</p> <p>- Quân đội: được tổ chức quy củ trang bị đầy đủ song lạc hậu, thô sơ.</p> <p>* Ngoại giao.</p> <p>- Thân phục nhà Thanh (Trung Quốc).</p> <p>- Bắt Lào, Cam-pu-chia thân phục.</p> <p>- Với phương Tây: đóng cửa, không chấp nhận việc đặt quan hệ ngoại giao của họ.</p> <p>II. Tình hình kinh tế và chính sách của nhà Nguyễn</p> <p>* Nông nghiệp:</p> <p>- Nhà Nguyễn thực hiện chính sách quân điền.</p> <p>- Khuyến khích khai hoang bằng nhiều hình thức.</p> <p>- Nhà nước còn bỏ tiền, huy động nhân dân sửa, đắp đê điều.</p> <p>- Trong nhân dân, kinh tế tiểu nông cá thể vẫn duy trì như cũ.</p> <p>□ Nhà Nguyễn đã có những biện pháp phát triển nông nghiệp, song đó chỉ là những biện pháp truyền thống, lúc này không có hiệu quả cao.</p> <p>+ Nông nghiệp Việt Nam vẫn là một nền nông nghiệp thuần phong kiến, rất lạc hậu.</p> <p>* Thủ công nghiệp:</p> <p>- Thủ công nghiệp nhà nước được tổ chức với quy mô lớn, các quan xưởng</p>
--	--

<p>GV? Em có nhận xét gì về tình hình thủ công nghiệp thời Nguyễn? Có biến đổi so với thời trước không? Mức độ tiếp cận với khoa học kỹ thuật như thế nào?</p> <p>HS suy nghĩ, so sánh với công nghiệp của phương Tây để trả lời:</p> <p>+ Nhìn chung thủ công nghiệp vẫn duy trì phát triển nghề thủ công truyền thống (cũ).</p> <p>+ Đã tiếp cận chút ít với kỹ thuật phương Tây như đóng thuyền máy chạy bằng hơi nước.</p> <p>Nhưng do chế độ công thương hà khắc nên chỉ dừng lại ở đó.</p> <p>Hoạt động 4: Cả lớp</p> <p>GV yêu cầu HS lập bảng thống kê các thành tựu văn hóa tiêu biểu của thời Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX theo mẫu:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th> <th>Thành tựu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Giáo dục</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Tôn giáo</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Văn học</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Sử học</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Kiến trúc</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Nghệ thuật dân gian</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>HS theo dõi SGK tự lập bảng thống kê.</p> <p>Sau khi HS lập bảng thống kê xong GV có thể chiếu bảng thống kê đã chuẩn bị sẵn lên màn hình TV.</p> <p>HS: Đối chiếu phần của mình tự làm với bảng thông tin phản hồi của GV để chỉnh sửa cho chuẩn xác.</p> <p>GV? Em có nhận xét gì về Văn hóa - Giáo dục thời Nguyễn?</p> <p>HS suy nghĩ trả lời</p> <p>GV nhận xét, kết luận</p>	Lĩnh vực	Thành tựu	Giáo dục		Tôn giáo		Văn học		Sử học		Kiến trúc		Nghệ thuật dân gian		<p>được xây, sản xuất tiền, vũ khí, đóng thuyền, làm đồ trang sức, làm gạch ngói (nghề cũ).</p> <p>+ Thợ quan xưởng đã đóng tàu thủy - được tiếp cận với kỹ thuật chạy bằng máy hơi nước.</p> <p>- Trong nhân dân: Nghề thủ công truyền thống được duy trì nhưng không phát triển như trước.</p> <p>* Thương nghiệp</p> <p>+ Nội dung phát triển chậm chạp do chính sách thuế khóa phức tạp của Nhà nước.</p> <p>+ Ngoại thương: Nhà nước nắm độc quyền, buôn bán với các nước láng giềng: Hoa, Xiêm, Malai.</p> <p>Dè dặt với phương Tây, tàu thuyền các nước phương Tây chỉ được ra vào cảng Đà Nẵng.</p> <p>Đô thị tàn lụi dần.</p> <p>III. Tình hình văn hóa - giáo dục</p> <p>- Nghệ thuật dân gian</p> <p>- Giáo dục Nho học được củng cố song không bằng các thế kỷ trước.</p> <p>- Độc tôn Nho giáo, hạn chế Thiên chúa giáo.</p> <p>- Văn học chữ Nôm phát triển. Tác phẩm xuất sắc của Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan.</p> <p>- Quốc sử quán thành lập nhiều bộ sử lớn được biên soạn: Lịch triều hiến chương loại chí...</p> <p>- Kinh đô Huế, Lăng tẩm, Thành Lũy ở các tỉnh, cột cờ ở Hà Nội.</p>
Lĩnh vực	Thành tựu														
Giáo dục															
Tôn giáo															
Văn học															
Sử học															
Kiến trúc															
Nghệ thuật dân gian															

3. Hoạt động luyện tập:

- GV khái quát lại toàn bộ nội dung bài học về lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa nước ta nửa đầu thế kỷ XIX. Cho HS làm các bài tập trắc nghiệm liên quan.

4. Vận dụng và mở rộng: Trong quá trình bài học. GV có thể cho HS làm các bài tập nâng cao.

V. Hướng dẫn học ở nhà

- HS học bài, hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị bài mới. Bài 26: Tình hình xã hội ở nửa đầu thế kỷ XIX và phong trào đấu tranh của nhân dân. Nắm:
 - + Tình hình xã hội và đời sống của nhân dân ta.
 - + Tìm hiểu các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

BÀI 26

**TÌNH HÌNH XÃ HỘI Ở NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX VÀ CUỘC
ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: HS nắm và hiểu được:

- Từ đầu thế kỷ XIX tình hình chính trị xã hội Việt Nam dần dần trở lại ổn định, nhưng mâu thuẫn giai cấp vẫn không dịu đi.
- Mặc dù nhà Nguyễn có một số cố gắng nhằm giải quyết những khó khăn của nhân dân nhưng sự phân chia ngày càng tách biệt, bộ máy quan lại sa đọa, mất mùa đói kém thường xuyên xảy ra.
- Cuộc đấu tranh của nhân dân diễn ra liên tục và ngày càng mở rộng ra hầu hết cả nước, lôi cuốn cả một bộ phận binh lính.

2. Về tư tưởng, tình cảm: Bồi dưỡng kiến thức trách nhiệm với nhân dân, quan tâm đến đời sống cộng đồng.

3. Kỹ năng: Tiếp tục rèn luyện cho HS kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, nhận xét đánh giá.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh tình hình xã hội dưới thời Nguyễn và tài liệu tham khảo liên quan đến bài học, máy tính.

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, phân tích lược đồ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV đọc bài về Bình Trị Thiên: 10 quả trứng ung và cho HS 1 số hình ảnh xã hội nước ta thời kỳ này. Yêu cầu HS: Nêu cảm nhận của em về cuộc sống của nhân dân ta như thế nào? Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt bài

c. Dự kiến sản phẩm: Hậu quả của chính sách ngoại giao, chính trị làm cho XH nước ta khác với các thời kỳ trước. Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu tình hình xã hội và đời sống của nhân dân dưới triều Nguyễn nửa đầu thế XIX. (cá nhân). Bước 1: GV giảng giải: Nhà Nguyễn lên ngôi sau một	I. Tình hình xã hội và đời sống của nhân dân

<p>giai đoạn nội chiến ác liệt, tình hình chính trị - xã</p> <p>hội phức tạp, chế độ phong kiến đang trên bước đường suy tàn. Bản thân nhà Nguyễn lại đại diện cho tập đoàn phong kiến thống trị cũ, vì vậy đã chủ trương duy trì tình trạng kinh tế xã hội cũ, tăng cường tính chuyên chế nhằm bảo vệ quyền thống trị của mình.</p> <p>Trong bối cảnh lịch sử đó các giai cấp trong xã hội Việt Nam không có gì thay đổi song tình hình các giai cấp và mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội ít nhiều có sự biến đổi.</p> <p>GV ? Sự phân hóa các giai cấp trong xã hội Việt Nam dưới thời Nguyễn diễn ra như thế nào?</p> <p>HS nghiên cứu SGK, suy nghĩ trả lời. GV nhận xét, kết luận.</p> <p>GV có thể giảng giải thêm về tình hình của các giai cấp trong xã hội thời Nguyễn.</p> <p>Triều đình nhà Nguyễn đã cố gắng hoàn chỉnh bộ máy thống trị nhằm ổn định tình hình xã hội song không ngăn chặn được sự phát triển của tệ tham quan ô lại.</p> <p>- Dưới thời Nguyễn hiện tượng quan lại tham nhũng sách nhiễu nhân dân rất phổ biến. GV có thể trích đọc các câu ca dao, lời vua Tự Đức trong SGK để minh họa.</p> <p>- Ở nông thôn bọn địa chủ cường hào tiếp tục hoành hành, ức hiếp nhân dân.</p> <p>GV trích đọc lời Nguyễn Công Trứ để minh họa thường xuyên.</p> <p>Bước 2:</p> <p>GV? Em nghĩ thế nào về đời sống của nhân dân ta dưới thời Nguyễn?</p> <p>HS suy nghĩ trả lời.</p> <p>So sánh với thế kỷ trước.</p> <p>GV có thể gợi ý: thời Lê sơ có câu ca: Thời vua Thái Tổ, Thái Tông... còn thời nhà Nguyễn đời sống của nhân dân ra sao?</p> <p>GV nhận xét, kết luận.</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu các cuộc đấu tranh của nhân dân. (nhóm)</p> <p>GV cho HS làm việc theo nhóm nhỏ trong thời gian 4 phút.</p> <p>GV yêu cầu HS tự đọc SGK tóm tắt những nét</p>	<p>* Xã hội:</p> <p>chính về phong trào đấu tranh của nhân dân, binh</p> <p>☐ Đời sống của nhân dân cực khổ hơn so</p>
--	---

- Trong xã hội sự phân chia giai cấp ngày càng cách biệt:
- + Giai cấp thống trị bao gồm vua quan, địa chủ, cường hào.
- + Giai cấp bị trị bao gồm đại đa số là nông dân.
- Tệ tham quan ô lại thời Nguyễn rất phổ biến.
- Ở nông thôn, địa chủ cường hào ức hiếp nhân dân.

* Đời sống nhân dân:

- Dưới thời Nguyễn nhân dân phải chịu nhiều gánh nặng.
- + Phải chịu cảnh sưu cao, thuế nặng.
- + Chế độ lao dịch nặng nề
- + Thiên tai, mất mùa đói kém thường xuyên.

với các triều đại trước.

Mâu thuẫn xã hội lên cao bùng nổ thành các cuộc đấu tranh.

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN, BINH LÍNH VÀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ.

<p>lính và các dân tộc thiểu số dưới thời Nguyễn. (theo mẫu).</p> <p>HS dựa vào SGK thảo luận và trình bày những nét chính về phong trào theo mẫu.</p> <p>GV đưa ra thông tin phản hồi của mình để giúp HS hoàn thiện phần tự học của mình. Thông tin phản hồi của GV có thể đưa lên màn hình TV.</p> <p>GV có thể đàm thoại với HS về Phan Bá Vành và Cao Bá Quát.</p> <p>+ Phan Bá Vành thủ lĩnh phong trào nông dân ở Bắc Kỳ, người làng Minh Giám (Vũ Thư - Thái Bình), giỏi võ. Năm 1921 - 1922 vùng châu thổ sông Hồng gặp đói lớn, trong khi đó nhà nước phong kiến và bọn địa chủ cường hào lại tăng cường bóc lột, nhân dân Nam Định, Thái Bình, Hải Dương bất bình nổi lên chống đối, Phan Bá Vành nhân đó lấy làng Minh Giám làm nơi tập hợp lực lượng phát động khởi nghĩa.</p> <p>Nghĩa quân đi đến đâu đều lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo vì vậy được nhiều người hưởng ứng, khởi nghĩa lan rộng. Năm 1926 Minh Mạng huy động lực lượng đàn áp khởi nghĩa, vì vậy nghĩa quân phải rút về xây dựng căn cứ ở Trà Lũ (Nam Định). Năm 1927 quân triều đình tấn công Trà Lũ, Phan Bá Vành bị giết, khởi nghĩa thất bại. Làng Trà Lũ bị tàn phá.</p> <p>+ Cao Bá Quát (1808 - 1855). Quê ở Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội. Năm 1831 đỗ cử nhân, thuở nhỏ sống nghèo nhưng nhân cách cứng rắn, nổi tiếng văn hay chữ tốt. Nhưng mấy lần thi hội đều phạm quy nên bị đánh hỏng; năm 1841 làm quan Bộ lễ tại Huế. Năm 1847 làm ở Viện Hàn Lâm, sớm nhận rõ bộ mặt xấu xa của vua quan triều đình, ông từ quan.</p> <p>Cao Bá Quát là nhà thơ lớn, người đương thời ca ngợi "văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán". Ông để lại hàng nghìn bài thơ chữ Nôm và chữ Hán, thể hiện rõ bản lĩnh, tài năng và ý chí của ông, luôn đề cao các anh hùng dân tộc, các nhà Nho nhân cách, phản ánh nổi cực khổ của dân nghèo.</p> <p>Năm 1853, 1854 các tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây bị hạn hán, châu chấu hoành hành cắn phá lúa, nhân dân đói khổ, long người bất mãn với triều đình. Nhân cơ hội này ông tổ chức khởi nghĩa, trở thành thủ lĩnh của khởi nghĩa nông dân. Do bị bại lộ nên khởi nghĩa chỉ kéo dài được mấy</p>	<p>- Nửa đầu thế kỷ XIX những cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra rầm rộ ở khắp nơi. Cả nước có tới 400 cuộc khởi nghĩa.</p> <p>- Tiêu biểu:</p> <p>+ Khởi nghĩa Phan Bá Vành bùng nổ năm 1821 ở Sơn Nam hạ (Thái Bình) mở rộng ra Hải Dương, An Quảng đến năm 1287 bị đàn áp.</p> <p>+ Khởi nghĩa Cao Bá Quát bùng nổ năm 1854 ở Ứng Hòa - Hà Tây, mở rộng ra Hà Nội, Hưng Yên đến năm 1854 bị đàn áp.</p> <p>+ Năm 1833 một cuộc nổi dậy của binh lính do Lê Văn Khôi chỉ huy nổ ra ở Phiên An (Gia Định), làm chủ cả Nam Bộ □ Năm 1835 bị dập tắt.</p> <p>+ Ở phía Bắc: Có cuộc khởi nghĩa của người Tày ở Cao Bằng (1833 - 1835) do Nông Văn Vân lãnh đạo.</p> <p>+ Ở phía Nam: Có cuộc khởi nghĩa của người Khome ở miền Tây Nam Bộ.</p>
---	--

<p>tháng. Cao Bá Quát hy sinh tại trận địa. Sau đó triều đình Tự Đức ra lệnh chu di 3 họ. Bà con nội, ngoại bị tàn sát.</p> <p>- HS nghe, ghi nhớ về những nhân vật lịch sử.</p> <p>Hoạt động 3: Cá nhân</p> <p>GV? Qua những nét chính về phong trào đấu tranh của nhân dân thời Nguyễn em có rút ra đặc điểm gì?</p> <p>HS dựa vào phong trào, so sánh trả lời.</p> <p>GV bổ sung, kết luận về đặc điểm của phong trào.</p>	<p>- Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phong trào đấu tranh của nhân dân nổ ra liên tục, số lượng lớn. + Có cuộc khởi nghĩa quy mô lớn và thời gian dài. <p>tạm lắng khi Pháp chuẩn bị xâm lược nước ta.</p> <p>☐ Đời sống của nhân dân cực khổ.</p>
--	---

3. Luyện tập: GV nhận xét chung về tình hình nước ta dưới thời Nguyễn: Dưới thời Nguyễn mặc dù triều đình đã cố gắng ổn định nền nước thống trị, và đã có công hiến nhất định trên một số lĩnh vực, nhất là lĩnh vực văn hóa, song trong bối cảnh nhà Nguyễn đã không đáp ứng và làm cho các mâu thuẫn xã hội ngày càng gia tăng, phong trào đấu tranh phản đối chính quyền diễn ra liên tục làm cho xã hội Việt Nam thời Nguyễn, như một học giả phương Tây nhận xét "đang lên cơn sốt trầm trọng". Cho HS làm các bài tập trắc nghiệm

4. Mở rộng và nâng cao: GV cho HS làm các bài tập trắc nghiệm nâng cao

V. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- HS học bài, ôn tập lịch sử Việt Nam cổ - Trung Đại.

- Làm bài tập trong SGK.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 27: Quá trình dựng nước và giữ nước.

Nắm: Các thời kỳ của LS Việt Nam từ thời dựng nước đến đầu thế kỷ XIX. Nội dung chính của từng thời kỳ.

SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

Tiết thứ 33

Ngày soạn: / /2019

BÀI 27

QUÁ TRÌNH DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài học yêu cầu HS cần nắm được:

1. Kiến thức

- Nước Việt Nam có lịch sử giữ nước lâu đời, trải qua nhiều biến động thăng trầm.
- Trong quá trình tồn tại, phát triển nhân dân ta đã từng bước hợp nhất, đoàn kết xây dựng một quốc gia thống nhất, có tổ chức nhà nước hoàn chỉnh, có nền kinh tế đa dạng ổn định, có nền văn hóa tươi đẹp giàu bản sắc riêng đặt nền móng vững chắc cho sự vươn lên của các thế hệ nối tiếp.
- Trong quá trình lao động sáng tạo, xây dựng đất nước, nhân dân Việt Nam còn phải liên tục cầm vũ khí chung sức, đồng lòng tiến hành hàng loạt các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ độc lập Tổ quốc.

2. Về tư tưởng, tình cảm

- Bồi dưỡng lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.
- Bồi dưỡng ý thức vươn lên trong học tập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng tổng hợp vấn đề, so sánh, phân tích.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. **Giáo viên:** Giáo án, tài liệu tham khảo liên quan đến bài học, máy tính.

2. **Học sinh:** - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. **Phương pháp:** GV cung cấp cho HS sơ đồ tư duy về LSVN từ thời Hùng Vương- đầu XIX

c. **Dự kiến sản phẩm:**

2. Hình thành kiến thức mới.

*Hoạt động 1: Cá nhân

Trước hết GV kẻ một bảng, thống kê nội dung cơ bản của các thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước lên bảng, theo mẫu:

A. Kiến thức cơ bản

I. Các thời kỳ phát triển và xây dựng đất nước

Nội dung chủ yếu	Chính trị	Kinh tế	Văn hóa - Giáo dục	Xã hội
Thời kỳ				

Hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản HS cần nắm vững
<ul style="list-style-type: none"> - HS kẻ mẫu bảng thống kê vào vở - GV phát vấn: Lịch sử dân tộc từ thời dựng nước đến thế kỷ XIX chia làm mấy thời kỳ? Đó là những thời kỳ nào? - HS suy nghĩ, nhớ lại kiến thức đã học để trả lời: - GV nhận xét và phân kỳ lịch sử dân tộc theo SGK đồng thời ghi các thời kỳ vào cột đầu tiên của bảng thống kê: <ul style="list-style-type: none"> + Thời kỳ dựng nước thế kỷ XII trước công nguyên đến đầu thế kỷ II trước công nguyên (thời Bắc thuộc thời từ thế kỷ I - X). + Giai đoạn đầu của thế kỷ thời kỳ phong kiến độc lập X - XV. + Thời kỳ đất nước bị chia cắt XVI - XVIII. + Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX. - HS ghi chép. *Hoạt động 2: Nhóm - GV chia lớp làm 4 nhóm (có thể chia theo tổ) sau đó phân công: <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm 1: Thảo luận và điền vào bảng thống kê tình hình chính trị tổ chức bộ máy nhà nước, qua các thời kỳ. Thống kê các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X - XIX. + Nhóm 2: Thảo luận và điền vào bảng thống kê nét cơ bản về tình hình kinh tế nước ta qua các thời kỳ. + Nhóm 3: Thảo luận và điền vào bảng thống kê những nét chính về tình hình tư tưởng văn hóa giáo dục của nước ta qua các thời kỳ. + Nhóm 4: Thảo luận về tình hình xã hội các mối quan hệ xã hội qua các thời kỳ. - HS thảo luận nhóm và tự điền vào bảng thống kê nội dung được phân công. Cử một đại diện trình bày trước lớp. - GV gọi đại diện các nhóm trả lời. - HS đại diện các nhóm trả lời, HS khác chú ý nghe, ghi nhớ. Có thể đặt câu hỏi cho các nhóm khác nếu có thắc mắc. - GV: Sau khi các nhóm trình bày xong GV có thể đưa ra thông tin phản hồi bằng cách treo lên bảng 	

một bảng thống kê đã chuẩn bị sẵn theo mẫu trên.

Nội dung chủ yếu	Chính trị	Kinh tế	Văn hóa - giáo dục	Xã hội
Thời kỳ				
Thời kỳ dựng nước: VII TCN - II TCN (Từ thế kỷ I - X bị phong kiến phương Bắc đô hộ - (Bắc thuộc)	<ul style="list-style-type: none"> - Thế kỷ VII TCN - II TCN nhà nước Văn Lang - Âu Lạc thành lập ở Bắc Bộ □ Bộ máy nhà nước quân chủ còn sơ khai. - Thế kỷ II TCN ở Nam Trung Bộ Lâm Ấp, Chăm Pa ra đời. - Thế kỷ I TCN quốc gia Phù Nam ra đời ở Tây Nam Bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp trồng lúa nước. - TCN dệt, gốm, làm đồ trang sức. - Đời sống vật chất đạm bạc, giản dị, thích ứng với tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tín ngưỡng: Đa thần. - Đời sống tinh thần phong phú, đa dạng, chất phát, nguyên sơ. - Giáo dục từ năm 1070 được tôn vinh, ngày càng phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ vua tôi gần gũi, hòa dịu
<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn đầu của thời kỳ phong kiến độc lập X – X - Giai đoạn đất nước bị chia cắt XVI - XVIII 	<ul style="list-style-type: none"> TCN nhà nước quân chủ phong kiến ra đời □ thế kỷ XV hoàn chỉnh bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương - Chiến tranh phong kiến □ đất nước chia cắt làm 2 miền: Đàng Trong Đàng Ngoài với 2 chính quyền riêng. □ Nền quân chủ không còn vững chắc như trước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước quan tâm đến SX □ nông nghiệp. - TCN - TN phát triển - Đời sống kinh tế của nhân dân được ổn định - Thế kỷ XVII kinh tế phục hồi. + NN: ổn định và phát triển nhất là ở Đàng Trong. + Kinh tế hàng hóa phát triển mạnh giao lưu với nước ngoài mở rộng tạo điều kiện cho các đô thị hình 	<ul style="list-style-type: none"> - Nho giáo Phật giáo thịnh hành. Nho giáo ngày càng được đề cao. - Văn hóa chịu ảnh hưởng các yếu tố bên ngoài song vẫn mang đậm đà bản sắc dân tộc. - Nho giáo suy thoái, Phật giáo được phục hồi. Đạo Thiên chúa được truyền bá. - Văn hóa tín ngưỡng dân gian nở rộ. - Giáo dục tiếp tục phát triển song chất lượng suy giảm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ xã hội chưa phát triển thành mâu thuẫn đối kháng. - Giữa thế kỷ XVIII chế độ phong kiến ở hai Đàng khủng hoảng □ phong trào nông dân bùng nổ, tiêu biểu là phong trào nông nhân

		thành, hưng khởi.		Tây Sơn.
Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX	- Năm 1820 nhà Nguyễn thành lập duy trì bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế phong kiến. Song nền quân chủ phong kiến đã bước vào khủng hoảng suy vong.	- Chính sách đóng cửa của nhà Nguyễn đã hạn chế sự phát triển của nền kinh tế. Kinh tế Việt Nam trở nên lạc hậu, kém phát triển.	- Nho giáo được độc tôn. - Văn hóa giáo dục có những đóng góp đáng kể.	- Sự cách biệt giữa các giai cấp càng lớn, mâu thuẫn xã hội tăng cao phong trào đấu tranh liên tục bùng nổ.

- HS theo dõi so sánh để hoàn chỉnh bảng thống kê.

<p>*Hoạt động : Cả lớp, cá nhân</p> <p>- GV khái quát: Song song với quá trình xây dựng đất nước, nhân dân Việt Nam liên tục phải cầm vũ khí đứng lên chống ngoại xâm bảo vệ độc lập Tổ quốc. Sau đó GV nên yêu cầu HS lập bảng thống kê các cuộc đấu tranh giành và giữ độc lập dân tộc ta từ thế kỷ Bắc thuộc đến thế kỷ XVIII.</p> <p>- HS tự lập bảng thống kê vào vở ghi.</p> <p>- GV: Sau khi HS tự lập bảng GV gọi một vài em kể tên các cuộc đấu tranh của nhân dân ta, từ thời Bắc thuộc đến thế kỷ XVIII.</p> <p>+ Một số em khác trình bày lại một cuộc kháng chiến tiêu biểu thời Đại Việt X - XVIII.</p> <p>- Cuối cùng GV đưa ra bảng thông tin phản hồi các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập:</p> <p>- HS theo dõi, so sánh để hoàn thiện bảng thống kê của mình.</p> <p>- GV phát vấn: Em có nhận xét gì về công cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta?</p> <p>- HS suy nghĩ trả lời:</p> <p>+ Các cuộc kháng chiến của nhân dân ta diễn ra ở hầu hết các thế kỷ nối tiếp từ triều đại này sang triều đại khác.</p> <p>+ Để lại kỳ tích anh hùng đáng tự hào,</p>	
---	--

những truyền thống cao quý tươi đẹp mãi khắc sâu vào lòng mỗi người dân Việt Nam yêu nước.

Tên cuộc đấu tranh	Vương triều	Lãnh đạo	Kết quả
Cuộc kháng chiến chống Tống thời tiền Lê (981)	Tiền Lê	- Lê Hoàn	- Thắng lợi nhanh chóng
Kháng chiến chống Tống thời Lý	Thời Lý	- Lý Thường Kiệt	- Năm 107 kết thúc thắng lợi
Kháng chiến chống Mông - Nguyên (Thế kỷ XIII)	Thời Trần	- Vua Trần (lần I) - Trần Quốc Tuấn (Lần II - Lần III) - Kháng chiến chống quân Minh do nhà Hồ lãnh đạo.	- Cả 3 lần kháng chiến đều giành thắng lợi. - Lật đổ ách thống trị của nhà Minh giành lại độc lập
Phong trào đấu tranh chống quân xâm lược Minh và khởi nghĩa Lam Sơn 1407 - 1427	Thời Hồ	- Khởi nghĩa Lam Sơn chống ách đô hộ của nhà Minh so Lê Lợi - Nguyễn Trãi lãnh đạo - Nguyễn Huệ	- Đánh tan 5 vạn quân Xiêm - Đánh tan 29 vạn quân Thanh
Kháng chiến chống quân Xiêm 1785	Thời Tây	- Vua Quang Trung (Nguyễn Huệ)	
Kháng chiến chống quân Thanh			
<p>- HS theo dõi, so sánh để hoàn thiện bảng thống kê của mình.</p> <p>- GV phát vấn: Em có nhận xét gì về công cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta?</p> <p>- HS suy nghĩ trả lời:</p> <p>+ Các cuộc kháng chiến của nhân dân ta diễn ra ở hầu hết các thế kỷ nối tiếp từ triều đại này sang triều đại khác.</p> <p>+ Để lại kỷ tích anh hùng đáng tự hào, những truyền thống cao quý tươi đẹp mãi mãi khắc sâu vào lòng mỗi người Việt Nam yêu nước.</p>			

3. Luyện tập

- Các giai đoạn phát triển, hình thành của lịch sử dân tộc từ thời dựng nước đến thế kỷ XIX.
- Thống kê các triều đại trong lịch sử dân tộc từ X - giữa XIX. GV cho các câu hỏi liên quan nội dung bài học

4. Mở rộng và nâng cao: GV cho HS làm các bài tập trắc nghiệm

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Hoàn chỉnh các bảng thống kê

- Làm bài tập tại SGK
- Chuẩn bị bài tiếp theo: Truyền thống yêu nước. Ôn lại các nội dung lịch sử Việt Nam cổ-trung đại

Tiết thứ 34

Ngày soạn: / /2019

BÀI 28

**TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT
NAM THỜI PHONG KIẾN**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài học giúp HS nhớ và hiểu:

1. Về kiến thức

- Văn học Việt Nam trong các thế kỷ trước năm 1858 đã để lại cho đời sau một truyền thống yêu nước quý giá và rất đáng tự hào.
- Truyền thống yêu nước là sự kết tinh của nhiều nhân tố, sự kiện đã diễn ra trong một thời kỳ lịch sử lâu dài.
- Trong hoàn cảnh của chế độ phong kiến do tác động của tiến trình lịch sử dân tộc với những nét riêng biệt yếu tố chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập Tổ quốc, trở thành nét đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến.

2. Về tư tưởng, tình cảm

- Bồi dưỡng lòng yêu nước và ý thức dân tộc, lòng biết ơn với các anh hùng dân tộc.
- Bồi dưỡng ý thức phát huy lòng yêu nước.

3. Về kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, liên hệ.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, tài liệu tham khảo liên quan đến bài học, lược đồ VN thời Minh Mạng

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV dẫn dắt bằng các câu hỏi về lòng yêu nước.

c. Dự kiến sản phẩm:

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã tạo nên những truyền thống tốt đẹp trong đó nổi bật lên là truyền thống yêu nước - một truyền thống cao quý vừa được hun đúc và phát huy qua hàng nghìn năm lịch sử vừa thấm đượm vào cuộc sống đang từng ngày vươn cao của dân tộc. Để hiểu được quá trình hình thành, phát triển và tôi luyện của truyền thống yêu nước trong thời kỳ phong kiến độc lập ta cùng nhau tìm hiểu bài 28.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân - Trước hết GV có thể đặt câu hỏi để tạo sự chú ý và định hướng nhận thức cho HS: Em hiểu thế nào về hai khái niệm: Truyền thống và truyền thống yêu nước?	I. SỰ HÌNH THÀNH CỦA TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VIỆT NAM - Khái niệm: + Truyền thống là những yếu tố về sinh hoạt xã hội, phong tục, tập quán, lối sống, đạo đức của

<p>- HS vận dụng những hiểu biết của mình để trả lời.</p> <p>- GV nhận xét và kết luận:</p> <p>- GV có thể lấy ví dụ về một số truyền thống của dân tộc để minh họa: Truyền thống yêu nước, lao động cần cù, chịu khó, chịu đựng gian khổ, đoàn kết... tính lịch sử và phong tục truyền thống như: nhuộm răng, ăn trầu. Nổi bật nhất là truyền thống yêu nước.</p> <p>- HS nghe, ghi chép.</p> <p>- GV giảng tiếp: Truyền thống yêu nước có nguồn gốc từ lòng yêu nước. Vậy lòng yêu nước có nguồn gốc từ đâu? (bắt nguồn từ những tình cảm nào?) và truyền thống yêu nước được hình thành như thế nào?</p> <p>Hoạt động 2: Cả lớp</p> <p>- GV có thể lấy VD: một con người mới sinh ra còn nhỏ tuổi không thể khẳng định em bé ấy yêu nước. Vậy với một dân tộc yêu nước có nguồn gốc từ đâu? Có từ bao giờ? Và hình thành như thế nào?</p> <p>- GV yêu cầu HS theo dõi SGK để lý giải những vấn đề đặt ra.</p> <p>- HS theo dõi SGK vừa liên hệ để trả lời.</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung và kết luận.</p> <p>+ GV giảng tiếp lòng yêu nước ở thời kỳ này được biểu hiện ở ý thức có chung cội nguồn: cùng là con rồng cháu tiên, cùng sinh ra từ "Quả bầu mẹ..." ở ý thức xây dựng, bảo vệ quốc gia dân tộc Việt, Văn Lang - Âu Lạc.</p> <p>-HS nghe, ghi nhớ về quá trình hình thành truyền thống yêu nước.</p> <p>Hoạt động 3: cá nhân</p> <p>-- GV sau một nghìn năm Bắc thuộc và đấu tranh chống Bắc thuộc, đến thế kỷ X đất nước trở lại độc lập tự chủ với lãnh thổ, tiếng nói, phong tục, tập quán của quá trình đấu tranh bền bỉ của dân tộc. Bước sang thời kỳ độc lập bối cảnh lịch sử mới cũng đặt ra những thách thức đối với lòng yêu nước của người Việt.</p> <p>- HS nghe, ghi nhớ.</p>	<p>một dân tộc được hình thành trong quá trình được lưu truyền từ đời này sang đời khác từ xưa đến nay.</p> <p>+ Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam: Là nét nổi bật trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt, là di sản quý báu của dân tộc được hình thành từ rất sớm, được củng cố và phát huy qua hàng ngàn năm lịch sử.</p> <p>- Lòng yêu nước bắt nguồn từ những tình cảm đơn giản, trong một không gian nhỏ hẹp như: Tình yêu gia đình, yêu quê hương nơi chôn nhau cắt rốn, nơi mình sinh sống gắn bó (Đó là những tình cảm gắn với địa phương).</p> <p>- Từ khi hình thành quốc gia dân tộc Việt: Văn Lang - Âu Lạc những tình cảm gắn bó mang tính địa phương phát triển thành tình cảm rộng lớn - lòng yêu nước.</p> <p>- Ở thời kỳ Bắc thuộc lòng yêu nước biểu hiện rõ nét hơn.</p> <p>+ Qua ý thức bảo vệ những di sản văn hóa của dân tộc.</p> <p>+ Lòng tự hào về những chiến công, tôn kính các vị anh hùng chống đô hộ (Lập đền thờ ở nhiều nơi).</p> <p>⇒ Lòng yêu nước được nâng cao và khắc sâu hơn để từ đó hình thành truyền thống yêu nước Việt Nam.</p> <p>II. PHÁT TRIỂN VÀ TÔI LUYỆN TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC TRONG CÁC THẾ KỶ PHONG KIẾN ĐỘC LẬP</p> <p>* Bối cảnh lịch sử</p> <p>- Đất nước trở lại độc lập, tự chủ.</p> <p>- Nhưng sau 1000 năm Bắc thuộc nền kinh tế trở nên lạc hậu, đói nghèo.</p>
---	---

<p>- GV phát vấn: Em hãy nêu bối cảnh lịch sử của dân tộc và cho biết bối cảnh ấy đặt ra yêu cầu gì?</p> <p>- HS dựa vào SGK trả lời.</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, kết luận:</p> <p>- GV bổ sung, yêu cầu: xây dựng đất nước mới và bảo vệ Tổ quốc là một thử thách với lòng yêu nước của người Việt Nam → Lòng yêu nước càng được phát huy cao độ.</p> <p>- HS nghe, ghi chép</p> <p>Hoạt động 4: Cả lớp, cá nhân</p> <p>- GV yêu cầu HS theo dõi SGK để trả lời câu hỏi: Trong 9 thế kỷ độc lập truyền thống yêu nước được biểu hiện như thế nào?</p> <p>- HS theo dõi SGK phát biểu.</p> <p>- GV chốt ý.</p> <p>- HS nghe, ghi chép:</p> <p>Hoạt động 5: Cả lớp, cá nhân</p> <p>- GV đặt vấn đề: Qua tìm hiểu ta thấy truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam được biểu hiện rất đa dạng ở những mức độ khác nhau:</p> <p>+ Hy sinh, xả thân vì nước.</p> <p>+ Tự hào về đất nước, tôn kính những vị anh hùng dân tộc.</p> <p>+ Lao động sáng tạo làm giàu cho cộng đồng, cho đất nước.</p> <p>+ Chống giặc ngoại xâm. Bảo vệ độc lập.</p> <p>+ Giữ gìn di sản văn hóa của dân tộc.</p> <p>+ Làm những việc ích nước, lợi nhà...</p> <p>Trong đó biểu hiện đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến là chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc.</p> <p>- HS nghe, ghi nhớ.</p> <p>- GV phát vấn: Tại sao có thể xem nét đặc trưng cơ bản của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến là chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc?</p>	<p>- Các thế lực phương Bắc chưa từ bỏ âm mưu xâm phương Nam.</p> <p>→ Trong bối cảnh ấy lòng yêu nước ngày càng được phát huy, tôi luyện.</p> <p>*Biểu hiện:</p> <p>+ Ý thức vươn lên xây dựng phát triển nền kinh tế tự chủ, nên văn hóa đậm đà bản sắc truyền thống của dân tộc.</p> <p>+ Tinh thần chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc của mỗi người Việt.</p> <p>+ Ý thức đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mọi dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>+ Lòng tự hào dân tộc, biết ơn tổ tiên</p> <p>+ Ý thức vì dân, thương dân của giai cấp thống trị tiến bộ - yêu nước gắn với thương dân - mang yếu tố nhân dân.</p> <p>III. Nét đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến</p>
--	---

<p>- HS theo dõi SGK kết hợp với những kiến thức đã học để trả lời.</p> <p>- GV bổ sung, kết luận.</p> <p>+ Đề minh họa yêu cầu HS điểm lại tất cả các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa giành và giữ độc lập dân tộc của nhân dân ta trước thế kỷ XIX. Qua đó HS thấy được trên thế giới có lẽ không có dân tộc nào trải qua các cuộc chiến chống xâm lược như Việt Nam.</p> <p>- HS nghe, ghi chép.</p> <p>- GV có thể đàm thoại với HS về những biểu hiện của lòng yêu nước hiện nay, lấy VD những việc làm cụ thể, thông qua đó giáo dục HS.</p>	<p>- Dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm.</p> <p>Trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm nhân dân Việt Nam đã đoàn kết nhất trí đồng lòng vượt qua gian khổ, hy sinh, phát huy tài năng, trí tuệ, chiến đấu dũng cảm giành thắng lợi cuối cùng.</p> <p>- Cũng trong chiến đấu chống ngoại xâm lòng yêu nước trở nên trong sáng chân thành và cao thượng hơn bao giờ hết.</p> <p>→ Đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập trở thành nét đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam.</p>
---	---

3. Luyện tập

- Quá trình hình thành, tôi luyện, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam.
- Nét đặc trưng cơ bản của truyền thống yêu nước.

4. Vận dụng và mở rộng: Lòng ghép trong bài học

V. HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ

HS trả bài, trả lời câu hỏi theo SGK

Chuẩn bị các nội dung để kiểm tra 1 tiết

Tiết thứ 35

Ngày soạn: / /2019

KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ II MÔN LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

HS trình bày và nhận xét được nhà nước Văn Lang- Âu Lạc; Nhận xét được các chính sách cai trị của chế độ phong kiến phương Bắc đối với nước ta. Nêu, phân tích và nhận xét được tình hình CT, KT, VH nước ta thời phong kiến từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XIX

2. Kỹ năng:

Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng: đọc, phân tích, chọn đáp án đúng nhất. Kỹ năng làm bài tập trắc nghiệm.

3.Thái độ:

Bồi dưỡng cho HS thái độ kính trọng, tôn trọng những thành quả của con người, yêu quê hương đất nước..

4. Định hướng các năng lực hình thành: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề.

II.HÌNH THỨC KIỂM TRA: Trắc nghiệm+ tự luận

III. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Chương I				I.3
<i>Số câu: 7</i> <i>Số điểm: 1,75 đ</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm:0,5 đ</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm:0,5 đ</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm:0,5đ</i>	
Chương II		Trình bày tình hình KT thế kỷ X-XV, XVI-XVII	Nhận xét về tình hình kinh tế	
<i>Số câu: 9</i> <i>Số điểm: 5,0 đ</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm:0,5 đ</i>	<i>TL: 1-2 điểm</i> <i>TN Số câu:0</i> <i>Số điểm: 0</i>	<i>TL: 1-1điểm</i> <i>TN Số câu: 0</i> <i>Số điểm:0</i>	<i>Số câu:4</i> <i>Số điểm:1,0 đ</i>
Chương III				
<i>Số câu: 8</i> <i>Số điểm: 2,0 đ</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 0,5 đ</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm:0.5 đ</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Số điểm:1 đ</i>	<i>Số câu:4</i> <i>Số điểm:1,0 đ</i>
Chương IV				
<i>Số câu: 4</i> <i>Số điểm: 1,0 đ</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm:0,5 đ</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Số điểm: 0 đ</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm:0,5 đ</i>	
<i>Tổng số câu: 28</i> <i>Tổng số điểm:7</i>	<i>Số câu: 8</i> <i>Số điểm 2,0 đ</i>	<i>Số câu:1 TL- 4 TN</i> <i>Số điểm 3,0 đ</i>	<i>Số câu: 1TL- 8TN</i> <i>Số điểm 3,0 đ</i>	<i>Số câu: 8</i> <i>Số điểm 2,0 đ</i>

ĐỀ:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (28 câu/7đ)

Câu 1: Cuộc khởi nghĩa của Lý Bí nhằm chống lại ách cai trị của

- A. Nhà Ngô B. Nhà Lương C. Nhà Tống D. Nhà Hán

Câu 2: Sai lầm nghiêm trọng trong chính sách ngoại giao của Nhà Mạc là

- A. thần phục Trung Quốc và các nước Phương Nam
- B. cắt Lào, Chân Lạp thần phục
- C. thực hiện chính sách “bế quan tỏa cảng”
- D. cắt đất thần phục nhà Minh

Câu 3: Bài học được rút ra để Việt Nam có thể bắt kịp sự phát triển của các nước tiên tiến trên thế giới hiện nay là

- A. khuyến khích học chữ Hán và chữ Nôm.
- B. đẩy mạnh phát triển khoa học – kĩ thuật.
- C. chú trọng các nội dung kinh, sử trong giáo dục.
- D. tích cực phát triển Nho giáo.

Câu 4: Nền văn hóa là tiền đề cho sự ra đời của quốc gia Văn Lang là

- A. văn hóa Hòa Bình B. văn hóa Đông Sơn C. văn hóa Óc Eo D. văn hóa Sa Huỳnh

Câu 5: Điểm **giống nhau** giữa khởi nghĩa Hai Bà Trưng và khởi nghĩa Lý Bí là gì?

- A. Diễn ra qua hai giai đoạn: khởi nghĩa và kháng chiến
- B. Chống ách đô hộ của nhà Hán
- C. Chống ách đô hộ của nhà Đường
- D. Khởi nghĩa thắng lợi, mở ra giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc

Câu 6: Ý nào phản ánh đúng về đóng góp của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc?

- A. Bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.
- B. Thống nhất hoàn toàn đất nước.
- C. Hỗ trợ vua Lê nắm quyền trở lại trên cả nước.
- D. Đánh bại ba lần xâm lược của quân Mông – Nguyên, Xiêm và Thanh.

Câu 7: Nét mới về ngoại thương ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII là

- A. sự ra đời của các cơ quan chuyên trách việc buôn bán với nước ngoài
- B. sự ra đời của những đội thuyền lớn để buôn bán với châu Âu
- C. Đàng Trong đã hình thành các thương cảng lớn nhất đất nước
- D. xuất hiện những thương nhân đến từ châu Âu

Câu 8: Biểu hiện phát triển vượt bậc của thủ công nghiệp nước ta trong các thế kỉ X – XV là

- A. sự ra đời của đô thị Thăng Long
- B. hệ thống chợ làng phát triển
- C. sự phong phú của các mặt hàng mỹ nghệ
- D. sự hình thành các làng nghề thủ công truyền thống

Câu 9: Hãy sắp xếp tên các triều đại phong kiến nước ta theo thứ tự thời gian:

- A. Ngô, Đinh - Tiền Lê, Trần, Lý, Lê Sơ, Hồ B. Ngô, Đinh - Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê Sơ
- C. Đinh - Tiền Lê, Trần, Lý, Ngô, Hồ, Lê Sơ D. Ngô, Đinh - Tiền Lê, Trần, Lý, Hồ, Lê Sơ

Câu 10: Hoạt động kinh tế chính của cư dân Đông Sơn có gì khác so với cư dân Phùng Nguyên ?

- A. Có hoạt động buôn bán, trao đổi giữa các vùng
- B. Xuất hiện phân công giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp
- C. Phát triển một số nghề thủ công
- D. Nông nghiệp trồng lúa nước

Câu 11: Ý **không** phản ánh chính xác hoạt động đối nội của nhà nước phong kiến Việt Nam trong các thế kỉ X – XV là

- A. coi trọng đến việc bảo vệ an ninh đất nước
- B. thực hiện chính sách đoàn kết với các dân tộc

- C. cho phép các tù trưởng miền núi lập thành vùng tự trị
- D. chăm lo đến đời sống nhân dân

Câu 12: Con sông lịch sử chia cắt đất nước thành Đàng Trong và Đàng Ngoài

- A. Sông Mã B. Sông Bến Hải C. Sông Gianh D. Sông Hồng

Câu 13: Đất nước ta bị chia cắt trong những thế kỉ XVI – XVIII là do

- A. sự phát triển của các vùng miền đất nước theo các chiều hướng khác
- B. những biến động của tình hình thế giới tác động đến nước ta
- C. nhu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới
- D. quyền lợi của các tập đoàn phong kiến trong nước

Câu 14: Việc đắp đê từ đầu nguồn đến cửa biển dọc các con sông lớn (đê quai vạc) được thực hiện bắt đầu từ triều đại nào?

- A. Nhà Trần B. Nhà Lý C. Nhà Tiền Lê D. Nhà Lê sơ

Câu 15: Ý nào **không** phản ánh đúng những biến đổi lớn của nhà nước phong kiến Việt Nam trong các thế kỉ XVI – XVIII?

- A. Cục diện Đàng Trong – Đàng Ngoài B. Cục diện Nam triều – Bắc triều
- C. Triều Lê sơ tiến hành cải cách hành chính D. Cục diện vua Lê – chúa Trịnh

Câu 16: Trung tâm chính trị văn hóa và đô thị lớn nhất của nước Đại Việt trong các thế kỉ X – XV là

- A. Thăng Long (Hà Nội) B. Hội An (Quảng Nam)
- C. Phố Hiến (Hưng Yên) D. Thanh Hà (Phú Xuân – Huế)

Câu 17: Các triều đại phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đồng hóa về văn hóa đối với nhân dân ta nhằm mục đích

- A. bảo tồn và phát triển tinh hoa văn hóa phương Đông
- B. phát triển văn hóa Hán trên đất nước ta
- C. khai hóa văn minh cho nhân dân ta
- D. nô dịch, đồng hóa nhân dân ta về văn hóa

Câu 18: Sau khi làm chủ hầu hết các vùng Đàng Trong, lịch sử đặt ra cho phong trào Tây Sơn nhiệm vụ gì?

- A. Tiến quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh
- B. Tiến quân ra Bắc hội quân với vua Lê để đánh đổ chúa Trịnh
- C. Tiến quân ra Bắc đánh đổ chính quyền Lê – Trịnh, thực hiện sứ mệnh thống nhất đất nước
- D. Tiêu diệt chúa Trịnh lập nên triều đại mới

Câu 19: Để bóc lột nhân dân ta, chính quyền đô hộ phương Bắc đã thực hiện chính sách nhất quán nào?

- A. Đầu tư phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp để tận thu nguồn lợi
- B. Đặt ra nhiều loại thuế bất hợp lí hòng tận thu mọi sản phẩm do nhân dân làm ra
- C. Bóc lột, cống nạp nặng nề; cướp ruộng đất, lập đồn điền; nắm độc quyền về muối và sắt
- D. Cải cách chế độ thuế, tăng thuế ruộng khiến người dân thêm khổ

Câu 20: Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938 là gì?

- A. Buộc quân Nam Hán phải từ bỏ mộng xâm lược nước ta
- B. Để lại bài học về khoan thư sức dân trong kế sách giữ nước
- C. Nâng cao vị thế của nước ta trong khu vực
- D. Mở ra thời đại độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc

Câu 21: Ý nào **không** phản ánh đúng điểm nổi bật của các cuộc khởi nghĩa chống các triều đại phong kiến phương Bắc thời Bắc thuộc?

- A. Liên tiếp nổ ra ở ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam
- B. Được đông đảo nhân dân tham gia, hưởng ứng.
- C. Nhiều cuộc khởi nghĩa đã được thắng lợi, lập được chính quyền tự chủ một thời gian
- D. Mở ra thời kì độc lập lâu dài của dân tộc

Câu 22: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự phát triển của thủ công nghiệp nước ta trong các thế kỉ X – XV là do

- A. đất nước độc lập, thống nhất và phát triển của nông nghiệp
- B. nhà nước đã có nhiều chính sách để phát triển các làng nghề
- C. nhân dân đã tiếp thu thêm nhiều nghề mới từ bên ngoài
- D. nhu cầu trong nước ngày càng tăng

Câu 23: Đặc điểm của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc là

- A. còn đơn giản sơ khai nhưng là tổ chức nhà nước điều hành một quốc gia, không còn là tổ chức bộ lạc
- B. bộ máy nhà nước khá hoàn chỉnh, đứng đầu là vua
- C. nhà nước ra đời sớm nhất ở khu vực châu Á
- D. bộ máy nhà nước phức tạp với nhiều bộ phận, đứng đầu là vua

Câu 24: Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngoại thương ở nước ta phát triển mạnh mẽ trong các thế kỉ XVI – XVIII là gì?

- A. Do sản phẩm thủ công ngày càng nhiều đã thu hút các thương nhân nước ngoài đến buôn bán
- B. Do sự phát triển giao lưu buôn bán trên thế giới và chính sách mở cửa của chính quyền Trịnh, Nguyễn
- C. Do chính quyền Trịnh, Nguyễn đánh thuế nhẹ đối với các thương nhân nước ngoài
- D. Do nước ta có nhiều cửa biển thuận lợi cho việc giao thương

Câu 25: Bộ máy nhà nước phong kiến ở nước ta được tổ chức hoàn chỉnh dưới triều vua

- A. Lê Thánh Tông B. Lê Thái Tổ C. Trần Thánh Tông D. Lý Thái Tổ

Câu 26: Tính chất của các cuộc chiến tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến Việt Nam diễn ra trong suốt các TK XVI – XVIII?

- A. là cuộc cách mạng tư sản.
- B. là cuộc nội chiến.
- C. là cuộc chiến tranh phi nghĩa giữa các thế lực phong kiến đối lập.
- D. là cuộc chiến tranh chính nghĩa bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ.

Câu 27: Nghề thủ công nổi tiếng của cư dân Đông Sơn là

- A. đúc đá, khảm trai B. làm đồ gốm
- C. đúc đồng D. chế tác đồ thủy tinh, dệt vải

Câu 28: Nguyên nhân cơ bản khiến nhà Lê sơ đánh mất vai trò tích cực của mình trong tiến trình xây dựng đất nước?

- A. Do vua quan ăn chơi sa đọa, nội bộ triều đình tranh giành quyền lực.
- B. Do Mạc Đăng Dung cướp ngôi, lập ra nhà Mạc.
- C. Do cuộc khởi nghĩa của nông dân chống đối nhà Lê diễn ra khắp nơi.
- D. Do nhà Lê thần phục nhà Minh của Trung Quốc.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3đ)

Trình bày tính hình kinh tế nông nghiệp nước ta thế kỷ X-XV? Nhận xét

ĐÁP ÁN**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
B	D	B	B	A	A	D	D	B	B	D	C	D	A
15	16	1	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
C	A	D	C	C	D	D	A	A	B	A	B	C	A

II. PHẦN TỰ LUẬN:**Đề 123:****Kinh tế nông nghiệp thế kỷ X-XV**

- Diện tích đất ngày càng mở rộng:

- + Nhân dân tích cực khai hoang vùng châu thổ sông lớn và ven biển.
- + Các vua Trần khuyến khích các vương hầu quý tộc khai hoang lập điền trang.
- + Vua Lê cấp ruộng đất cho quý tộc, quan lại đặt phép quân điền.

- Thủy lợi được nhà nước quan tâm mở mang.

+ Nhà Lý đã cho xây đắp những con đê đầu tiên.

+ 1248, nhà Trần cho đắp đê quai vạc dọc các sông lớn từ đầu nguồn đến cửa biển. Đặt cơ quan: Hà đê sứ.

- Các nhà nước Lý - Trần - Lê đều quan tâm bảo vệ sức kéo, phát triển của giống cây nông nghiệp.

+ Nhà nước cùng nhân dân góp sức phát triển nông nghiệp.

+ Chính sách của nhà nước đã thúc đẩy nông nghiệp phát triển

Nhận xét: đời sống nhân dân ấm no hạnh phúc, trật tự xã hội ổn định, độc lập được củng cố.

Đề 169:

- Từ cuối thế kỷ XV đến nửa đầu thế kỷ XVII: nông nghiệp sa sút.

- Từ nửa sau thế kỷ XVII: phát triển.

+ Ruộng đất ở cả 2 Đàng mở rộng, nhất là ở Đàng Trong.

+ Thủy lợi được củng cố.

+ Giống cây trồng ngày càng phong phú.

+ Kinh nghiệm sản xuất được đúc kết.

- Chế độ tư hữu ruộng đất ngày càng tập trung trong tay địa chủ.

PHẦN BA

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

CHƯƠNG

1

**CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN
(TỪ GIỮA THẾ KỶ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XVIII)**

BÀI 29

CÁCH MẠNG HÀ LAN VÀ CÁCH MẠNG ANH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- HS trình bày được tình hình nước Anh trước cách mạng. Phân tích được nguyên nhân sâu xa của cuộc CMTS Anh.
- Nêu được nét chính về diễn biến.
- Nêu và rút ra được ý nghĩa, tính chất của cuộc cách mạng tư sản Anh.

2. Tư tưởng, tình cảm, thái độ

- Cách mạng tư sản trong buổi đầu thời cận đại thể hiện mặt tích cực ở việc loại bỏ chế độ phong kiến ở một số quốc gia châu Âu, song chỉ là sự thay đổi hình thức bóc lột khác mà thôi. Một chế độ bóc lột mới, tinh vi và tàn bạo đang hình thành.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, khái quát, tổng hợp, đánh giá sự kiện.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- * Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- * Năng lực chuyên biệt:
 - Năng lực tái hiện sự kiện
 - Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV-HS:

1. GV: Bản đồ thế giới; Bản đồ các vùng Tây Âu, Anh Ô-li-vơ Crôm-oen.

2. HS: Sách giáo khoa, dụng cụ học tập,

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp:

GV cho HS xem các hình ảnh về nước Anh và đặt câu hỏi: Những hình ảnh này cho các em biết về quốc gia nào?

c. Dự kiến sản phẩm: Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và dẫn dắt:

GV khái quát: giai đoạn hậu kì trung đại (thế kỷ XV - XVII), chế độ phong kiến khủng hoảng, suy vong. Giai cấp tư sản tuy mới ra đời nhưng đã hoàn toàn nhanh chóng khẳng định thế lực kinh tế ngày càng lớn mạnh của mình. Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống chế độ phong kiến thể hiện trước hết trên lĩnh vực tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật... là bước dọn đường cho những cuộc cách mạng tư sản sớm không thể tránh khỏi ở Tây Âu. Nhưng vì sao, những

những cuộc cách mạng tư sản sản ở xứ sở "sương mù"? Ý nghĩa của những sự kiện đó đối với tiến trình của lịch sử nhân loại ra sao? Chúng ta sẽ nghiên cứu làm sáng tỏ vấn đề này trong bài học hôm nay (GV ghi tiêu đề bài học).

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu về cuộc cách mạng tư sản ở Anh (cặp đôi)</p> <p>GV cho học sinh làm việc cặp đôi.</p> <p>GV? Sự phát triển của nền kinh tế Anh được thể hiện như thế nào?</p> <p>HS thảo luận và trình bày. GV nhận xét, chốt ý</p> <p>GV miêu tả cảnh "Rào đất cướp ruộng" (Hình ảnh "Cừu ăn thịt người" của nhà văn Tomat Morơ), sau đó hướng dẫn HS lí giải vì sao tư sản, quý tộc mới ở Anh giàu lên nhanh chóng như vậy.</p> <p>-, GV tiếp tục dẫn dắt HS giải quyết: Mâu thuẫn trong lòng xã hội Anh biểu hiện như thế nào? Hướng giải quyết mâu thuẫn đó?</p> <p>HS suy nghĩ trả lời. GV nhận xét</p> <p>GV hướng dẫn HS theo dõi những diễn biến chính của cách mạng (có thể lập bảng niên biểu sự kiện theo dữ liệu sau).</p> <p>Dựa vào niên biểu, hướng dẫn HS nắm được hướng phát triển của cách mạng Anh qua các mốc chính, sau đó lí giải vấn đề:</p> <p>+ Vì sao cách mạng Anh có sự thỏa hiệp giữa Quốc hội với lực lượng phong kiến cũ?</p> <p>+ Vì sao nói cách mạng Anh là cuộc cách mạng bảo thủ?</p> <p>GV? Trình bày ý nghĩa cuộc cách mạng tư sản Anh?</p> <p>Phân tích tính chất của cuộc cách mạng</p>	<p>I. Cách mạng tư sản Anh</p> <p>1. Tình hình nước Anh trước cách mạng</p> <p>a. Kinh tế: Đầu thế kỷ XVII, nền kinh tế nước Anh phát triển nhất châu Âu.</p> <p>b. Chính trị: Chế độ phong kiến</p> <p>c. Xã hội: Tư sản, quý tộc mới giàu lên nhanh chóng</p> <p>Tư sản, quý tộc mới mâu thuẫn với chế độ phong kiến.</p> <p>2. Diễn biến của cách mạng</p> <p>+ Năm 1642 - 1648: nội chiến ác liệt (Vua - Quốc hội)</p> <p>+ Năm 1649: xử tử vua, nước cộng hòa ra đời, cách mạng đạt đến đỉnh cao.</p> <p>+ 1653: Nền độc tài được thiết lập (một bước tụt lùi)</p> <p>+ Năm 1688: Quốc hội tiến hành chính biến, sau đó chế độ quân chủ lập hiến được xác lập.</p> <p>3. Ý nghĩa</p> <p>Lật đổ chế độ phong kiến mở đường cho CNTB ở Anh phát triển.</p> <p>Mở ra thời kỳ quá độ từ chế độ PK sang chế độ tư bản.</p>

	4. Tính chất: Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản không triệt để
--	--

3. Luyện tập:

GV hướng dẫn HS nhận thức vấn đề chủ yếu sau:

- Vì sao cuộc cách mạng tư sản Anh nổ ra dưới hình thức một cuộc nội chiến?
- Cả hai cuộc cách mạng nói trên có gì giống nhau?
- Tổng kết nội dung trên, GV củng cố để HS hiểu rõ khái niệm cách mạng tư sản (cả nội hàm và ngoại diên của khái niệm)..

4. Vận dụng và nâng cao: Đã lồng ghép trong bài

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Học bài cũ, làm bài tập SGK
- Chuẩn bị trước bài mới: Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ
- + Nguyên nhân của cuộc chiến tranh
- + Diễn biến
- + Kết quả. Ý nghĩa và tính chất

Tiết thứ 37

Ngày soạn: / /2019

BÀI 30
CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MỸ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**1. Kiến thức:** Yêu cầu HS:

- Trình bày và phân tích được nguyên nhân sâu xa và trực tiếp của cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ

- Nắm được các sự kiện cơ bản của diễn biến. Nêu được nội dung của Tuyên ngôn độc lập, liên hệ đến bản Tuyên ngôn độc lập của nước ta.
- Phân tích, rút ra được ý nghĩa lịch sử và tính chất của cuộc chiến

2. Tư tưởng, tình cảm, thái độ

Chiến tranh giành độc lập thắng lợi, hợp chủng quốc Mỹ ra đời, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh chống phong kiến châu Âu và phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latinh sau này. Tuy vậy, chế độ nô lệ vẫn tồn tại ở Mỹ, quần chúng nhân dân vẫn không được hưởng những thành quả cách mạng mà họ đã phải đổi bằng xương máu của chính mình.

3. Kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan, kỹ năng phân tích, khái quát, tổng hợp, đánh giá sự kiện.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV-HS:

1. GV: Bản đồ 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ; ảnh Bạo động ở Bô- xton, Gioóc giơ Oa-sinh-ton, Đại hội lục địa...(GV có thể lựa chọn nhiều tài liệu trực quan sinh động).

2. HS: Sách giáo khoa, dụng cụ học tập....

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV cho HS xem các hình ảnh về nước Mỹ và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Các hình ảnh này cho các em biết về quốc gia nào?

c. Dự kiến sản phẩm: Sau khi HS trả lời, GV nhận xét. Sau đó dẫn dắt về cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu nguyên nhân bùng nổ cuộc chiến tranh (cá nhân) - GV giới thiệu trên bản đồ vị trí của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và nêu câu hỏi: 13 thuộc địa của Anh được ra đời như thế nào? GV gợi ý để HS nhớ lại kiến thức cũ làm nền cho nhận thức kiến thức mới: + Cuộc di dân từ châu Âu sang châu Mỹ từ sau cuộc phát kiến địa lý của Cristtoph Côlômbô. + Quá trình chinh phục người In-đi-an,	1. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Bắc Mỹ. Nguyên nhân bùng nổ chiến tranh - Nửa đầu thế kỷ XVIII, 13 thuộc địa Anh được ra đời dọc bờ biển Đại Tây Dương (1,3 triệu người)

<p>đuổi họ về phía Tây. + Đưa nô lệ da đen từ châu Phi sang khai phá đồn điền... + Nền kinh tế TBCN ở 13 thuộc địa Anh phát triển như thế nào. HS dựa vào SGK để trình bày sự phát triển kinh tế ở 2 miền (Bắc - Nam), quan trọng hơn là biết cách lí giải vì sao lại có sự khác nhau về ngành nghề sản xuất ở các khu vực đó. GV? Sự phát triển kinh tế ở 13 thuộc địa đặt ra những yêu cầu gì? Tại sao chính phủ Anh lại kìm hãm sự phát triển kinh tế ở thuộc địa? Chính phủ Anh đã làm gì để kìm hãm sự phát triển kinh tế thuộc địa? Hậu quả của những chính sách đó ra sao? GV lấy kết quả thảo luận để lý giải nguyên nhân dẫn đến việc bùng nổ cuộc chiến tranh đòi quyền độc lập của tất cả các tầng lớp nhân dân 13 thuộc địa Anh.</p> <p>Hoạt động2: Tìm hiểu diễn biến của cuộc chiến. (Cặp đôi) GV hướng dẫn HS lập niên biểu cuộc chiến. Cho HS tìm hiểu các sự kiện cơ bản - GV cho HS quan sát bức tranh Đại hội lục địa lần hai, chân dung Oa-sinh-ton, nêu câu hỏi thu hút sự chú ý của HS: Ông là ai? Em biết gì về ông? Trong quá trình hướng dẫn HS thảo luận, cần chú ý nhấn mạnh tài thao lược quân sự của Oa-sinh-ton (chinh đồn quân đội, thay đổi hình thức tác chiến...), đồng thời phân tích tác dụng của bản Tuyên ngôn độc lập đối với việc kích thích tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân thuộc địa (có thể liên hệ với bản tuyên ngôn độc lập ngày 2 - 9 - 1945 của ta). Nhờ đó tình hình thay đổi theo hướng ngày càng có lợi cho nghĩa quân. GV sử dụng sơ đồ cơ cấu tổ chức nhà nước Mỹ.</p>	<p>- Giữa thế kỷ XVIII, nền công thương nghiệp TBCn ở đây phát triển</p> <p>- Sự phát triển kinh tế công, nông nghiệp thúc đẩy thương nghiệp, giao thông, thông tin, thống nhất thị trường, ngôn ngữ</p> <p>- Sự kìm hãm của chính phủ Anh làm cho mâu thuẫn ở 13 thuộc địa trở nên gay gắt, dẫn đến việc bùng nổ chiến tranh.</p> <p>2. Diễn biến chiến tranh và sự thành lập Hợp chủng quốc Mỹ</p> <p>- Sau sự kiện Bô-xtơn, nguy cơ cuộc chiến đến gần. Đại hội lục địa lần thứ nhất được triệu tập (9 - 1774), yêu cầu vua Anh bãi bỏ chính sách hạn chế công thương nghiệp.</p> <p>- Tháng 5 - 1775 Đại hội lục địa lần thứ hai được triệu tập + Quyết định xây dựng quân đội lục địa + Cử Gioóc-giơ Oa-sinh-ton làm tổng chỉ huy quân đội + Thông qua bản Tuyên ngôn độc lập (4 - 7 - 1776), tuyên bố thành lập Hợp chủng quốc Mỹ. - Ngày 17 - 10 - 1777 chiến thắng Xa-ra-tô-ga, tạo ra bước ngoặt cuộc chiến. - Năm 1781 trận I-oóc-tao giáng đòn quyết định,</p>
---	---

Giới thiệu Ông-sinh-ton được bầu làm tổng thống đại diện của người Mĩ (cùng bùng nổ cuộc Đại cách mạng 1789)
Hoạt động 3 : Tìm hiểu kết quả, ý nghĩa và tính chất (cặp đôi- nhóm nhỏ)

GV ? Trình bày kết quả, ý nghĩa và tính chất của cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa.
 HS làm việc cặp đôi, trả lời. GV nhận xét, chốt ý
 GV cho HS làm việc theo nhóm nhỏ Phân tích tính chất của cuộc chiến ? HS thảo luận, trả lời. GV nhận xét.
3. Kết quả và ý nghĩa của Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh (1775-1783). Anh công nhận
 Theo hòa ước Véc-xai (9 tháng 9 năm 1783), Anh công nhận
 Năm 1787 thông qua hiến pháp củng cố vị trí nhà nước
 Ý nghĩa:
 + Giải phóng Bắc Mĩ khỏi chính quyền Anh, thành lập nước Mĩ độc lập.
 + Góp phần thúc đẩy cách mạng chống phong kiến ở châu Mỹ.
 Tính chất : là cuộc cách mạng dân chủ tư sản không đổ máu.

3. Luyện tập

GV hướng dẫn HS nhận thức vấn đề chủ yếu sau:

- Vì sao cách mạng tư sản ở Bắc Mĩ nổ ra dưới hình thức một cuộc chiến tranh giành độc lập?
- Nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của cuộc cách mạng tư sản đó?

4. Vận dụng và nâng cao : GV tiếp tục củng cố để HS hiểu rõ khái niệm cách mạng tư sản. So sánh cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ với cách mạng tư sản Hà Lan, cách mạng tư sản Anh để thấy sự đa dạng về hình thức của cách mạng tư sản trong buổi đầu thời cận đại.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Học bài cũ, làm bài tập SGK
- Chuẩn bị trước bài mới: Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII
- + Nguyên nhân của cuộc chiến tranh
- + Diễn biến
- + Kết quả. Ý nghĩa và tính chất

Tiết thứ 38-39

Ngày soạn: / /2019

BÀI 31

CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỶ XVIII

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức : Yêu cầu học sinh

- Trình bày và phân tích được nguyên nhân sâu xa và trực tiếp của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.
- Nắm được các sự kiện cơ bản của diễn biến. Nêu được nội dung của Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền. liên hệ đến bản Tuyên ngôn độc lập của nước ta.

- Chứng minh được thời kỳ Giacobanh là đỉnh cao của cách mạng
- Phân tích, rút ra được ý nghĩa lịch sử và tính chất của cuộc chiến

2. Tư tưởng, tình cảm, thái độ

- Quần chúng nhân dân, động lực chủ yếu thúc đẩy sự nghiệp cách mạng Pháp đạt đến đỉnh cao là nền chuyên chính Gia-cô-banh, họ xứng đáng là người sáng tạo ra lịch sử.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan, kỹ năng phân tích, khái quát, tổng hợp, đánh giá sự kiện.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, , máy tính, tranh ảnh liên quan

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV cho HS xem các hình ảnh và đặt câu hỏi: *những hình ảnh này cho các em biết về quốc gia nào?*

c. Dự kiến sản phẩm: Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Cuối thế kỷ XVIII, giữa Pa-ri hoa lệ của nước Pháp - "Kinh đô châu Âu", đã bùng nổ một cuộc cách mạng "long trời lở đất". Thành quả chính của cuộc cách mạng đó được Lê-nin nhấn mạnh rằng: "Nó xứng đáng là cuộc đại cách mạng vì đã làm biết bao việc cho giai cấp của nó tức là giai cấp tư sản, để đến trọn thế kỷ XIX, thế kỷ đem lại ánh sáng và văn hóa, văn minh cho nhân loại đều diễn ra dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng vĩ đại này". Vì sao cuộc cách mạng tư sản ở trung tâm châu Âu lại trở nên điển hình hơn bất cứ một cuộc cách mạng tư sản nào của thời kì cận đại, chúng ta sẽ nghiên cứu làm sáng tỏ vấn đề này trong bài học hôm nay (GV ghi tiêu đề bài học).

2. Hình thành kiến thức mới.

TIẾT 1

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu tình hình nước Pháp trước cách mạng (nhóm) Nhóm 1: Tình hình kinh tế nước Pháp trước cách mạng? Nhóm 2: Tình hình xã hội nước Pháp trước cách mạng? GV cho HS thảo luận trong 5 phút Đại diện các nhóm trình bày	I. NƯỚC PHÁP TRƯỚC CÁCH MẠNG 1. Tình hình kinh tế - xã hội a. Kinh tế - Cuối thế kỷ XVIII, Pháp vẫn là nước nông nghiệp + Công cụ, kỹ thuật canh tác lạc hậu, năng suất thấp. + Lãnh chúa, Giáo hội bóc lột nông dân nặng

GV nhận xét, kết luận

GV cho HS xem các hình ảnh để làm rõ nội dung của bài học

Hoạt động 2: Tìm hiểu trào lưu triết học ánh sáng.

GV giới thiệu trào lưu "Triết học ánh sáng" thông qua những quan điểm tiêu biểu của Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Ru-xô. HS cần nhận thức rõ những tư tưởng đó không dừng ở việc phê phán chế độ phong kiến thối nát, giáo lí nhà thờ hủ lậu, mà quan trọng hơn là đặt cơ sở nền móng lí thuyết về việc xây dựng một chế độ xã hội mới. Nó thực sự là tư tưởng dọn đường cho cách mạng, là ngọn đuốc sáng cho nước Pháp khi vẫn còn trong đêm tối.

Hoạt động 3: Tìm hiểu tiến trình của cách mạng tư sản Pháp (nhóm nhỏ).

GV hướng dẫn HS lập bảng thống kê tiến trình cách mạng.

GV tường thuật trận tấn công phá ngục Ba-xi (có thể sử dụng đoạn trích trong bài thơ 14 - 7 của Tố Hữu).

- GV sử dụng bản đồ phong trào nhân dân Pháp (SGK), Bức tranh biếm họa Nông dân chặt vòi bạch tuột (Chính sách tô, thuế của phong kiến, Giáo hội ăn bám), nông dân đốt các lãnh địa phong kiến v.v...

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu những tư tưởng tiến bộ của Bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (Có thể liên hệ với Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam).

- HS nhận xét mặt tích cực và hạn chế của

nề.

- Công thương nghiệp phát triển
- + Máy móc sử dụng ngày càng nhiều (dệt, khai mỏ, luyện kim)
- + Công nhân đông, sống tập trung
- + Buôn bán mở rộng với nhiều nước.

b. Chính trị- xã hội:

- Chính trị: Chế độ phong kiến
- Xã hội chia thành 3 đẳng cấp
- + Tầng lớp: nắm đặc quyền
- + Quý tộc: kinh tế, chính trị, giáo hội.
- + Đẳng cấp thứ ba: Gồm TS, Nông dân, bình dân. Họ làm ra của cải, phải đóng mọi thứ thuế, không được hưởng quyền lợi chính trị.
- Mâu thuẫn xã hội gay gắt.

2. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng

***Thời gian:** Đầu thế kỷ XVIII

* **Đại biểu:** Môngtexkiô, Vôn-te, Rút-xô

***Nội dung:** Những tư tưởng tiến bộ phê phán những quan điểm lỗi thời, giáo lí lạc hậu, mở đường cho xã hội phát triển.

* **Ý nghĩa:** dọn đường cho cách mạng bùng nổ, định hướng cho một xã hội mới tương lai.

II. TIẾN TRÌNH CỦA CÁCH MẠNG

1. Cách mạng bùng nổ. Nền quân chủ lập hiến

- Ngày 5 - 5 - 1789 Hội nghị ba đẳng cấp ==> đẳng cấp thứ 3 phản đối.

- Ngày 14 - 7 - 1789, quần chúng phá ngục Ba-xi==>mở đầu cho cách mạng Pháp.

- Quần chúng nhân dân nổi dậy khắp nơi (cả thành thị và nông thôn), chính quyền của tư sản tài chính được thiết lập (Quốc hội lập hiến).

+ Thông qua Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền.

+ Ban hành chính sách khuyến khích công thương nghiệp phát triển.

+ Tháng 9 - 1791 thông qua hiến pháp, xác lập nền chuyên chính tư sản (quân chủ lập hiến).

những chính sách mà Quốc hội lập hiến ban hành. Vua Pháp tìm cách chống phá cách mạng, khôi phục lại chế độ phân quốc của nhà vua, cách mạng Pháp cần 721 chứng trạng giữa Pháp với liên minh phong kiến. Những biện pháp mà Quốc hội lập hiến và nhân dân Pháp tiến hành 1792. Quốc hội được bầu ở Pháp để làm nguy, qu Giai đoạn sau của cách mạng nước Pháp sẽ giúp ta trả lời câu hỏi này.

TIẾT 2

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu các chính sách của phái Giacobanh, cách mạng tư sản Pháp đạt đến đỉnh cao.</p> <p>- Bước 1: GV yêu cầu HS tìm hiểu, phân tích và nhận xét các chính sách của phái Giacobanh?</p> <p>HS thảo luận, trình bày, nhận xét. GV nhận xét và hướng dẫn HS so sánh với giai đoạn Girôngđanh. Từ đó rút ra kết kết luận.</p> <p>- Bước 2: GV nêu câu hỏi: Tại sao giữa lúc cách mạng đang lên cao, phái Giacobanh lại suy yếu? HS dựa vào SGK trả lời. GV nhận xét, phân tích quá trình suy yếu của phái Giacobanh.</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu thời kì thoái trào</p> <p>- Bước 1: GV sử dụng sơ đồ thoái trào của cách mạng pháp để giúp HS nhận thức rõ thời kỳ thoái trào của cách mạng.</p> <p>Hs nghe và ghi nhớ.</p> <p>Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa của cách mạng tư sản Pháp.</p> <p>- Bước 1: GV hướng dẫn HS rút ra và đánh giá ý nghĩa của cách mạng tư sản Pháp. HS dựa vào SGK trình bày ý nghĩa. GV nhận xét, kết luận.</p>	<p>3. Nền chuyên chính Giacobanh – đỉnh cao của cách mạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chính sách phái Giacobanh: + Trừng trị bọn phản cách mạng. + Giải quyết các quyền lợi cho nhân dân như: chia ruộng đất cho nông dân, quy định giá hàng hóa cho dân nghèo.... + Ban hành lệnh tổng động viên, xây dựng quân đội mạnh. + Thông qua hiến pháp mới, nới rộng các quyền tự do dân chủ. + Xóa nạn đầu cơ tích trữ. - Phái Giacobanh đã đánh đổ thù trong, giặc ngoài, đưa cách mạng đến đỉnh cao. - Do mâu thuẫn nội bộ nên phái này suy yếu, sau cuộc bạo động ngày 27 – 7 – 1794, thì chính quyền rơi vào tay bọn phản động. <p>4. Thời kỳ thoái trào.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau đảo chính, Ủy ban độc chính được thành lập. Thủ tiêu các thành quả của cách mạng. - 11 – 1799, nền độc tài của Na Pô Lê Ông được thiết lập. - 1815, chế độ quân chủ ở pháp được phục hồi. <p>III. Ý nghĩa của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB ở Pháp phát triển. - Giải quyết được vấn đề dân chủ. - Cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo,

- **Bước 2:** GV yêu cầu hs vẽ sơ đồ tiến trình cách mạng Pháp.
- **Bước 3:** GV yêu cầu hs vẽ sơ đồ tiến trình cách mạng Pháp.
- **Bước 4:** GV yêu cầu hs vẽ sơ đồ tiến trình cách mạng Pháp.

3. **Luyện tập:** GV cho HS làm các bài tập trắc nghiệm

4. **Vận dụng và nâng cao mở rộng:** So sánh tính chất của cuộc cách mạng tư sản Pháp với các cuộc cách mạng đã học.

Nội dung	Cách mạng TS Anh	CM ở Bắc Mỹ	CM TS Pháp
Nhiệm vụ			
Hình thức			
G/c lãnh đạo			
Lực lượng			
Hướng PT sau CM			

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Học bài cũ, làm bài tập SGK
- Chuẩn bị trước bài mới: Cách mạng công nghiệp ở Châu Âu
- + Tiền đề của cuộc cách mạng
- + Các thành tựu tiêu biểu
- + Hệ quả

Tiết thứ 40

Ngày soạn: / /2019

CHƯƠNG 2

CÁC NƯỚC ÂU - MỸ

(TỪ ĐẦU THẾ KỶ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX) BÀI 32

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP Ở CHÂU ÂU

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nắm được các mốc thời gian và thành tựu chủ yếu của cuộc Cách mạng công nghiệp ở nước Anh.
- Nắm được hệ quả của Cách mạng công nghiệp về kinh tế, xã hội và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- Hiểu được tác dụng của cuộc Cách mạng công nghiệp đối với việc xây dựng đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa hiện nay.

2. Tư tưởng:

Cùng với việc nâng cao năng suất lao động, giai cấp tư sản bóc lột đối với chủ công nhân ngày càng tinh vi và triệt để hơn. Đời sống của người lao động bị sa sút do đồng lương thấp kém, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ngày càng thêm sâu sắc.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng phân tích đánh giá bước phát triển của máy móc, tác động của cách mạng công nghiệp đối với kinh tế xã hội.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, máy tính, tranh ảnh liên quan

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV cho HS xem các hình ảnh về thành tựu của cuộc cách mạng CN. GV Những hình ảnh này cho các em biết điều gì? HS suy nghĩ trả lời. GV nhận xét và dẫn dắt bài học.

c. Dự kiến sản phẩm: Cuối thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX, ở các nước châu Âu đã có bước phát triển nhảy vọt trong lĩnh vực sản xuất. Đó là cuộc Cách mạng nhằm thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất thay thế cho lao động thủ công. Vì thực chất đây là cuộc Cách mạng kỹ thuật nhằm tạo ra năng suất lao động cao hơn Chủ nghĩa tư bản, củng cố nền tảng của chế độ mới. Để nắm vững những thành tựu chủ yếu của Cách mạng công nghiệp ở các nước Anh, Pháp, Đức như thế nào? Hệ quả của Cách mạng công nghiệp ra sao, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu cuộc cách mạng công nghiệp Anh Bước 1: (cá nhân) - GV trình bày và phân tích: Sau khi lật đổ	1. Cách mạng công nghiệp ở Anh - Anh là nước đầu tiên tiến hành cách mạng công nghiệp: + Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh.

<p>chế độ phong kiến, giai cấp tư sản lên nắm chính quyền đã tăng cường củng cố vị trí của mình bằng việc phát triển kinh tế Cách mạng công nghiệp đã đáp ứng yêu cầu đó tạo ra năng suất lao động cao hơn, khẳng định tính hơn hẳn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa so với phương thức sản xuất phong kiến vốn đã lạc hậu.</p> <p>- GV? Vì sao Cách mạng công nghiệp diễn ra đầu tiên ở Anh?</p> <p>- HS dựa vào vốn hiểu biết của mình và SGK trả lời câu hỏi.</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung và chốt ý:</p> <p>- GV nhấn mạnh: Yếu tố quan trọng hàng đầu của sự quá độ từ sản xuất thủ công sang sản xuất máy móc là sự tích lũy tư bản nguyên thủy (vốn ban đầu).</p> <p>Bước 2: Nhóm nhỏ</p> <p>- GV chia HS thành các nhóm nêu nhiệm vụ như sau: Hãy cho biết mốc thời gian và những thành tựu chủ yếu của Cách mạng công nghiệp Anh?</p> <p>- HS hoạt động theo nhóm, dựa vào SGK tìm hiểu và cử đại diện trình bày kết quả của nhóm mình. HS có thể bổ sung cho bạn.</p> <p>- GV nhận xét kết hợp trình bày và phân tích:</p> <p>+ Máy Gienni: ưu điểm là sử dụng từ 16 -18 cọc suốt mà chỉ do một công nhân điều khiển.</p> <p>+ Năm 1875 Ét-môn Các-rai chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước, đưa năng suất tăng gần 40 lần so với dệt tay.</p> <p>- GV? Tại sao Cách mạng công nghiệp lại bắt đầu từ ngành công nghiệp nhẹ?</p> <p>- HS dựa vào vốn kiến thức trả lời- GV nhận xét và kết luận: Những ngành này có truyền thống và phát triển mạnh ở Anh; thu hồi vốn nhanh, sản phẩm có thị trường tiêu thụ rộng.</p> <p>- GV trình bày: Năm 1784, Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước và được đưa vào sử dụng (Kết hợp giới thiệu máy hơi nước của Giêm Oát).</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Việc phát minh ra máy hơi nước và đưa vào sử dụng có ý nghĩa gì?</p> <p>- HS dựa vào SGK trả lời.</p> <p>- GV nhận xét và chốt ý:</p> <p>+ Nhờ có máy hơi nước mà các nhà máy có</p>	<p>+ Cách mạng nổ ra sớm, chính quyền thuộc vì trong giai cấp tư sản.</p> <p>+ Có hệ thống thuộc địa lớn.</p> <p>- Những phát minh về máy móc:</p> <p>+ Năm 1764 Giêm-ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi Gienni.</p> <p>+ Năm 1769 Ác-crai-tơ chế tạo ra máy kéo sợi chạy bằng hơi nước.</p> <p>+ Năm 1779 Crôm-ton cải tiến máy kéo sợi tạo ra sản phẩm đẹp, bền hơn.</p> <p>+ Năm 1785 Các-rai chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước, năng suất tăng 40 lần.</p> <p>+ Năm 1784 Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước và đưa vào sử dụng.</p> <p>- Luyện kim: Năm 1735 phát minh ra phương pháp nấu than cốc luyện gang thép, năm 1784 lò luyện gang đầu tiên được xây dựng.</p> <p>- Giao thông vận tải: Năm 1814 Xti-phen-xon chế tạo thành công đầu máy xe lửa.</p> <p>- Giữa thế kỷ XIX Anh trở thành công xưởng thế giới.</p>
--	--

thể xây dựng ở những nơi thuận tiện (không phụ thuộc vào điều kiện địa lý như phải gần sông, suối và thời tiết).

- Tốc độ sản xuất và năng suất lao động tăng lên rõ rệt, giảm sức lao động cơ bắp của con người. Lao động chân tay dần được thay thế bằng lao động máy móc.

- Năm 1825 nước Anh khánh thành đoạn đường sắt đầu tiên.

- GV kết luận: Đến giữa thế kỷ XIX, Anh được mệnh danh là công xưởng của thế giới. Luân Đôn trở thành một trung tâm thương mại với 80 vạn dân.

GV hướng dẫn HS về nhà tự tìm hiểu

Hoạt động 2: Phân tích hệ quả của cách mạng công nghiệp (cá nhân).

GV? Nêu hệ quả về kinh tế và xã hội của Cách mạng công nghiệp?

HS dựa vào SGK tự trả lời câu hỏi.

GV nhận xét, bổ sung và chốt ý:

2. Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức

3. Hệ quả của cách mạng công nghiệp

- Về kinh tế:

+ Nâng cao năng suất lao động làm ra khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội.

+ Thay đổi bộ mặt các nước tư bản, nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân ra đời.

- Về xã hội:

+ Hình thành 2 giai cấp mới là: tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

+ Tư sản công nghiệp nắm tư liệu sản xuất và quyền thống trị.

+ Vô sản công nghiệp làm thuê, đời sống cơ cực dẫn đến đấu tranh giữa vô sản với tư sản.

3. Luyện tập: GV yêu cầu HS trả lời : Những thành tựu của Cách mạng công nghiệp, hệ quả của Cách mạng công nghiệp? Yêu cầu HS làm các bài tập trắc nghiệm

4. Vận dụng và mở rộng: Đã lồng ghép trong bài học

V. DẶN DÒ HƯỚNG DẪN HỌC SINH LÀM BÀI TẬP

- Học bài cũ, đọc trước bài mới.

- Lập bảng thống kê về những phát minh của Cách mạng công nghiệp Anh theo nội dung sau:

Thời gian	Người phát minh	Tên phát minh	Tác động kinh tế

- Chuẩn bị bài mới: Hoàn thành cách mạng tư sản ở Châu Âu và Mỹ giữa thế kỷ XIX

Tiết thứ 41-42

Ngày soạn: / /2019

BÀI 33

HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU VÀ MỸ GIỮA THẾ KỶ XIX

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Nắm được nguyên nhân, diễn biến, kết quả của cuộc dân tộc thống nhất nước Đức
Giải thích được tại sao cuộc dân tộc thống nhất Đức là cuộc Cách mạng tư sản.

2. Tư tưởng, tình cảm

- Nhận thức đúng về vai trò của quần chúng nhân dân trong cuộc dân tộc chống các thế lực phong kiến, bảo thủ, lạc hậu đòi quyền tự do dân chủ.

3. Kỹ năng

Rèn luyện cho HS kỹ năng phân tích, giải thích các sự kiện lịch sử qua đó khẳng định tính chất đó chính là những cuộc Cách mạng tư sản diễn ra dưới các hình thức khác nhau. Kỹ năng khai thác lược đồ, tranh ảnh.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện

- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH :

1. Giáo viên: Giáo án, , máy tính, tranh ảnh liên quan; - Tranh ảnh đến những nhân vật lịch sử có liên quan đến thời kỳ này.

2. Học sinh: - Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu liên quan phục vụ bài học

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét, ...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV đặt câu hỏi: Hệ quả của Cách mạng công nghiệp?

HS trả lời. GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới.

c. Dự kiến sản phẩm: Trong các thập niên 50 - 60 của thế kỷ XIX nhiều cuộc Cách mạng tư sản liên tục nổ ra dưới những hình thức khác nhau ở châu Âu và Bắc Mỹ đã khẳng định sự toàn thắng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chấm dứt cuộc dân tộc "Ai thắng ai" giữa thế lực phong kiến lạc hậu, bảo thủ với giai cấp tư sản đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ. Để tìm hiểu nguyên nhân nào dẫn đến cuộc dân tộc thống nhất Đức và nội chiến Mỹ? Diễn biến diễn ra như thế nào? Tính chất, ý nghĩa ra sao? Bài học hôm nay sẽ trả lời với câu hỏi nêu trên.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu cuộc đấu tranh thống nhất nước Đức (Cả lớp và cá nhân). - Trước hết GV giới thiệu cho HS thấy rõ: Từ những năm 1848 - 1849 một cao trào Cách mạng tư sản lại diễn ra sôi nổi ở châu Âu. Ở Pháp nhằm lật đổ bộ phận tư sản tài chính, thiết lập nền cộng hòa thứ 2, tạo điều kiện cho cách mạng tư bản phát triển. Ở Đức và Italia ngoài nhiệm vụ thủ tiêu quan hệ sản xuất phong kiến còn thực hiện nhiệm vụ thống nhất đất nước, mở đường	1. Cuộc đấu tranh thống nhất nước Đức - Tình hình nước Đức: + Giữa thế kỷ XIX kinh tế tư bản chủ nghĩa Đức phát triển nhanh chóng, Đức trở thành nước công nghiệp. + Phương thức kinh doanh theo lối tư bản đã xâm nhập vào các ngành kinh tế. + Nước Đức bị chia xẻ thành nhiều vương quốc

<p>cho cách mạng tư bản đi lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp đó GV nêu câu hỏi: Hãy cho biết tình hình nước Đức trước khi thống nhất? - HS dựa vào SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: + Đến giữa thế kỷ XIX, kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Đức phát triển nhanh chóng, Đức từ một nước nông nghiệp trở thành nước công nghiệp. + Phương thức kinh doanh theo đường lối tư bản chủ nghĩa đã xâm nhập vào sản xuất: sử dụng máy móc, thuê mướn công nhân, đẩy mạnh khai thác... tạo nên tầng lớp quý tộc tư sản gọi chung là Gioong-ke. + Nước Đức bị chia xẻ thành nhiều vương quốc nhỏ, là trở ngại lớn nhất để phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa (GV kết hợp việc trình bày với chỉ lược đồ về nước Đức để thấy được tình trạng chia rẽ của quốc gia này). - GV nêu câu hỏi: Yêu cầu cấp bách của Đức là làm gì để phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa? - HS trả lời câu hỏi. <p>GV kết luận: Yêu cầu cấp bách lúc này là thống nhất đất nước, chấm dứt tình trạng phân tán, chia rẽ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trình bày và phân tích: Ở Đức do sự thỏa hiệp của giai cấp tư sản và quý tộc phong kiến, giai cấp vô sản chưa đủ trưởng thành để tiến hành thống nhất đất nước bằng con đường Cách mạng - con đường "Từ dưới lên", quá trình thống nhất đất nước được thực hiện bằng con đường chiến tranh vương triều - "Từ trên xuống", thông qua ca của quý tộc Phổ - đại diện là Bi-xmác. Với mx chính sách phản động đã đưa nước Đức trở thành một đồn lũy phản động, nhất là nguồn gốc chủ yếu dẫn đến chủ nghĩa quân phiệt xâm lược và là trung tâm xảy ra các cuộc chiến tranh ở châu Âu. <p>Hoạt động 2: Cả lớp, cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng lược đồ quá trình thống nhất Đức để trình bày diễn biến quá trình thống nhất nước Đức. - Gọi 1 - 2 HS lên bảng trình bày lại quá 	<p>nhỏ, cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa -đặt ra yêu cầu cần thống nhất đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đức tiến hành thống nhất bằng vũ lực "Từ trên xuống" thông qua các cuộc chiến tranh với các nước khác. - Quá trình thống nhất Đức: + Năm 1864 Bi-xmác tấn công Đan Mạch chiếm Hôn-xtai-nơ và Sơ-lê-svích thuộc Bắc Hải và Ban Tích. + Năm 1866 Bi-xmác gây chiến tranh với Áo, Đức thành lập một liên bang Bắc Đức. - Năm 1870 - 1871 Bi-xmác gây chiến với Pháp
---	--

đồn điền dựa trên bóc lột sức lao động nô lệ.

+ Về nông nghiệp miền Bắc và miền Tây kinh tế trại chủ nhỏ và nông dân tự do chiếm ưu thế phục vụ thị trường công nghiệp. Trong khi đó ở miền Nam kinh tế đồn điền phát triển dựa trên sức lao động nô lệ làm giàu nhanh chóng cho giới chủ nô. Tuy nhiên, chế độ nô lệ đã cản trở nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

+ Mâu thuẫn giữa tư sản và trại chủ nhỏ ở miền Bắc với chủ nô miền Nam ngày càng gay gắt → phong trào đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ nô lệ mở đường cho CNTB phát triển.

- GV? Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nội chiến?

- HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, chốt ý:

+ Lin-côn ứng cử viên của Đảng Cộng hòa đại diện cho giai cấp tư sản và trại chủ miền Bắc trúng cử Tổng thống đe dọa quyền lợi các chủ nô ở miền Nam (vì Đảng Cộng hòa chủ trương bác bỏ chế độ nô lệ).

- GV kết hợp giới thiệu hình 62 "Tổng thống Lin-côn (người ngồi bên trái) thẩm duyệt bản Tuyên ngôn giải phóng nô lệ" với nội dung về Lin-côn trong SGK.

+ 11 bang phản đối tách khỏi liên bang thành lập Hiệp bang mới có chính phủ, Tổng thống riêng và chuẩn bị lực lượng chống lại chính phủ Trung ương.

Hoạt động 2: Cả lớp và cá nhân

- GV trình bày: Ngày 12/4/1861 nội chiến bùng nổ, ban đầu đội quân liên bang kiên quyết và không sử dụng biện pháp triệt để nên bị thua liên tiếp.

- GV nêu câu hỏi: Trước tình hình đó chính phủ Lin-côn có biện pháp gì?

- HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, bổ sung và chốt ý:

* Nguyên nhân trực tiếp:

+ Lin-côn đại diện Đảng cộng hòa trúng cử tổng thống đe dọa quyền lợi của chủ nô ở miền Nam.

+ 11 bang miền Nam tách khỏi miền Nam.

* Diễn biến:

+ Ngày 12/4/1861 nội chiến bùng nổ, ưu thế thuộc về Hiệp bang.

+ Ngày 01/1/1863 Lin-côn ra sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ □ nô lệ, nông dân tham gia quân đội.

+ Ngày 09/4/1865 nội chiến kết thúc, thắng lợi thuộc về quân Liên bang.

* Ý nghĩa:

+ Là cuộc Cách mạng tư sản lần thứ 2 ở Mĩ.

+ Xóa bỏ chế độ nô lệ ở miền Nam tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

GV nêu câu hỏi: Hãy cho biết ý nghĩa của cuộc Nội chiến Mĩ phát triển nhanh chóng sau nội chiến.
 HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi.
 GV nhận xét, chốt ý

3. Luyện tập:

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ngay từ đầu giờ học. Nguyên nhân và diễn biến cuộc đấu tranh thống nhất Đức, Italia và nội chiến Mĩ? Tại sao đó lại là những cuộc cách mạng Tư sản?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Học bài cũ, đọc trước bài mới.
- Lập bảng thống kê các hình thức cách mạng Tư sản theo nội dung sau:

Tên cuộc cách mạng	Hình thức	Thời gian	Kết quả, ý nghĩa

Tiết 43

Ngày soạn: / /2019

BÀI 34

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nắm và trình bày được những thành tựu chủ yếu về khoa học kỹ thuật cuối thế kỷ XIX – Phân tích sự ảnh hưởng của nó đến lực lượng sản xuất xã hội.

2. Tư tưởng: Biết trân trọng những công trình nghiên cứu, những phát minh của các nhà khoa học trong việc khám phá nguồn năng lượng vô tận của thiên nhiên phục vụ cho nhu cầu và cuộc sống con người.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện cho HS kỹ năng nhận xét đánh giá sự kiện lịch sử về sự hình thành với tổ chức độc quyền.
- Kỹ năng khai thác và sử dụng tranh ảnh lịch sử về những thành tựu của khoa học kỹ thuật.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV-HS:

1. Giáo viên:

- Tranh ảnh các nhà bác học có những phát minh nổi tiếng vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.
- Tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của các nhà bác học có tên tuổi trên thế giới.

2. Học sinh: Sách giáo khoa, dụng cụ học tập....

III. KỸ THUẬT DẠY HỌC: Trình bày, phân tích, đánh giá, nhận xét, thảo luận

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV đặt câu hỏi: Hiệu quả của các cuộc cách mạng CN và ý nghĩa của các cuộc cách mạng tác động đến kinh tế của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ như thế nào? HS vận dụng kiến thức cũ để trả lời.

c. Dự kiến sản phẩm: Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và cho điểm (nếu có). Sau đó dẫn dắt: Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các nước tư bản Âu - Mỹ có những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội. Do nhu cầu của cuộc sống và của sản xuất--> những phát minh về KH-KT.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu những thành tựu về KHKT cuối XIX- đầu thế kỷ XX (nhóm) - GV chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thảo luận các vấn đề (thời gian 4 phút). + Nhóm 1: Nêu tên các nhà khoa học và những thành tựu phát minh về vật lý. + Nhóm 2: Nêu tên các nhà khoa học và những thành tựu phát minh về hóa học. + Nhóm 3: Nêu tên các nhà khoa học	1. Những thành tựu về khoa học kỹ thuật cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX * Trong lĩnh vực vật lý: + Phát minh về điện của các nhà bác học G.Ôm người Đức, G.Jun người Anh, E.Len-xơ người Nga mở ra khả năng ứng dụng nguồn năng lượng mới. + Phát hiện về phóng xạ của Hăng-ri Béc-cơ-ren (Pháp), Ma-ri Quy-ri đã đặt nền tảng cho việc tìm kiếm nguồn năng lượng hạt nhân. + Rơ-dơ-pho (Anh) có bước tiến vĩ đại trong việc tìm hiểu cấu trúc vật chất. + Phát minh của Ron-ghen (Đức) về tia X vào năm 1895 có ứng dụng quan trọng trong y học.

Tiết 44

Ngày soạn: / /2019

BÀI 35

CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC ANH, PHÁP, ĐỨC, MỸ VÀ SỰ BÀNH TRƯỚNG THUỘC ĐỊA

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Những nét khái quát về tình hình kinh tế, chính trị của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ hồi cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX; những nét chung và đặc điểm riêng.
- Hiểu và phân tích được đây là thời kì các nước đế quốc đẩy mạnh việc xâm lược thuộc địa, phân chia lại thị trường thế giới làm cho mâu thuẫn giữa các đế quốc với đế quốc và giữa đế quốc với thuộc địa ngày càng sâu sắc.

2. Tư tưởng, tình cảm

Giúp HS nâng cao nhận thức về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, ý thức cảnh giác cách mạng; đấu tranh chống các thế lực gây chiến, bảo vệ hòa bình.

3. Về kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích sự kiện lịch sử để thấy được từng đặc điểm riêng của chủ nghĩa đế quốc.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1. GV: Giáo án, SGK, Bảng thống kê biểu thị sự thay đổi về sản lượng công nghiệp của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ.

- Sơ đồ thay đổi vị trí kinh tế các nước đế quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

- Lược đồ các nước đế quốc đầu thế kỷ XX.

2. HS: Vở ghi, SGK, dụng cụ học tập

III. KỸ THUẬT DẠY HỌC: Trình bày, so sánh, phân tích, nhận xét....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV đặt câu hỏi: Em có nhận xét gì về các kinh tế các nước Anh, Pháp, Mỹ, Đức hiện nay?

c. Dự kiến sản phẩm

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là thời kì phát triển mạnh mẽ của các nước tư bản tiên tiến, đánh dấu bước chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền. Cùng với đó là chính sách mở rộng xâm lược thuộc địa để có thêm thị trường và vơ vét nguyên liệu đưa

về chính quốc. Sự tranh chấp thuộc địa đã làm cho mâu thuẫn giữa các nước đế quốc trở nên sâu sắc. Tình hình kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ như thế nào?

Tiết 1

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu tình hình nước Anh: Kinh tế, chính trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV? Cuối thập niên 70 tình hình kinh tế ra sao? - HS đọc SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Từ cuối thập niên 70 Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp, do vậy mất luôn cả vai trò lũng đoạn thị trường thế giới, bị Mỹ và Đức vượt qua. - GV giới thiệu "Bảng thống kê biểu thị sự thay đổi về sản lượng công nghiệp của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ" trong SGK. <p>GV hỏi: Nguyên nhân của sự giảm sút đó?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét <p>GV? Tình hình chính trị của nước Anh?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý- GV nhấn mạnh: Chủ nghĩa đế quốc Anh tồn tại và phát triển dựa trên sự bóc lột một hệ thống thuộc địa rộng lớn (chiếm 1/4 dân số thế giới) do vậy được mệnh danh là chủ nghĩa đế quốc thực dân "Mặt trời không bao giờ lặn" trên đất nước Anh.. Lê-nin nhận xét: "Nước Anh không chỉ là quê hương của hệ thống công xưởng của chủ nghĩa tư bản, mà còn là thủy tổ của chủ nghĩa đế quốc hiện đại". <p>Chủ nghĩa thực dân Anh đã trở thành đặc trưng riêng của chủ nghĩa đế quốc Anh...Việc xuất khẩu tư bản của Anh mang những qui mô to lớn. Nước Anh là một cường quốc thuộc địa chính.</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu tình hình KT-CT nước Pháp(nhóm).</p> <p>GV chia HS làm 2 nhóm để thảo luận</p> <p>Nhóm 1: Trình bày tình hình kinh tế nước Pháp đầu thế kỷ XIX?</p> <p>Nhóm 2: Trình bày tình hình chính trị nước Pháp đầu thế kỷ XIX?</p> <p>HS thảo luận, trình bày.</p>	<p>I. Nước Anh</p> <p>1. Tình hình kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ cuối thập niên 70, Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp, do vậy mất luôn cả vai trò lũng đoạn thị trường thế giới, bị Mỹ và Đức vượt qua. - Tuy vậy, Anh vẫn chiếm ưu thế về tài chính, xuất cảng tư bản, thương mại, hải quân và thuộc địa. - Công nghiệp: Quá trình tập trung tư bản diễn ra mạnh mẽ, nhiều tổ chức độc quyền ra đời chi phối toàn bộ đời sống kinh tế nước Anh. - Nông nghiệp: Nước Anh lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, Anh phải nhập khẩu lương thực. <p>2. Tình hình chính trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Anh là nước theo thể chế chính trị quân chủ lập hiến với việc thực hiện chế độ hai Đảng (Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ) thay nhau cầm quyền lợi của giai cấp tư sản. - Đây là thời kì giai cấp tư sản Anh tăng cường mở hệ thống thuộc địa đặc biệt ở châu Á và châu Phi. <p>* Đặc điểm đế quốc Anh: là chủ nghĩa đế quốc thực dân.</p> <p>II. Nước Pháp</p> <p>1. Tình hình kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuối thập niên 70 trở đi công nghiệp Pháp bắt đầu phát triển chậm lại. -Nguyên nhân: + Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh Pháp -

<p>GV nhận xét</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kết luận: chủ nghĩa đế quốc Pháp là chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi. - HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK để thấy được chính sách xâm lược thuộc địa của Pháp, qua đó thấy được hệ thống thuộc địa của Pháp rất rộng lớn, chỉ sau Anh. 	<p>Phổ do đó phải bồi thường chiến tranh.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghèo tài nguyên và nhiên liệu, đặc biệt là than đá. + Giai cấp tư sản chỉ chú trọng đến xuất cảng tư bản, không chú trọng phát triển công nghiệp trong nước. - Sự thâm nhập của phương thức: sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp ở Pháp diễn ra chậm chạp do đất đai bị chia nhỏ. - Đầu thế kỷ XX quá trình tập trung sản xuất cũng diễn ra trong lĩnh vực công nghiệp, dẫn đến việc hình thành các công ty độc quyền, từng bước chi phối nền kinh tế Pháp, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng. - Đặc điểm: Tư bản Pháp phần lớn đưa vốn ra nước ngoài, cho các nước chậm tiến vay với lãi suất lớn. Chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi. <p>2. Tình hình chính trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau cách mạng tháng 9 - 1870, nước Pháp thành lập nền cộng hòa thứ ba, song phái cộng hòa đã sớm chia thành hai nhóm: Ôn hòa và Cấp tiến thay nhau cầm quyền. - --> tình trạng thường xuyên khủng hoảng nội các. - Pháp tăng cường chạy đua vũ trang để trả mối thù với Đức; tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa chủ yếu ở khu vực châu Á và châu Phi.
---	---

<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu tình hình nước Đức:</p> <p>Kinh tế</p> <p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước hết, GV nêu câu hỏi: Hãy cho biết những biểu hiện phát triển công nghiệp của Đức sau khi thống nhất? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét trình bày và phân tích. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của công nghiệp Đức? - HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý. <p>Bước 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu những số liệu về tốc độ tăng trưởng công nghiệp của Đức trong những năm 1890 - 1900 là 163% và bảng thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu trong SGK để thấy được việc xuất khẩu hàng hóa tăng lên rõ rệt. - Sau đó, GV kết luận: Đến đầu năm 1900, Đức đã vượt Anh về sản xuất thép. Về tổng sản lượng công nghiệp Đức dẫn đầu châu Âu thứ hai trên thế giới chỉ đứng sau Mỹ. <p>Bước 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Sự phát triển của công nghiệp đã tác động như thế nào đến xã hội? - HS dựa vào vốn hiểu biết của mình và SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý. <p>Bước 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Quá trình tập trung sản xuất hình thành các tổ chức độc quyền diễn ra như thế nào? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, trình bày và phân tích. <p>GV dẫn chứng: Không đầy 1% xí nghiệp sử dụng hơn 3/4 tổng số điện lực, trong khi 91% là xí nghiệp nhỏ chỉ nhận có 7% thôi; số lượng Các-ten tăng lên nhanh chóng: năm 1905 có 835, đến năm 1911 có tới 550 - 600.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Tình hình nông nghiệp Đức phát triển như thế nào? - HS trả lời câu hỏi. 	<p>1. NƯỚC ĐỨC</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và chốt ý: Nông nghiệp Đức có tiến bộ song chậm chạp.
--	---

- Sau khi thống nhất đất nước tháng 1-1871, nền kinh tế Đức phát triển với tốc độ mau lẹ vươn lên đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới

- Nguyên nhân: Thị trường dân tộc thống nhất, giàu tài nguyên, nhờ tiền bồi thường chiến tranh với Pháp, tiếp thu những thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại của những nước đi trước, có nguồn nhân lực dồi dào.

- Tác động xã hội: Thay đổi cơ cấu dân cư giữa thành thị và nông thôn. Nhiều thành phố mới, nhiều trung tâm thương nghiệp, bến cảng xuất hiện.

- Quá trình tập trung sản xuất và hình thành các công ty độc quyền diễn ra mạnh mẽ và sớm hơn các nước khác ở châu Âu. Với hình thức độc quyền là Cácten và Xanh-đi-ca.

- Quá trình tập trung Ngân hàng cũng diễn ra cao độ. Tư bản công nghiệp kết hợp với tư bản ngân hàng thành tư bản tài chính.

- Nông nghiệp Đức có tiến bộ song chậm chạp.

<p>Bước 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tìm hiểu nguyên nhân trên là do: Việc tiến hành cách mạng không triệt để, phần lớn ruộng đất nằm trong tay quý tộc và địa chủ; phương pháp canh tác vẫn còn tàn dư của chế độ phong kiến. <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu kinh tế nước Mĩ (Cả lớp và cá nhân)</p> <p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trình bày và phân tích: Cuối thế kỷ XIX nền kinh tế phát triển nhanh chóng vươn lên hàng thứ nhất trên thế giới. Về sản lượng công nghiệp bằng 1/2 tổng sản lượng công nghiệp các nước Tây Âu và gấp 2 lần Anh, sản xuất thép và máy móc đứng đầu thế giới. Năm 1913 sản lượng gang, thép của Mĩ vượt Đức hai lần, vượt Anh 4 lần, than gấp hai lần Anh và Pháp gộp lại. - GV nêu câu hỏi: Vì sao kinh tế Mĩ phát triển vượt bậc? - HS dựa vào vốn kiến thức của mình trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Tình hình nông nghiệp Mĩ phát triển như thế nào? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét trình bày và phân tích. - HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK để thấy được sự phát triển nhanh chóng của nông nghiệp Mĩ. <p>Bước 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Quá trình tập trung sản xuất hình thành các công ty độc quyền diễn ra như thế nào? - HS đọc SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý. - HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK để thấy được việc hình thành các công ty độc quyền chi phối các hoạt động kinh tế của nước Mĩ. - GV nhấn mạnh để HS thấy rõ Mĩ không chỉ phát triển kinh tế ở trong nước mà còn vươn lên phát triển ngoại thương và xuất cảng tư bản. <p>Thị trường đầu tư và buôn bán của Mĩ là Can-</p>	<p>2. NƯỚC MĨ</p> <p>na-đa, các nước vùng Ca-ri-bê, Trung Mĩ và</p>
---	--

- Cuối thế kỉ XIX nền kinh tế phát triển nhanh chóng vươn lên hàng thứ nhất thế giới, sản lượng công nghiệp bằng 1/2 tổng sản lượng công nghiệp các nước Tây Âu và gấp 2 lần Anh.

- Nguyên liệu:

- + Mĩ giàu nguyên liệu, nhiên liệu giàu có, có nguồn nhân lực dồi dào.
- + Phát triển sau nên áp dụng được những thành tựu khoa học và kinh nghiệm của các nước đi trước.
- + Có thị trường rộng lớn.

- Nông nghiệp: Nông nghiệp Mĩ đạt thành tựu đáng kể, Mĩ trở thành vựa lúa và nơi cung cấp thực phẩm cho châu Âu.

- Quá trình tập trung sản xuất và ra đời các công ty độc quyền diễn ra nhanh chóng, hình thức chủ yếu là Tờ-rót với những ông vua dầu lửa, vua ô-tô, vua thép chi phối mọi hoạt động kinh tế, chính trị nước Mĩ.

một số nước châu Á khác như Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc.

3. Luyện tập

- GV tổ chức cho các em trả lời các câu hỏi: Tình hình kinh tế của Đức và Mỹ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.
- Yêu cầu HS chỉ trên biểu đồ vị trí kinh tế và lược đồ chính trị thế giới để thấy được sự thay đổi về vị trí kinh tế và thuộc địa của các đế quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

V. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

- Học bài cũ, đọc trước bài mới.
- Trả lời câu hỏi SGK.

Tiết thứ 46

Ngày soạn: / /2019

BÀI 36: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức: yêu cầu HS

- Trình bày được sự ra đời và tình cảnh của giai cấp công nhân công nghiệp, qua đó giúp các em hiểu được cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, giai cấp vô sản lớn mạnh dần.
- Phân tích được mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản.
- Trình bày được sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Phân tích được những mặt tích cực và hạn chế của hệ tư tưởng này.

2. Tư tưởng, tình cảm

- Giúp HS nhận thức sâu sắc được quy luật "Ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh", song những cuộc đấu tranh chỉ giành thắng lợi khi có tổ chức và hướng đi đúng đắn.
- Thông cảm và thấu hiểu được tình cảnh khổ cực của giai cấp vô sản.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng phân tích đánh giá các sự kiện lịch sử nói về đời sống của giai cấp vô sản công nghiệp, những hạn chế trong cuộc đấu tranh của họ. Đánh giá về những mặt tích cực và hạn chế của hệ thống tư tưởng xã hội không tưởng.
- Kỹ năng khai thác tranh ảnh lịch sử.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV-HS:

- Tranh ảnh về phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản thời kỳ này.
- Những câu chuyện về các nhà xã hội không tưởng.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: Trình bày, so sánh, phân tích, nhận xét,...

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV dẫn dắt vào bài mới

c. Dự kiến sản phẩm:

Giai cấp công nhân ra đời và lớn mạnh cùng với sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Do đối lập về quyền lợi, mâu thuẫn giữa tư bản với công nhân nảy sinh và dẫn đến những cuộc đấu tranh giai cấp đầu thời kỳ cận đại. Cùng với lúc đó, một hệ tư tưởng của giai cấp tư sản ra đời - chủ nghĩa xã hội không tưởng. Giai cấp công nhân ra đời và đời sống của họ ra sao? Nội dung những mặt tích cực và hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng? Đề nắm và hiểu những nội dung trên, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay để trả lời câu hỏi trên.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu về phong trào đấu tranh của công nhân (Nhóm) Bước 1: <ul style="list-style-type: none">- GV chia HS thành 3 nhóm, nhiệm vụ cụ thể của từng nhóm là thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:<ul style="list-style-type: none">+ Nhóm 1: Nêu phong trào đấu tranh của công nhân Pháp?+ Nhóm 2: Trình bày phong trào đấu tranh của công nhân ở Anh?+ Nhóm 3: Nêu phong trào đấu tranh của	1. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân hồi nửa đầu thế kỷ XIX <ul style="list-style-type: none">* Ở Pháp: Năm 1831 công nhân dệt Liông khởi nghĩa đòi tăng lương giảm giờ làm.- Năm 1834 thợ tơ ở Liông khởi nghĩa đòi thiết lập nền Cộng hòa.* Ở Anh từ năm 1836 - 1848 diễn ra phong trào "Hiến chương đòi phổ thông đầu phiếu, tăng lương, giảm giờ làm".

<p>công nhân Đức? Hs thảo luận trả lời. Gv nhận xét bổ sung. Bước 2: GV: Vì sao phong trào công nhân thời kỳ này diễn ra mạnh mẽ song không thu được thắng lợi? Hs thảo luận trả lời. Gv nhận xét bổ sung. Bước 3: GV: Ý nghĩa của phong trào công nhân thời kỳ này? Hs dựa vào SGK trả lời. Hoạt động 2: Tìm hiểu về chủ nghĩa xã hội không tưởng Bước 1: - GV: Hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa xã hội không tưởng? Hs thảo luận trả lời.</p> <p>Bước 2: Gv tổ chức hoạt động nhóm: + Nhóm 1: Thảo luận và trả lời câu hỏi: Nêu những mặt tích cực của chủ nghĩa xã hội không tưởng. + Nhóm 2: Nêu những mặt hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng.</p> <p>Bước 3: - GV: Ý nghĩa và tác dụng của chủ nghĩa xã hội không tưởng? Hs dựa vào SGK trả lời. Gv nhận xét chốt ý.</p>	<p>* Ở Đức, năm 1844 công nhân Sơ-lê-din khởi nghĩa. - Kết quả: Tất cả các phong trào đấu tranh của công nhân đều thất bại. - Nguyên nhân: Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn, chưa có đường lối chính sách rõ ràng.</p> <p>- Ý nghĩa: Đánh dấu sự trưởng thành của công nhân, là tiền đề dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>3. Chủ nghĩa xã hội không tưởng - Hoàn cảnh ra đời: Chủ nghĩa tư bản ra đời với những mặt trái của nó; Bóc lột tàn nhẫn người lao động. - Những người tư sản tiến bộ thông cảm với nỗi khổ của những người lao động mong muốn xây dựng một chế độ tốt đẹp hơn không có tư hữu bóc lột. - Chủ nghĩa xã hội không tưởng ra đời mà đại diện là Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen. - Tích cực: + Nhận thức được mặt trái của chế độ tư sản là bóc lột người lao động. + Phê phán sâu sắc xã hội tư bản, dự đoán tương lai. - Hạn chế: + Không vạch ra được lối thoát, không giải thích được bản chất của chế độ đó. + Không thấy được vai trò và sức mạnh của giai cấp công nhân. - Ý nghĩa: Là tư tưởng tiên bộ trong xã hội lúc đó. Cổ vũ nguồn lao động đấu tranh, là tiền đề ra đời chủ nghĩa Mác.</p>
--	---

3. Luyện tập

- Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi: Hoàn cảnh sự ra đời và tình cảnh đời sống giai cấp vô sản? Những cuộc đấu tranh của công nhân ở Pháp, Anh, Đức đầu thế kỷ XIX? Những mặt tích cực và hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng?
- GV cho HS làm các câu hỏi trắc nghiệm liên quan

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Học bài cũ, đọc trước bài mới.
- Trả lời câu hỏi trong SGK.
- Suru tầm tranh ảnh, những mẫu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp của Mác và Ăng-ghen.

Tiết thứ 47

Ngày soạn: / /2019

BÀI 37: MÁC - ĂNG GHEN. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Trình bày được công lao của Mác và Ăng-ghen những nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đối với sự nghiệp Cách mạng của giai cấp công nhân.
- Trình bày được sự ra đời của tổ chức Đồng minh những người Cộng sản, những luận điểm quan trọng của Tuyên ngôn độc lập của Đảng cộng sản và ý nghĩa của văn kiện này.

2. Tư tưởng, tình cảm

Giáo dục cho HS lòng tin vào chủ nghĩa Mác, tin vào sự nghiệp Cách mạng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang đi, lòng biết ơn đối với những người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học.

3. Kỹ năng

- Kỹ năng phân tích nhận định đánh giá vai trò của Mác và Ăng-ghen về những đóng góp của chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Khoa học đối với lý luận đấu tranh của giai cấp công nhân.
- Phân biệt sự khác nhau giữa các khái niệm phong trào công nhân, phong trào cộng sản, chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

III. CHUẨN BỊ CỦA GV- HS:

- Tranh ảnh về C.Mác và Ăng-ghen.
- Sưu tầm những mẫu chuyện về cuộc đời hoạt động và tình bạn giữa C.Mác và Ăng-ghen.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: Trình bày, so sánh, phân tích, nhận xét

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp: GV đặt câu hỏi: Hãy cho biết những mặt tích cực và hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng? HS trả lời, GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới

c. Dự kiến sản phẩm: - Ở bài trước các em đã tìm hiểu bài phong trào đấu tranh của công nhân nhưng các phong trào đều thất bại do nhiều nguyên nhân. Chủ nghĩa xã hội không tưởng ra đời không đáp ứng được yêu cầu của PTĐT. Trên cơ sở đó Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời với vai trò của Mác và Ăngghen.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu buổi đầu hoạt động cách mạng của C.Mác và Ăng-ghe-n Gv hướng dẫn hs đọc thêm</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu tổ chức đồng minh những người cộng sản và Tuyên ngôn của Đảng cộng sản Bước 1: GV: Hãy cho biết hoàn cảnh ra đời Đồng minh những người Cộng sản? Hs thảo luận, nghiên cứu SGK tìm câu trả lời.</p> <p>GV gọi hs trả lời, nhận xét, nhấn mạnh sự khác nhau giữa Đồng minh những người chính nghĩa với đồng minh những người cộng sản.</p> <p>Bước 2: GV trình bày và phân tích: Đại hội lần thứ hai của Đồng minh những người cộng sản họp ở Luân Đôn (11 - 12 - 1874) với sự tham gia của C.Mác và Ăng-ghe-n đã thông qua điều lệ. Tháng 2 - 1848, Tuyên ngôn Đảng cộng sản được công bố. GV: Hãy cho biết nội dung Tuyên ngôn Đảng Cộng sản? Hs nghiên cứu SGK tìm câu trả lời. Gv yêu cầu hs trả lời, hs khác bổ sung.</p> <p>Bước 3: Gv: Nêu ý nghĩa của bản tuyên ngôn Đảng cộng sản? Hs trả lời, Gv nhận xét, chốt ý.</p>	<p>1. Buổi đầu hoạt động cách mạng của C.Mác và Ăng-ghe-n</p> <p>2. Tổ chức đồng minh những người cộng sản và Tuyên ngôn của Đảng cộng sản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài việc nghiên cứu lý luận C.Mác và Ăng-ghe-n đặc biệt quan tâm xây dựng một chính đảng độc lập cho giai cấp vô sản. - Tháng 6 - 1847 Đồng minh những người cộng sản ra đời. - Mục đích: Lật đổ giai cấp tư sản, xác định sự thống trị của giai cấp vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ. - Tháng 2 - 1848 Tuyên ngôn Đảng cộng sản ra đời, do C.Mác và Ăng-ghe-n soạn thảo. - Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ nghĩa tư bản ra đời là một bước tiến, song nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa tư bản và vô sản tất yếu phải nổ ra. + Khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò của giai cấp vô sản là lãnh đạo cách mạng. Muốn cách mạng thắng lợi cần phải có chính đảng tiên phong của mình. + Trình bày một cách hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, chứng minh quy luật tất yếu diệt vong của chế độ tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. - Ý nghĩa: <ul style="list-style-type: none"> + Là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa xã hội khoa học đấu tranh bước đầu kết hợp chủ nghĩa đã hội với phong trào công nhân. + Từ đây giai cấp công nhân đã có lý luận cách mạng soi đường.

3. Luyện tập:

- Khẳng định công lao to lớn của C.Mác và Ăng-ghe-nơ với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Chủ nghĩa xã hội khoa học do hai ông sáng lập là đỉnh cao của tư duy lý luận của nhân loại lúc bấy giờ và là di sản văn hóa mãi về sau.
- Cho HS làm các bài tập trắc nghiệm liên quan.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Yêu cầu HS nêu rõ nội dung Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.
- Học bài cũ, trả lời câu hỏi trong SGK.
- So sánh nội dung của chủ nghĩa xã hội không tưởng với chủ nghĩa xã hội khoa học để thấy được sự đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội khoa học và sự hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Tiết thứ 48

Ngày soạn: / /2019

BÀI 38: QUỐC TẾ THỨ NHẤT VÀ CÔNG XÃ PA-RI 1871

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nắm được hoàn cảnh ra đời và những hoạt động của Quốc tế thứ nhất. Qua đó nhận thấy sự ra đời của Quốc tế thứ nhất là kết quả tất yếu của sự phát triển của phong trào công nhân Quốc tế và những đóng góp tích cực C.Mác và Ăng-ghe-nơ.
- Nắm được sự thành lập của công xã Pa-ri và những thành tích to lớn của Công xã.

- Hiểu được ý nghĩa và những bài học lịch sử của Công xã Pa-ri.

2. Tư tưởng, tình cảm

- Giáo dục tinh thần quốc tế vô sản và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, củng cố niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp Cách mạng giai cấp vô sản.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử.
- Kỹ năng về đọc sơ đồ bộ máy Công xã Pa-ri.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn

II. THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU DẠY - HỌC

- Sơ đồ bộ máy Công xã Pa-ri.
- Tài liệu nói về Quốc tế thứ nhất và Công xã Pa-ri.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: Trình bày, so sánh, phân tích, nhận xét

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Tạo tình huống

Trong tiến trình phát triển của phong trào công nhân Quốc tế ở thế kỷ XIX, sự ra đời của Quốc tế thứ nhất và sự thành lập Công xã Pa-ri là những mốc quan trọng đánh dấu bước trưởng thành của giai cấp công nhân để hiểu hoàn cảnh ra đời và những hoạt động của Quốc tế thứ nhất như thế nào? Sự thành lập của công xã Pa-ri và những thành tựu to lớn của Công xã? Ý nghĩa và những bài học của Công xã? Ý nghĩa và những bài học của Công xã ra sao, bài học hôm nay sẽ trả lời những câu hỏi nêu trên.

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu quốc tế thứ nhất Bước 1: Gv nêu câu hỏi: Hoàn cảnh lịch sử ra đời của quốc tế thứ nhất? Hs đọc SGK tìm câu trả lời. Gv nhận xét. Bước 2: Gv : Trước tình hình đó đặt ra yêu cầu gì cho phong trào công nhân? Hs thảo luận theo nhóm cặp đôi cử đại diện trả lời. GV trình bày và phân tích kết hợp giới thiệu hình 71 trong SGK "Buổi lễ tuyên bố thành lập Quốc tế thứ nhất" tường thuật buổi lễ thành lập Quốc tế thứ nhất: Bước 3;	I. QUỐC TẾ THỨ NHẤT 1. Hoàn cảnh ra đời - Giữa thế kỷ XIX đội ngũ công nhân thêm đông đảo và tập trung cao. Giai cấp tư sản tăng cường áp bức bóc lột. - Đầu thập niên 60 của thế kỷ XIX phong trào đấu tranh của công nhân phục hồi nhưng vẫn trong tình trạng phân tán, chịu ảnh hưởng của nhiều khuynh hướng phi vô sản. - Thực tế đấu tranh, công nhân nhận thấy tình trạng biệt lập của phong trào ở mỗi nước kết quả còn hạn chế mặt khác đặt ra yêu cầu thành lập một tổ chức quốc tế lãnh đạo đoàn kết phong trào công nhân quốc tế các nước. - Ngày 28 - 9 - 1864 Quốc tế thứ nhất thành lập tại Luân Đôn với sự tham gia của C.Mác. 2. Hoạt động của Quốc tế thứ nhất

GV chia lớp thành các nhóm nêu câu hỏi yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.
Nêu hoạt động của Quốc tế thứ nhất?
Các nhóm thảo luận, trao đổi ý kiến, cử đại diện trả lời. Hs nhóm khác bổ sung.
Gv chốt ý.

Bước 4:

Gv: Vai trò của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân?
Hs trả lời.

Hoạt động 2; Tìm hiểu công xã Pari

Bước 1:

Gv nêu câu hỏi: Hãy cho biết nguyên nhân cuộc Cách mạng ngày 18-3-1971?
Hs đọc SGK trả lời.

Bước 2: Gv yêu cầu hs đọc SGK nắm diễn biến.

Hs tự đọc SGK nắm tóm tắt diễn biến.

Bước 3:

Gv: Công xã Pari ra đời như thế nào? Hãy cho biết những việc làm của công xã? Em có nhận xét gì về việc làm của Công xã?
Hs trả lời, gv nhận xét.

- Hoạt động của quốc tế thứ nhất chủ yếu được thông qua các kỳ đại hội. Nhằm truyền bá học thuyết Mác, chống lại tư tưởng lệch lạc trong nội bộ, thông qua những nghị quyết quan trọng.

- Ảnh hưởng của Quốc tế thứ nhất: Công nhân các nước tham gia ngày càng nhiều vào các cuộc đấu tranh chính trị, các tổ chức công đoàn ra đời.

- Vai trò:

+ Truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân quốc tế.

+ Đoàn kết, thống nhất các lực lượng vô sản quốc tế dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác.

II. CÔNG XÃ PA-RI 1871

1. Cuộc cách mạng ngày 18 - 3 - 1871 và sự thành lập Công xã

- Nguyên nhân:

+ Mâu thuẫn vốn có của xã hội tư bản ngày càng sâu sắc, tạo điều kiện cho công nhân đấu tranh.

+ Sự thất bại của pháp trong cuộc đấu tranh Pháp - Phổ làm cho nguyên nhân cấm phần chế độ thống trị tiến tới lật đổ chế II.

+ Sự phản động của giai cấp tư sản Pháp cướp đoạt thành quả cách mạng của quần chúng, đầu hàng Đức để đàn áp quần chúng.

→ Cuộc cách mạng ngày 18 - 3 - 1871.

- Diễn biến:

+ Ngày 18 - 3 - 1871 Quốc dân quân chiếm các cơ quan chính phủ và công sở, làm chủ thành phố, thành lập công xã. Lần đầu tiên trên thế giới chính phủ thuộc về giai cấp vô sản.

+ Toán quân chính phủ phải tháo chạy về Véc-xai, chính quyền giai cấp tư sản bị lật đổ

2. Công xã Pa-ri - Nhà nước kiểu mới

- Ngày 36 - 3 - 1871 công xã được thành lập, cơ quan cao nhất là hội đồng công xã được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.

GV vẽ sơ đồ Công xã lên bảng, kết hợp giới thiệu hình vẽ và đọc SGK. Công xã Pa-ri mở cuộc h	
	<ul style="list-style-type: none"> + Quân đội cảnh sát cũ bị giải tán, thay vào đó là c + Thi hành nhiều chính sách tiến bộ: Công nhân
Gv tổ chức Hs thảo luận câu hỏi : nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của công xã? Hs thảo luận theo yêu cầu	<p>Công xã Pa-ri là một nhà nước kiểu mới do dân và</p> <p>Công xã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu</p>

3. Hoạt động luyện tập

- Hoàn cảnh sự ra đời, quá trình hoạt động và tác dụng của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân.
- Nguyên nhân diễn biến cuộc Cách mạng ngày 18 - 3 - 1871 và sự thành lập Công xã.
- Những việc làm chứng tỏ Công xã Pa-ri là Nhà nước kiểu mới.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Học bài cũ và trả lời các câu hỏi trong SGK.
- Đọc trước bài mới.

Tiết thứ 49

Ngày soạn: / /2019

BÀI 39: QUỐC TẾ THỨ HAI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nắm được sự phát triển của phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX.
- Nắm và hiểu được hoàn cảnh ra đời của Quốc tế thứ 2 và những đóng góp của tổ chức này đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt dưới sự lãnh đạo của Ăng-ghen.
- Hiểu được cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong quốc tế thứ hai phản ánh cuộc đấu tranh giữa 2 luồng tư tưởng: Mác xít và phi Mác xít trong phong trào công nhân quốc tế.

2. Tư tưởng, tình cảm

- Giúp HS hiểu rõ công lao to lớn của Ph.Ăng-ghe-n và người kế tục là V.I.Lênin đối với phong trào Công sản và công nhân Quốc tế.

3. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định các sự kiện và vai trò của cá nhân trong tiến trình lịch sử.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện

- Năng lực thực hành bộ môn.

II. THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU DẠY - HỌC

- Suu tầm chân dung những Đại biểu nổi tiếng trong phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX: Ăng-ghe-n, La-phác-gơ (Pháp), Be-ben, Rô-da Luc-xem-bua (Đức).

- Tài liệu về phong trào công nhân thế giới ngày nay.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: Trình bày, so sánh, phân tích, nhận xét**IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC****1. Tạo tình huống**

Sự phát triển của phong trào Cách mạng thế giới trong những thập niên 70 - 80 của thế kỷ XIX với sự ra đời của Cách mạng chính Đảng công nhân có tính chất quần chúng ở nhiều nước đòi hỏi phải có một tổ chức Quốc tế mới để lãnh đạo phong trào công nhân thế giới.

Quốc tế thứ hai được thành lập. Phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX phát triển như thế nào? Hoạt động và vai trò của tổ chức Quốc tế thứ hai này ra sao? Nội dung bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời những câu hỏi trên.

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX Bước 1: Gv: Nguyên nhân dẫn đến phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX? Hs đọc SGK thảo luận trả lời, gv kết luận. Bước 2: Gv: Hãy cho biết phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra như thế nào? GV nhấn mạnh đến cuộc đấu tranh của công nhân Chi-ca-gô (Mĩ): Cuộc tổng bãi công của gần 40 vạn công nhân Chi-ca-gô ngày 1 - 5 - 1886 đòi lao động 8 giờ đã buộc giới chủ phải nhượng bộ. Ngày đó đi vào lịch sử là ngày Quốc tế lao động và chế độ ngày làm việc 8 giờ dần được thực hiện trong nhiều nước. Bước 3: Gv: Điểm mới gì nổi bật trong phong trào	1. Phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX - Nguyên nhân: + Đội ngũ công nhân tăng về số lượng và chất lượng, có điều kiện sống tập trung. + Do sự bóc lột nặng nề của giai cấp tư sản, chính sách chạy đua vũ trang làm đời sống công nhân cực khổ → bùng nổ các cuộc đấu tranh của công nhân - Phong trào công nhân đòi cải thiện đời sống, đòi quyền tự do dân chủ ngày càng lan rộng, đặc biệt ở các nước tư bản tiên tiến như Anh, Pháp, Đức, Mĩ. + Tiêu biểu gần 40 vạn công nhân Chi-ca-gô ngày 1 - 5 - 1886 đòi lao động 8 giờ đã buộc giới chủ phải nhượng bộ. Ngày đó đi vào lịch sử là ngày Quốc tế lao động.

công nhân thế giới thời kỳ này? Hs đọc SGK thảo luận trả lời, gv kết luận.	+ Nhiều Đảng công nhân, Đảng xã hội, nhóm - Yêu cầu thành lập một tổ chức Quốc tế m
Bước 4: Gv: Những sự kiện nào chứng tỏ phong trào công nhân thế giới vẫn tiếp tục phát triển trong nhữ Hs đọc SGK thảo luận trả lời, gv kết luận.	

3. Hoạt động luyện tập

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi nhận thức ngay từ đầu giờ học: Phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX diễn ra như thế nào? Hoàn cảnh lịch sử hoạt động và vai trò của Quốc tế thứ 2?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc trước bài mới.

Tiết thứ 50

Ngày soạn: / /2019

BÀI 40: LÊ-NIN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA ĐẦU THẾ KỶ XX

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nắm vững hoạt động của Lênin trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa cơ hội, qua đó hiểu được nhờ những hoạt động đó của Lê-nin, Đảng công nhân xã hội dân chủ Nga ra đời đã triệt để đấu tranh vì quyền lợi của giai cấp công nhân lao động.

- Nắm được tình hình Nga trước Cách mạng; diễn biến của Cách mạng, tính chất và ý nghĩa của Cách mạng Nga 1905 - 1907.

2. Tư tưởng, tình cảm

- Bồi dưỡng lòng kính yêu và biết ơn những lãnh tụ của giai cấp vô sản thế giới, những người cống hiến cả cuộc đời và sức lực cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc lao động bị áp bức bóc lột trên toàn thế giới.

3. Kỹ năng

- Phân biệt sự khác nhau giữa các khái niệm: Cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ, Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, chuyên chính vô sản.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện

- Năng lực thực hành bộ môn

II. THIẾT BỊ VÀ TÀI LIỆU DẠY - HỌC

- Tranh ảnh về cuộc Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga, chân dung Lê-nin.

- Tư liệu về tiểu sử của V.I.Lênin.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: Trình bày, so sánh, phân tích, nhận xét

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY - HỌC

1. Tạo tình huống

Đầu thế kỷ XIX, kế tục sự nghiệp của Mác và Ăng-ghe-n, V.I.Lênin đã tiến hành cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống các trào lưu tư tưởng cơ hội chủ nghĩa, đưa chủ nghĩa Mác ngày càng ảnh hưởng sâu rộng trong phong trào công nhân Nga và phong trào công nhân quốc tế. Để hiểu cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội dưới sự lãnh đạo của Lênin như thế nào? Diễn biến, kết quả, ý nghĩa cuộc Cách mạng 1905 - 1907 ra sao, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1; Tìm hiểu Lê Nin và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội Bước 1: GV gọi một HS đọc và trình bày tóm tắt về tiểu sử của Lênin? kết hợp giới thiệu chân dung Lênin. Hs trình bày, gv nhận xét. Bước 2: GV nêu câu hỏi: Trình bày những hoạt động tích cực của Lê-nin thành lập Đảng vô sản kiểu mới? Hs thảo luận trình bày, gv nhận xét. Bước 3: Gv: Cuộc đấu tranh chống lại phái cơ hội đầu kiểm tra XIX ở Nga diễn ra như thế nào? Hs thảo luận trình bày, gv nhận xét.	I. VI.LÊNIN VÀ CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI - Tiểu sử: Vla-đi-mia Ilích U-ki-a-nốp tức Lênin sinh ngày 22 - 4 - 1870 trong gia đình nhà giáo tiến bộ. + Mùa thu năm 1895 Lênin thống nhất các nhóm Mác xít ở Pê-téc-bua. - Năm 1900, Lênin cùng với các đồng chí của mình xuất bản báo "Tia lửa" nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân Nga. - Năm 1903, đại hội Đảng công nhân xã hội Nga được triệu tập ở Luân Đôn dưới sự chủ trì của Lênin để bàn về cương lĩnh điều lệ

- + Đầu thế kỷ XX khi các nước đế quốc chạy đua vũ trang chuẩn bị chiến tranh thì phái cơ hội trong Quốc tế 2 kêu gọi công nhân ủng hộ chính phủ tư sản với mình, ủng hộ chiến tranh.
- + Duy nhất có Đảng Bôn-sê-vích do Lenin lãnh đạo là đấu tranh chống lại chiến tranh đế quốc với khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến Cách mạng".

Hoạt động 2; Tìm hiểu cuộc cách mạng 1905 – 1907

Bước 1:

Gv: Cho biết tình hình nước Nga trước Cách mạng?

Hs thảo luận trình bày, gv nhận xét.

+ Đầu thế kỷ XX kinh tế công thương nghiệp Nga phát triển, xuất hiện các công ty độc quyền, đội ngũ công nhân đông đảo.

+ Về chính trị, duy trì bộ máy cai trị của chính quyền phong kiến, chế độ Nga hoàng kìm hãm sự phát triển sản xuất, bóp nghẹt quyền tự do dân chủ, hầu hết các giai cấp bất mãn...

→ Đời sống nhân dân, nhân dân lao động cực khổ.

+ Sự thất bại trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật 1904 - 1905 làm mâu thuẫn xã hội càng sâu sắc → bùng nổ Cách mạng.

Bước 2:

Gv: Trình bày những nét chính diễn biến của cách mạng Nga 1905 – 1907?

Hs thảo luận trình bày, gv nhận xét.

Bước 3:

Gv: Hãy cho biết tính chất, ý nghĩa của Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga? Tại sao nói đây là

Đảng. Hình thành 2 phái Bôn-sê-vích đa số và phái Men-sê-vích thiểu số.

- Đầu thế kỷ XX các phái cơ hội trong Quốc tế 2 ủng hộ chính phủ tư sản, ủng hộ chiến tranh.

+ Đảng Bôn-sê-vích do Lenin lãnh đạo là kiên quyết chống chiến tranh đế quốc, trung thành với sự nghiệp vô sản.

- Lenin có những đóng góp quan trọng về mặt lý luận thông qua những tác phẩm của mình.

II. CÁCH MẠNG 1905 - 1907 Ở NGÀ.

1. Tình hình nước Nga trước Cách mạng

- Về kinh tế: Công thương nghiệp phát triển, các công ty độc quyền ra đời.

- Về chính trị: Chế độ Nga hoàng kìm hãm sản xuất, bóp nghẹt tự do dân chủ → đời sống nhân dân, công nhân khổ cực.

- Sự thất bại trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật → Xã hội mâu thuẫn sâu sắc dẫn đến bùng nổ Cách mạng.

2. Cách mạng bùng nổ.

- Ngày 09/01/1905, 14 vạn công nhân Pê téc bua và gia đình không vũ khí đến Cung điện mùa đông để thỉnh cầu Nga hoàng cải thiện đời sống nhưng họ bị đàn áp, công nhân dựng chiến lũy chiến đấu.

- Mùa thu năm 1905 phong trào Cách mạng tiếp tục dâng cao với những cuộc bãi công chính trị của quần chúng làm ngưng trệ mọi hoạt động kinh tế và giao thông.

- Tại Mat-xcơ-va, tháng 12 - 1905 cuộc tổng bãi công → Khởi nghĩa vũ trang song bị thất bại.

- Tính chất: Là cuộc Cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất ở Nga. Đây là một cuộc

cuộc Cách mạng tư sản kiểu mới? Hs thảo luận trình bày ý kiến của mình về chủ tư sản kiểu mới.

- Đây là cuộc Cách mạng tư sản kiểu mới vì: Do giai cấp vô sản lãnh đạo với sự tham gia của đông đảo
Cách mạng XHCN.

- Ý nghĩa:

+ Giáng một đòn mạnh mẽ vào chế độ Nga hoàng

+ Thức tỉnh nhân dân các nước phương Đông

3. Hoạt động luyện tập

- Tổ chức cho HS trả lời câu hỏi nhận thức đặt ở phần dẫn dắt vào bài mới để củng cố kiến thức.

- Học bài cũ.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Giáo viên nhắc nhở học sinh về nhà chuẩn bị bài lịch sử địa phương

Tiết 51

Ngày soạn: / /2019

Bài 1: QUẢNG TRỊ - MẢNH ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

I. Mục tiêu bài học:

1. Về kiến thức: Qua bài học này giúp học sinh nắm được:

- Điều kiện tự nhiên, địa giới hành chính, đời sống văn hóa xã hội .

- Quá trình phát triển ban đầu, những thuận lợi và khó khăn của Quảng Trị.

2. Về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng đánh giá, so sánh, nhận định lịch sử.
- Kỹ năng sử dụng SGK. Kênh hình trong học tập lịch sử.

3. Về thái độ:

- Khâm phục tinh thần yêu nước quật cường, tinh thần đoàn kết, xây dựng, phấn đấu vươn lên của nhân dân Quảng Trị trong thời chiến cũng như thời bình...

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: SGK, giáo án, tư liệu lịch sử có liên quan.

2. Học sinh: Dụng cụ học tập, đọc và soạn bài trước ở nhà.

III. Phương pháp dạy học : thuyết trình, hoạt động nhóm, phân tích, đánh giá....

IV. Tiến trình bài dạy:**1. Tạo tình huống**

Hôm nay chúng ta học về lịch sử địa phương tỉnh Quảng Trị, tìm hiểu về Điều kiện tự nhiên, địa giới hành chính, đời sống văn hóa xã hội ..

2. Hình thành kiến thức mới

MỤC TIÊU – PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên Bước 1: Gv: Những hiểu biết của em về điều kiện tự nhiên của tỉnh ta? Hs thảo luận, trả lời. Bước 2: Gv: Điều kiện tự nhiên đó đem đến những thuận lợi và khó gì cho sự phát triển ? Hs thảo luận, trả lời. Gv nhận xét bổ sung. Gv: Nhân dân Quảng Trị đã đạt được những	1. Điều kiện tự nhiên - <i>Vị trí địa lý:</i> thuộc vùng Bắc Trung bộ, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình, Nam giáp tỉnh Thừa Thiên- Huế, Tây giáp nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào và phía Đông giáp biển Đông. Ngoài khơi có đảo Cồn Cỏ cách bờ biển (Mũi Lay- Cửa Tùng) khoảng 30 km. - <i>Địa hình</i> Quảng Trị nghiêng từ Tây sang Đông, chia thành 4 vùng: núi, đồi, đồng bằng, cồn cát và bãi biển. - <i>Khí hậu:</i> Quảng Trị có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhưng rất khắc nghiệt. - <i>Sông ngòi</i> Quảng Trị ngắn và dốc. Toàn tỉnh có 3 sông lớn là Bến Hải, Thạch Hãn, Ô Lâu. Những con sông này là nguồn cung cấp phù sa và nước tưới hàng năm cho vùng đồng bằng. - <i>Tài nguyên thiên nhiên:</i> chủ yếu là đất phù sa ở đồng bằng và đất đỏ bazan ở miền đồi, núi.

<p>sống sau chiến tranh? Hs dựa vào SGK trả lời câu hỏi. Gv nhận xét bổ sung.</p> <p>Hoạt động 2: Tìm hiểu địa giới hành chính Bước 1: Gv: Em hãy nêu những mốc chính về thay đổi địa giới hành chính tỉnh Quảng Trị qua các thời kỳ? Hs dựa vào SGK trình bày. Gv nhận xét bổ sung.</p>	<p>Diện tích rừng tự nhiên chiếm 21% diện tích đất toàn tỉnh, có nhiều loại gỗ và động vật quý hiếm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên khoáng sản: khá nhiều chủng loại nhưng trữ lượng không lớn. Vùng biển Quảng Trị khá rộng với nhiều hải sản quý. <p>2. Địa giới hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vào thời cổ đại, Quảng Trị thuộc đất bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nước Văn Lang, khi bị nhà Hán thống trị lại thuộc về quận Nhật Nam. - Năm 192, người Chăm đánh đuổi phong kiến phương Bắc, chiếm cứ quận Nhật Nam, Quảng Trị thuộc đất người Chăm. - Năm 1069, nhà Lý đánh vào Chiêm Thành, bắt được vua Chăm. Vua Chăm dâng ba châu: Địa Lý, Bồ Chính, Ma Linh cho nhà Lý. - Năm 1306, vua Chăm là Chế Mân cưới công chúa Huyền Trân và lấy hai châu Ô, Lý làm vật sính lễ. Vua Trần đổi châu Ô thành Thuận Châu và châu Lý thành Hoá Châu. Dải đất từ sông Hiếu (Cửa Việt) trở vào phía Nam của Quảng Trị ngày nay thuộc Thuận Châu. - Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá, đóng dinh tại cồn cát Ái Tử - Năm 1801, sau khi giành lại được chính quyền, Nguyễn Ánh lập ra dinh Quảng Trị, tên Quảng Trị xuất hiện từ đó. Năm 1832 mới thành lập tỉnh Quảng Trị. - Thời Pháp thuộc, cơ bản địa giới hành chính Quảng Trị không thay đổi. - Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (tháng 7-1954), theo Hiệp định Giơnevơ, đất nước ta tạm thời chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) làm ranh giới. Vì vậy, tỉnh ta cũng bị chia cắt. Phía Bắc sông Bến Hải là huyện Vĩnh Linh. Phía Nam sông Bến Hải là
---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội

Bước 1:

Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự phát triển kinh tế để trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về nền kinh tế Quảng Trị?

Hs dựa vào SGK trình bày.

Gv nhận xét bổ sung.

Bước 2:

Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu đời sống văn hóa xã hội để trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu những phẩm chất và truyền thống quý báu của con người Quảng Trị?*

Hs dựa vào SGK trình bày.

Gv nhân xét bổ sung.

vùng Mỹ nguy tạm
chiếm.

- Sau khi thống nhất, Quảng Trị cùng Quảng Bình, Thừa Thiên và khu vực Vĩnh Linh lập thành tỉnh Bình Trị Thiên.

- Tháng 7-1989, tỉnh Quảng Trị được tái lập, tỉnh lỵ là thị xã Đông Hà. Đến năm 2000, toàn tỉnh gồm 2 thị xã, 7 huyện, 136 xã, phường, thị trấn.

3. Đời sống kinh tế, văn hoá và xã hội

a. Về kinh tế

- Lúc đầu chủ yếu sống bằng nghề săn bắn, hái lượm -> trồng lúa nước, chăn nuôi ra đời và cũng rất phát triển.

- Ngày nay chủ yếu là nông nghiệp, nghề đánh bắt cá , nghề nuôi cá đầm, cá nước ngọt.,nghề thủ công ra đời từ rất sớm và phát triển nhiều nơi như nghề dệt vải, dệt chiếu mây, chiếu cói, nghề luyện đồng, nghề làm muối, nghề nấu rượu... Nghề làm nón, đan lát có hầu khắp các làng.

- Sự phát triển của nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làm cho giao lưu buôn bán giữa các vùng, giữa Quảng Trị và nước bạn Lào ngày càng phát đạt. Từ lâu đời, chợ Phiên, chợ Do, chợ Cầu, chợ Sãi, chợ Sòng, chợ Kẽ Diên...rất đông đúc, sầm uất.

- Ngành công nghiệp Quảng Trị mới ra đời vào những năm cuối thế kỷ XX. Một số ngành công nghiệp phát triển khá như sản xuất xi măng, gạch tuynen và khai thác đá...

Em có nhận xét gì về nền kinh tế

Quảng Tri?

b. Văn hoá, xã hội

Quảng Trị chủ yếu có ba dân tộc anh em cùng chung sống, đó là dân tộc Kinh, dân tộc Bru- Vân Kiều và dân tộc Tà Ôi- Pa Cô.

Văn hoá Quảng Trị được xây dựng bởi các cộng đồng tộc người Việt, Chăm, Bru-

<p>Gv khái quát lại: Để có quê hương Quảng Trị hôm nay, nhân dân ta đã trải qua quá trình đấu tranh lâu dài chống giặc ngoại xâm và thiên tai, hoạn nạn; phải đổ bao mồ hôi và máu để dựng xây và bảo vệ quê hương, đất nước; hình thành ở con người Quảng Trị những phẩm chất và truyền thống vô cùng cao quý. Mỗi chúng ta phải có trách nhiệm giữ gìn và phát huy những phẩm chất, truyền thống ấy trong cuộc sống hôm nay và mai sau.</p>	<p>Vân Kiều, Tà Ôi- Pa Cô trải suốt chiều dài lịch sử hàng trăm năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tồn tại nhiều hình thức tín ngưỡng dân gian như: thờ cúng tổ tiên, gia tộc, dòng họ... - Quảng Trị có hai tôn giáo chính là Phật giáo và Thiên chúa giáo. - Nhân dân Quảng Trị có truyền thống hiếu học, thời nào cũng có người đỗ đạt. Người đỗ tiến sĩ đầu tiên của tỉnh là ông Bùi Dục Tài. - Cuộc sống rất lạc quan, tin tưởng bằng các sinh hoạt văn hoá phong phú, đa dạng như ca hát, các trò chơi dân gian, đặc sắc nhất là chuyện Trạng Vĩnh Hoàng. - Cũng chính vì vậy, quê hương Quảng Trị đã sản sinh ra nhiều người con ưu tú như Bùi Dục Tài, Lê Duẩn, Lê Thế Tiết, Trần Hữu Dực, Lê Chuông, Hoàng Thị Ái, Đặng Thí, Chế Lan Viên, Trần Hoàn, Đoàn Khuê...
---	---

3. Hoạt động luyện tập :

- Gv củng cố bài học thông qua một số câu hỏi:

1. Theo em, đặc điểm tự nhiên Quảng Trị có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế?
2. Em có nhận xét gì về quá trình hình thành địa giới hành chính Quảng Trị?
3. Đặc điểm chủ yếu của nền kinh tế Quảng Trị?
4. Em có nhận xét gì về văn hoá Quảng Trị? Theo em, ngày nay, văn hoá Quảng Trị còn bảo tồn những nét đẹp gì?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- + Trả lời câu hỏi cuối bài.
- + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra học kỳ 2.

Tiết thứ 52

Ngày soạn: / /2019

ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

:

1. Kiến thức :

- Giúp học sinh nắm vững các nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa

thế kỉ XIX và lịch sử thế giới cận đại.

- Từ việc nắm kiến thức cơ bản để vận dụng vào việc giải quyết một số bài tập được đề ra.
- Quy luật phát triển không ngừng của lịch sử.

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện kỹ năng khai thác, sử dụng tranh ảnh lịch sử.
- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, nhận định, đánh giá.

3. Thái độ :

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu CNXH, tinh thần lao động xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.
- Sự đóng góp của các nước đối với lịch sử nhân loại.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

* Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tái hiện sự kiện
- Năng lực thực hành bộ môn: khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, biểu đồ liên quan đến bài học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV-HS:

- Tranh ảnh minh họa.
- Các tư liệu liên quan.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC: trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, rút ra nhận xét.....

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Phương pháp:

c. Dự kiến sản phẩm: Chúng ta đã hoàn thành xong chương trình lịch sử 10, hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu một số nội dung liên quan đến kiểm tra học kì II.

2. Hình thành kiến thức mới.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP Bước 1: Gv hướng dẫn hs ôn tập theo đề cương, tập trung vào một số nội dung chính, trọng tâm. Hs dựa vào đề cương đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. Gv nhận xét, chốt ý.	ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP 1. Tình hình chính trị nước ta trong các thế kỷ X-XV, XVI- XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX. 2. Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thế kỷ X- XVIII. 3. Nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân

<p>Bước 2: Gv nhấn mạnh một số nội dung trọng tâm, cần mở rộng để hs nắm thêm:</p> <p>Nguyên nhân sự phát triển kinh tế qua các thời kì (nhấn mạnh bối cảnh lịch sử)</p> <p>Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên.</p> <p>Hệ thống hóa các sự kiện lịch sử để rút ra đặc điểm.</p> <p>Lập bảng so sánh..</p> <p>Hs lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.</p>	<p>trực tiếp của: cuộc cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.</p> <p>4. Diễn biến của: cuộc cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.</p> <p>5. Tại sao nói: Thời kỳ Gia-cô-banh là đỉnh cao của cuộc cách mạng tư sản Pháp?</p> <p>6. Tính chất của cuộc cách mạng Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, Cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII.</p> <p>7. Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.</p> <p>8. Cách mạng công nghiệp Anh</p>
--	--

3. Luyện tập:

Gv hệ thống lại một số nội dung quan trọng, định hướng cho hs trong ôn tập chuẩn bị kiểm tra học kì. GV cho HS làm các bài tập liên quan

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

Ôn tập chuẩn bị cho tiết sau kiểm tra học kì II.